L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ SỰ DÙNG CHỮ NHO TRONG VĂN QUỐC-NGỮ

Khi đăng cái thơ của ông Ng.-H.-V., bản-báo có nói xin bày làm cuộc công-luận, để các bạn đọc báo hẵng bàn trước, rồi khi nào công-luận đã định, bấy giờ bản-báo sẽ có bài kết-luận. Nhiều ông nhân cái thơ đó đã gởi bài trả lời, bản-báo cũng lần-lượt đăng cả. Hiện nay vẫn còn có bài gởi đến, chưa đăng kịp. Nhưng tưởng những điều cốt-yếu các ngài đã bàn cả rồi, và lời công-luận đối với cái thơ ông V. có thể tóm lại một câu : là ai ai cũng cho lời lẽ ông là quá-đáng, và ai ai cũng công-nhận rằng chữ nho rất cần cho quốc-văn ta, cần hơn là các chữ khác, và không thể nào theo ý ông dùng thuần tiếng nôm trong quốc-văn được. Chính ông dễ cũng biết như vậy, nhưng ông cố khẳng-khái không chịu nhận. Kể cũng là cứng lắm, nhưng thiết-tưởng cái khí-khái ấy nếu biết hạn-chế lại một chút thì hay hơn. Ông khí-khái quá, thành ra hỏng cả. Cứ thực mà nói, những ý-kiến của ông không phải là không có giá-trị, nhưng vì ông nói quá lời nên không ai nghe được, ai cũng phải phản-đối ông, phần nhiều là phản-đối cái lời sỗ-sàng của ông hơn là phản-đối cái ý-kiến ông. Ông không biết rằng dân ta là một dân chuộng văn, dẫu lẽ phải đến đâu cũng phải có lời văn đưa đi thì người ta mới chịu nghe, mới chịu nhận. Có lẽ đó cũng là một cái tính thiên của người mình ; nhưng sao được ? Mình sinh-trưởng trong xã-hội nước mình, phải theo thói thường của xã-hội, dẫu muốn ra công cải-cách, trước cũng phải theo đã, rồi mới lựa chiều mà thay đổi lần-lần. Nếu ăn nói trái ngược hẳn người ta thì cho dẫu mình phải mười mươi cũng không ai chịu nghe, còn mong sao sửa đổi được người ? Huống cái lẽ phải của mình cũng chưa chắc lắm, mà lời nói lại ngỗ-ngược, thì ai còn dung được ?

Tôi chắc rằng ông viết cái thơ cho tôi đó là chỉ vì lòng thành thương tiếng nước nhà, muốn cho tiếng an-nam ta chóng độc-lập được, khỏi phải chịu cái quyền áp-chế của tiếng ngoài : ông thấy *Nam-Phong* hay dùng chữ nho, ông cho là chúng tôi đi lầm đường, ông muốn lấy lời thành-thực mà cảnh-cáo cho chúng tôi biết. Cái bụng đó thật đáng khen, đáng phục lắm. Nhưng tiếc thay, cứ lời ông nói thì ai cũng phải hiểu lầm cái bụng ông ; cứ lời ông thì tưởng suốt nước Nam chỉ có một mình ông là biết thương tiếng nước nhà, còn hết thảy người ta

đều là man-mọi cả, đều là u-mê cả, chỉ say-đắm chữ tàu mà không biết nghĩ đến tiếng nước mình ; cứ lời ông thì ai cúng phải cho ông là người ngỗ-nghịch, là người ngạo-mạn, không coi ai ra gì ; thậm-chí có người muốn buộc cho ông cái tội « phạm-thượng » ! Tôi biết rằng trong bụng ông không nghĩ đâu những điều xằng như vậy. Nhưng tiếc thay, cái văn ông nó hại ông ! Người ta thường nói : « Văn tức là người » (*Le style, c'est l'homme*), nghĩa là người thế nào thì phát-hiện ra lời văn như thế. Nếu cứ lấy lời văn ông mà xét người ông, thì người ta cho ông là gì ? Tôi đáp sợ phiền lòng ông, vả tôi cũng chắc rằng cái văn ấy chưa phải là người ông vậy.

Kịp đến khi cái thơ của ông công-bố trong quốc-dân, thì ai ai cũng tức-giận vì lời nói ông, mà không mấy người xét kỹ đến cái chủ-ý ông. Thành ra trước sau cái vấn-đề vẫn chưa giải-quyết : hai bên nói có nhiều, bác có dứ, mà thủy-chung cái phần cốt-yếu vẫn chưa bàn đến lẽ.

Nay tôi muốn kết cái cuộc công-luận này, và bàn tường về cái vấn-đề cốt-yếu ông đã khởi-xướng ra, tức là cái vấn-đề về sự dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ. Tôi bàn đây không phải là lấy cái tư-cách chủ-bút *Nam-Phong* mà đối-đáp với ông : nếu tôi muốn đối-đáp thì đối-đáp đã lâu rồi, nhưng thiết-tưởng tranh ăn nói không có ích gì, lấy lẽ bàn còn có bổ hơn. Vậy nay tôi bàn là chủ lấy bình-tĩnh, tức như người đứng giữa mà phân-giải các lẽ, không phải là người có quan-hệ đến những lời bình-phẩm của ông. Ngay từ đầu tôi đã giữ cái địa-vị « khách-quan », tới nay tôi cũng không muốn ra ngoài cái địa-vị đó ; thiết-tưởng có thế thì lời bàn mới có giá-trị vậy.

***

Xét cho kỹ, cả cái vấn-đề chỉ gồm trong mấy câu hỏi như sau này : Văn-quốc-ngữ do hán-văn mà ra, không thể dời cái khuôn-phép của hán-văn mà thành-lập được ; nhưng hiện nay chữ hán không mấy người biết nữa, làm thế nào cho quốc-văn thành được ? Có thể bỏ hết chữ hán mà chỉ dùng tiếng nôm được không ? Nếu không thể bỏ được, thì cách dùng chữ hán trong quốc-văn phải thế nào cho thích-hợp ? — Rút lại chỉ ở một câu hỏi sau cùng đó mà thôi, vì ai cũng thừa biết rằng bỏ hết chữ hán mà chỉ dùng tiếng nôm không thể được, quốc-văn mà dời cái khuôn-phép của hán-văn không sao thành-lập được ; ai cũng đã thừa biết như thế rồi, dẫu có người ngoài mặt không chịu công-nhận, mà trong lòng cũng phải ám-nhận như vậy. Xét cho cùng, dễ cũng chỉ vì ngoài mặt cố cưỡng không chịu công-nhận mà trong lòng không thể không ám-nhận được, trong ngoài phản-trái nhau, sinh ra bực-tức, mới ra tay búa rìu mà phá đổ cái vật nó trướng mắt mình, nghĩa là cái vật mình thường trông thấy mà không hiểu là gì. Cứ lấy thường-tình mà xét thì phải lắm, vì cái gì đã không biết còn ưa sao được ? Mình không hiểu chữ nho, cứ thấy người ta dùng chữ nho hoài, trách chi không tức giận ? Trách chi không ray tay mắm miệng, đập đất dẫm chân, mà hò, mà thét, mà la, mà dọa, cho người ta thôi đi. Nếu có quyền cấm được, cũng không dừng. Nhưng lấy lẽ phải đương-nhiên mà xét, tức giận như vậy có bổ-ích chi ? Hò, thét, la, dọa, có đủ đuổi được hết chữ nho trong quốc-văn không ? Quyết rằng không, chỉ đủ tỏ cái bụng nóng-nẩy, cái lòng cắm-tức riêng mà thôi.

Nay muốn giải cái vấn-đề cho tường, phải chia ra hai đoạn như sau này :

1° Quốc-văn là do hán-văn mà ra, không thể bỏ chữ hán mà không dùng được, cũng không thể dời khuôn-phép của hán-văn mà thành-lập được.

2° Sự dùng chữ hàn trong quốc-văn đã là một lẽ tất-nhiên rồi thì phải dùng thế nào cho thích-hợp ?

***

Thuộc về đoạn thứ nhất thì phàm người nào đã biết lịch-sử nước nhà cũng phải công-nhận như vậy. Nước ta học chữ tàu trong hai nghìn năm, trong hai nghìn năm lấy chữ tàu làm văn-tự chung trong nước. Chữ tàu phổ-thông trong dân-gian cho đến nỗi ngày nay vẫn còn có người gọi hán-tự là *chữ ta, chữ An-nam*. Thử về chốn nhà quê mà đưa cho ông lão-già hay đứa con trẻ một tờ chữ nho hỏi là chữ gì, tất ai cũng đáp là chữ An-nam. Mười năm, hai mươi năm về trước, những người theo nho-học, có ai nghĩ đến cái chữ mình học là chữ của ngoại-quốc đâu ? Hiện nay trong bọn cựu-học ở Bắc-kỳ Trung-kỳ cũng vẫn còn nhiều người như thế. Cái tư-tưởng lấy lời nôm làm quốc-văn là cái tư-tưởng mới nẩy ra gần đây mà thôi, và cũng chưa vào sâu trong dân-gian cho lắm. Trước kia quốc-văn tức là hán-văn, hán-văn tức là quốc-văn, tự-nhiên như vậy, không ai bận lòng mà phân-biệt chữ nào là chữ ngoài, tiếng nào là tiếng mình, chỉ biết *văn* thì duy có hán-văn mà thôi, mà *nôm* là lời tục trong dân-gian của những kẻ không biết chữ. Ta không phải phán-đoán sự đó là phải hay không phải, nên hay không nên, chỉ biết rằng đó là sự hiển-nhiên như thế và là cái chứng rõ rằng chữ hán đã tiêm-nhiễm vào trong trí-não người nước Nam sâu lắm rồi, đã thành cái biểu-hiệu tự-nhiên của sự tư-tưởng cảm-giác của người mình trong mấy mươi thế-kỷ nay. Con khóc cha cũng làm văn-tế bằng chữ nho, chồng dặn vợ cũng viết thơ-từ bằng chữ nho ; coi đó thì biết chữ nho phổ-thông là dường nào, tức là cái văn-tự độc-nhất-vô-nhị của nước mình. Mười năm, hai mươi năm về trước, nếu ta bảo một người học trò nho rằng : « Cái chữ bác học đó là chữ của nước ngoài, sao bác không học tiếng nước mình, sao lại bỏ của mình mà đi mượn của người cho nó phiền », tất họ kinh-ngạc không hiểu là chuyện chi rồi cười mà cho mình là người cuồng. Tất trong bụng họ nghĩ : « Chữ của ông cha, của tổ-tiên mình vẫn học xưa nay, của cả nước mình từ vua quan cho đến người thường-dân ai cũng biết, sao lại gọi là trong với ngoài ? sao lại gọi là của mình với của người ? Anh này gàn thật ! Vẫn biết rằng chữ nho là tự Tàu đem sang, nhưng đem tự đời kiếp nghiệp lai nào, mình học đã tự bao giờ đến giờ, thì là chữ của mình chớ còn của ai ? » Xét cho cùng, cái ý-kiến đó, tuy mới coi tưởng là hẹp-hòi, mà thật là có lý lắm. Chữ nho tuy phát-tích ra tự Tàu, mà từ đời cổ-xưa đã không phải là văn-tự riêng của một dân một nước Tàu rồi. Chính nước Tàu đời xưa cũng không phải là một nước, thực là một « thế-giới » bao-gồm biết bao nhiêu dân, bao nhiêu nước khác nhau. Mỗi dân có một tiếng nói riêng, mỗi nước có một phong-tục riêng, có dân nội-thuộc rồi độc-lập, có nước độc-lập mà vẫn chịu văn-hóa của Trung-hoa. Cái văn-hóa ấy tràn khắp một cõi địa-cầu, phổ-cập mấy trăm triệu con người, dẫu văn-hóa của Hi-lạp (grecque), la-mã (latine) bên Tây-phương cũng không bành-trướng được rộng bằng. Đồ dùng để truyền-bá cái văn-hóa ấy tức là chữ nho. Chữ nho là một thứ chữ viết, không phải là một thứ tiếng nói ; đem vào nước nào thì theo cái thanh-âm của nước ấy mà đọc ra, chữ vẫn là chữ chung mà đọc theo thanh âm nước nào thành ra lời riêng của nước ấy, nước khác cũng học chữ ấy má đọc khác đi, nghe nhau không hiểu, phải viết ra chữ mới hiểu được. Không những các nước ở ngoài

nước Tàu, mà đến các tỉnh nội-địa Tàu, tỉnh nọ đối với tỉnh kia cũng vậy : một người khách Quảng-đông với một người khách Bắc-kinh nói chuyện với nhau, tuy toàn là lời chữ nho mà hai người tuyệt-nhiên không hiểu gì cả, phải « bút-đàm » mới biết là nói chuyện gì. Cho nên người Tàu phải đặt ra một thứ tiếng riêng gọi là *quan-hoại* để giao-thông với nhau, nhưng *quan-hoại* là cái tiếng của người làm việc quan mà thôi, ai có học mới biết, cũng như là học một thứ tiếng ngoài vậy. Ấy người Tàu với nhau còn vậy, huống chi là người Nhật-bản, người An-nam, hay là người Cao-ly, tuy cũng chịu văn-hóa của Trung-quốc và lấy chữ nho làm văn-tự, nhưng thâu-nhập sang nước mình đã hầu thành như của riêng của mình rồi. Thí-dụ như hai chữ « văn-minh », vốn là hai chữ nho 文 明, mà tiếng quan-hoại Tàu đọc là *wen-ming*, tiếng tỉnh Quảng-đông bên Tàu đọc là *men-min*, không biết tiếng tỉnh Tứ-xuyên, Phúc-kiến, Vân-nam, Quí-châu, v. v., hay là tiếng Mãn-châu, Mông-cổ, Tây-tạng, là những đất phiên-li của Tàu, còn đọc khác đi đến thế nào ; đến tiếng An-nam ta thì đọc là *văn-minh*, mà tiếng Nhật-bản thì lại đọc là *bunmei*. Bấy nhiêu xứ chỉ chung nhau có hai cái hình chữ 文 明, còn thanh-âm thì khác nhau biết dường nào ! Hai cái hình đó giá cho là của Cao-ly, của Nhật-bản, của An-nam hay là của Mãn-châu cũng được. Chỉ vì nó xuất-hiện ra trước nhất ở đất nước Tàu, chỉ vì ngày nay người Tàu dùng nó nhiều hơn cả, nên ta gọi nó là « chữ Tàu » mà thôi. Bởi thế cho nên nước nào xưa nay dùng thứ chữ đó cũng tự nhận là chữ của mình, mà thiệt dễ cũng là chữ của mình đến một nửa, vì mình viết nó có giống người mà mình nói nó ra giọng mình, người không hiểu được, thế chẳng phải là của mình hay sao ? Nói rút lại chữ nho là một cái « tử-văn » *(langue morte)*, nghĩa là một thứ chữ người ta không dùng để giao-thông bằng lời nói được, vì nó không có thanh-âm nhất-định, mà chỉ học để tập-luyện trí-thức, để thấu-hiểu các văn-chương nghĩa-lý của người đời trước để lại, văn-chương nghĩa-lý ấy là cái kho báu chung của cả nhân-loại vậy. Tức cũng như văn Hi-lạp, văn La-mã bên Âu-châu : văn Hi-lạp, văn La-mã cũng là « tử-văn » ; ngày nay có còn ai nói tiếng Hi-lạp, tiếng La-mã như trong sách Homère (Ô-me) hay sách Cicéron (Xi-xê-lông) nữa đâu ? Tiếng *grec*, tiếng *italien* ngày nay, không có giống tiếng Hi-lạp La-mã đời xưa một chút nào. Các nước Âu-châu xưa nay học chữ La-mã, chữ Hi-lạp, mượn hai thứ chữ ấy mà đặt tiếng mình, cũng tức như An-nam ta học chữ nho, mượn chữ nho và đọc chữ nho ra âm-vận an-nam vậy. Chỉ khác nước ta chịu văn-hóa của nho-học lâu đời quá, nên tiếng nước mình đối với chữ nho có cái quan-hệ mật-thiết hơn là tiếng các nước Âu-châu đối với chữ Hi-lạp hay chữ La-mã. Các nước Âu-châu không nước nào trong hai nghìn năm chỉ chuyên học chữ Hi-lạp hay chữ La-mã như nước ta chuyên học chữ nho vậy. Nhưng cai lý cũng như nhau. Vì nếu có nước nào như vậy, thì cái tình-trạng quốc-văn của nước ấy tất cũng chẳng khác gì quốc-văn ta bây giờ, nghĩa là không thể thoát-li văn cũ mà thành được.

Ngày nay những người phản-đối chữ nho thường lấy hai cớ như sau này :

Một là chữ nho là chữ của người Tàu, người Tàu trong bao nhiêu lâu đã áp-chế dân mình, hiện nay vẫn còn tranh hết lợi-quyền của người mình về đường buôn bán. Người An-nam nên ghét người Tàu mới là phải, cớ chi lại còn học chữ tàu, dùng chữ tàu, để chịu lấy cái áp-chế vô-hình của

chúng nó nữa ? — Người nào bàn như vậy là lẫn việc văn-tự với việc chính-trị, việc kinh-tế. Người Tàu xưa kia về đường chính-trị đã áp-chế ta nhiều, ta nên ghét là phải, nhưng sự ghét đó là thuộc về lịch-sử, vì là việc cũ rồi. Người Tàu ngày nay về đường kinh-tế vẫn tranh cướp lợi-quyền của ta nhiều, ta nên ghét lại là phải lắm nữa, nhưng ghét thì phải làm thế nào, phải bày mưu lập kế thế nào mà tranh lại những lợi-quyền đó mới được, chớ cứ nói ghét không, có bổ-ích gì ? Còn như chữ nho là văn-tự của Tàu thì hiện không có quan-hệ gì đến đường chính-trị, đường kinh-tế cả. Ta đã giải rõ trên kia rằng chữ nho là một thứ « tử-văn » chung cho cả các nước Á-đông đã chịu văn-hóa của nho-học. Ta học chữ nho không phải là chịu áp-chế của người Tàu, tức cũng như người Âu-châu học chữ La-tinh không phải là chịu áp-chế của người Ý-đại-lợi ngày nay. Ta học chữ nho mà thử giở trong quốc-sử coi, biết bao nhiêu phen ta đánh Tàu siểng-liểng, đuổi được nó ra ngoài bờ-cõi nước ta ? Xét đến cái vấn-đề này phải phân-biệt rõ ràng, không nên lẫn việc nọ với việc kia mà làm cho người ta rối trí.

Hai là nước ta trong hai nghìn năm theo đòi nho-học của Tàu, mà đến đời nay trước khi nước Đại-Pháp sang khai-hóa, thế nước yếu hèn như vậy, dân-trí bán-khai như vậy, phần nhiều là tại nho-học. Nho-học đã chẳng ra gì, mình còn nên đâm đầu vào học chữ nho làm gì nữa ? — Những người nào nói như thế thật là không có cái tư-tưởng gì về lịch-sử, và là bội-bạc với tiền-nhân. Không biết rằng nước mình được như ngày nay, đã từng có một cuộc lịch-sử cũng lắm đoạn vẻ-vang chẳng kém gì người, thật là nhờ ở nho-học nhiều. Những bậc anh-hùng, hào-kiệt, chí-sĩ, cao-nhân, hiền-vinh cho nước, bởi đâu mà đã làm nên sự-nghiệp to lớn, bởi đâu mà đã để lại danh-tiếng thơm tho ? Chẳng phải là nhờ nho-học mấy đời đoàn-luyện mới nên rư ? Chẳng phải là nho-học đã gây dựng ra gia-tộc, ra xã-hội, ra quốc-gia ta rư ? Chắc ngày nay nho-học đã nhiều phần quá cũ rồi, không hợp với đời, nhưng cũ là cái hình-thức cũ mà thôi, còn cái tinh-thần, cái đạo-đức của nho-học thì cùng với núi sông mà sống mãi muôn đời. Ta nên bỏ là bỏ cái hình-thức phiền, còn cái tinh-thần phải giữ lấy, vì nước ta còn có mặt trên địa-cầu là còn phải nhờ cái tinh-thần ấy mới sống được. Nhưng muốn giữ cái tinh-thần ấy mà lại tiệt hẳn chữ nho là biểu-hiệu của cái tinh-thần ấy thì sao được ?

Xét cho cùng, cái vấn-đề về nho học, về quốc-văn, về sự dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ, bấy nhiêu cái chỉ do một cớ như sau này : là trong nước ta chưa có một nền quốc-dân-giáo-dục, nghĩa là cái giáo-dục chung cho cả dân trong nước, ai cũng phải qua đấy rồi mới lên các bậc khác ; qua đấy rồi tất thông-thuộc tiếng nước mình, biết làm văn bằng lời mình, hiểu các lẽ cương-thường luân-lý của tổ-tiên, tỏ các việc công-nghiệp lớn lao của đời trước, nghĩa là trước nhất đủ cái tư-cách làm dân, bấy giờ mới ra học các tiếng nước ngoài và thâu-nhập lấy những điều hay lẽ phải mình chưa biết. Hiện nay không có cái giáo-dục chung cho cả quốc-dân như vậy, thành ra người nào theo tây-học theo từ thủa nhỏ, tuy nhiều người học giỏi thành-tài, mà hình như càng ngày càng cách-biệt với quốc-dân, lời ăn tiếng nói, cách tư-tưởng cảm-giác không gì là giống với người mình. Như vậy thì hiểu làm sao được những điều cốt-yếu trong nước, hiểu làm sao được rằng nho-học là cái học đã đào-tạo ra người mình, rằng quốc-văn là cái văn nguồn gốc

tự chữ nho, không thể bỏ chữ nho mà thành-lập được ? Ấy đó, bởi người mình không có một cái gốc giáo-dục chung nên mỗi ngày một phân-lìa xa-cách nhau, đối với một việc rất cốt-yếu là việc quốc-văn mà mỗi người bàn một khác, kẻ Việt người Tần ! Than ôi ! cái vấn-đề quốc-văn cứ bình-tĩnh mà xét tưởng không lấy gì làm khó cho lắm, mà vì sự phân-lìa xa-cách đó thành ra một vấn-đề rất phiền-phức khó giải. Khó là bởi mỗi phe đứng một phương-diện, có mấy điều cốt, có mấy lẽ chánh, không chịu công-nhận trước, đã vội ra sức tranh-biện, chắc không bao giờ đồng-ý nhau được. Trước khi bàn về quốc-văn, những nhà tân-học phải hiểu rõ rằng quốc-văn không phải bỗng-dưng mà thành được, không phải không nương-tựa vào đâu mà dựng nên được, tất cũng như muôn vật ở đời phải có nguồn-gốc tự đâu mà ra, và nguồn-gốc ấy tức là hán-văn ; nay muốn ngăn nguồn bạt gốc đi thì mong sao mà thành-lập được ? Phải lấy bình-tĩnh mà suy xét như vậy mới được ; chớ cứ lấy cái lẽ rằng hiện nay mình không biết chữ nho mà cố yêu-sách bỏ chữ nho để tiện cho mình, thì sao gọi là bàn công được ? Bàn thế là bàn lệch về mặt mình, không phải là cách bàn chánh-đáng. Đã hay rằng hiện nay cái số người không biết chữ nho mỗi ngày một nhiều, nhưng không biết là tại mình quá theo thời mà quên gốc cũ, không thể cưỡng bắt quốc-văn cũng phải theo mình mà phản-bản được. Người trong nước mà vong-bản đã chẳng ra gì, quốc-văn mà phản-bản thì đi đời quốc-văn ! Vì người còn có thể như cái chong-chóng theo chiều gió mà xoay, quốc-văn là cái nền vững-vàng, phải có tiếp trước nối sau mới đứng được. Đó là điều cốt-yếu, lẽ chánh-trung, ai cũng phải công-nhận trước đã, rồi mới nên bàn về quốc-văn. Có thế thì bàn mới chánh-đáng được, không thời là lời bàn thiên-lệch cả.

Nay nói rằng chữ nho cần cho quốc-văn, không phải là có ý khuyên người nước mình lại trở về cái cách học phiền-toái đời xưa đâu. Cách học đó đã làm ngộ người mình trong bấy lâu, nay bỏ được là may lắm. Nhưng bỏ là bỏ cái phép dạy phép học quá cũ của đời xưa mà thôi, không phải là bỏ hẳn chữ nho mà không học nữa. Trong bài du-ký Nam-kỳ (bài đầu), tôi đã từng nói về sự đó. Tôi nói rằng : « Ngày nay cần phải biết chữ nho, không phải rằng phải học chữ nho như lối ngày xưa đâu, không phải rằng phải học cho làm được thơ, được phú, được văn-sách kinh-nghĩa như xưa đâu ; không phải rằng lại phải trở về cái lối thi-cử phiền-toái, khảo-cứu tỉ-mỉ như xưa đâu. *Xưa học chữ nho là vị chữ nho mà học chữ nho, nay học chữ nho là vị quốc-văn mà học chữ nho.* Cái mục-đích đã khác, cái phương-pháp cũng không giống. Xưa phải dùi mài kinh-sử, từng trải thiên-kinh vạn-quyển mới thi đậu được một chân đại-khoa, mới làm nổi được một nhà văn-sĩ có tiếng. Nay chỉ học cho đủ sự cần-dùng về quốc-văn mà thôi, chỉ học cho đủ hiểu hết một quyển *Kim-Vân-Kiều* hay một quyển *Lục-Vân-Tiên* mà thôi, thì có khó gì ? Trước trăm phần nay không được một phần. Nhưng cái một phần ấy rất cần, không biết thì không thể nào cầm ngọn bút mà viết thành bài văn quốc-ngữ được, dẫu tài-giỏi khôn-khéo đến đâu cũng không làm thế nào ra cái « hơi » văn An-nam được, vì cái « hơi » ấy là tự mấy mươi đời truyền lại cho ta, không phải tự mình mà đặt lấy ra được. Cho nên những người nào đã quyết không cho văn quốc-ngữ là cần, đành bỏ vào cái địa-vị yếu-hèn, chỉ đợi ngày tiêu-diệt cho xong, thì không nói làm chi, còn ai đã có bụng

thương đến tiếng nước nhà, muốn gây-dựng cho thành một nền quốc-văn có thể sống được ở đời này, thì phải noi theo lấy cái văn-điển cũ của ông cha, mà cái văn-điển cũ của ông cha ấy ngoài chữ nho không kiếm đâu cho thấy được.»

Vậy nay muốn cho quốc-văn thành-lập được, người nước mình không thể bỏ chữ nho mà không học được. Phải nên bỏ cái lối học phiền, học sai cách của đời xưa, nhưng chính chữ thì không nên bỏ, vì bỏ không được. Duy có không cần phải học nhiều như người trước, chỉ phải học sơ-sơ cho biết những chữ cần-dùng cùng những lề-lối thường của hán-văn mà thôi, để lâm-thời có thể mượn mà dùng trong quốc-văn được, và khi đọc những thơ-văn nôm của người trước để lại có thể thông hiểu được. Phép học như vậy tưởng không khó gì ; nếu dụng công chỉ trong một vài năm là thông-thông, đủ đọc được những sách tầm-thường bằng hán-văn. Thế là đủ, không cần phải học hơn nữa [1].

***

Nay đã giải rõ các lẽ đủ biết rằng chữ nho cần cho quốc-văn, không thể bỏ chữ nho mà mong quốc-văn thành được. Vậy ta xét đến đoạn thứ hai và bàn về cái cách nên dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ thế nào cho thích-hợp. Ta đã nói cả cái vấn-đề quốc-văn chỉ rút lại có một câu hỏi đó mà thôi. Các nhà để bụng về quốc-văn trước sau cũng chỉ tranh-biện nhau có một câu đó mà thôi. Những người cố ương-ngạnh, không chịu nhận rằng tiếng nước mình đối với chữ nho có cái giây liên-lạc rất bền-chặt không thể cắt-đứt đi được, thì không nói làm chi, còn những người đã biết như vậy vẫn còn phân-vân chưa biết nên dùng chữ nho thế nào cho thích-hợp. — Người thì nói hiện nay những chữ gì đã thường dùng, nhiều người biết rồi, thì cứ nên dùng, vì những chữ ấy hình như đã «nhập-tịch» vào tiếng An-nam rồi, còn những chữ gì khó và lạ không nên dùng. — Người thì nói rằng sự dùng chữ nho là một sự bất-đắc-dĩ, phàm cái gì có thể nói ra nôm được không nên dùng chữ, dù chữ đã thông-dụng mặc lòng ; còn cái gì nôm vốn không có mà có thể đặt tiếng mới ra cũng nên đặt, còn hơn là mượn chữ sẵn. — Người thì nói cách dùng chữ nho phải để tùy người làm văn chọn chữ nào là lọn nghĩa, trang-nhã, dễ đọc, dễ nghe, hợp với cái ý-nghĩa câu văn thì cứ việc dùng, không quản gì là chữ đã thông-dụng hay chưa thông-dụng, nhiều người biết hay ít người biết, vì nếu chưa thông-dụng dùng rồi mà hay tất thông-dụng, nếu ít người biết dùng rồi mà phải tất nhiều người biết. Cả chữ nho là cái kho vô-tận, nhà làm văn được tha-hồ mà kén chọn, mà lượm lặt, mà điều-hòa với tiếng nôm cho quốc-văn mỗi ngày một phong-phú thêm ra. — Người thì nói rằng bao nhiêu những chữ về cách-trí triết-học, tàu tuy cũng dịch theo Âu-châu mà chữ tàu lão-luyện thâm-thúy dịch vừa đúng nghĩa, vừa trang-nhã, tiếng nôm mình không bao giờ dịch cho bằng được, ta cứ nên mượn cả của tàu mà dùng ; còn các chữ thường khác thì để tùy ý các nhà làm văn muốn dùng thế nào thì dùng, miễn là lời văn được hay thì thôi.

Bấy nhiêu người nói đều có lẽ phải cả, mỗi người phải ra một đường, nhưng chưa người nào bàn triệt-thấu được ngành-ngọn, mà bày được cái phép-tắc nhất-định cho người ta theo.

(1) Về cái vấn-đề người An-nam ngày nay nên học chữ nho thế nào, bản-báo sẽ có bài bàn tường trong một kỳ sau này.

Cứ thực mà nói, sự dùng chữ nho trong quốc-văn thật không thể hạn-định thế nào là vừa phải được, không biết lấy gì làm bằng mà định phép-tắc được. —Như ông thứ nhất nói chỉ nên dùng những chữ thông-dụng mà thôi, nhưng cũng khó lòng mà biết chữ gì là thông-dụng, chữ gì là không thông-dụng, chữ gì là đã « nhập-tịch » tiếng An-nam, chữ gì là còn « ngoại-tịch ». Nếu gọi chữ thông-dụng là những chữ dễ hiểu, nhiều người biết, thì những chữ ấy phần nhiều là chữ trong tiếng nôm ta cũng có, có cần gì phải dùng, và dùng nữa thì có bổ-ích gì cho quốc-văn cho lắm? Như : *nhĩ-mục* là « tai-mắt », *tâm-tư* là « bụng-nghĩ », *sơn-xuyên* là « núi sông », *hoa-thảo* là « hoa cỏ », thì dùng chữ hay là dùng nôm cũng vậy, tùy cái điệu câu văn ưa nôm thì dùng nôm, ưa chữ thì dùng chữ, không hề gì. Đến như những chữ nghĩa đã hơi cao một chút, tiếng nôm đã khó tìm được tiếng tương-đương, mà người nào biết chữ nho thì cho là chữ thường-dùng, người không biết tất cho là khó là lạ. Như chữ *đĩnh-ngộ*, chữ *lỗi-lạc*, chữ *hoài-bão*, chữ *cảm-khái*, tất người biết chữ cho là thường, mà người biết ít đã lấy làm khó hiểu rồi. Cho nên nói rằng muốn phân-biệt cho rõ chữ nào là thông-dụng, chữ nào là không thông-dụng, thật không phải là dễ. — Người thứ nhì nói nên hết sức chỉ dùng nôm mà thôi, không có tiếng cũ thì đặt tiếng mới ra, bất-đắc-dĩ hẵng dùng đến chữ. Nói thì dễ lắm, mà làm tưởng không được dễ như vậy. Sự đặt tiếng không phải là việc thường, xưa nay không ai dụng-tâm mà đặt được tiếng mới bao giờ : phàm các tiếng mới là tự-nhiên mà sinh-thành ra, tự-nhiên mà lưu-thông đi. Một người tình-cờ nói ra trước : nếu cái tiếng ấy gọn-ghẽ dễ nghe thì người khác cứ thế mà truyền đi, bao giờ nói đến sự đó tất dùng đến tiếng đó, thế là thành tiếng thông-dụng. Đến như nói rằng bất-đắc-dĩ hẵng nên dùng chữ nho thì cứ các lẽ đã giải trên kia, tưởng sự bất-đắc-dĩ ấy cũng là một sự thường vậy ; bất-đắc-dĩ mà đã thành lệ thường thì sao gọi là bất-đắc-dĩ được? — Người thứ ba nói rằng sự dùng chữ nho trong quốc-văn phải để tùy-ý nhà làm văn cân-nhắc lựa-lọc mà dùng, không thể hạn-định trước được. Điều đó thì rất phải, trong việc làm văn phải để cho nhà văn-sĩ được rộng quyền tự-do mới được. Nhưng tự-do không phải là không có đường-lối gì, mà để phóng cho các nhà làm văn muốn dùng chữ thế nào thì dùng. Ít ra cũng phải biết cái đường-lối ấy thế nào là phải, cái cách cân-nhắc lựa-lọc ấy thế nào là thích-nghi. — Người thứ tư nói những chữ về cách-trí triết-học nên theo tàu, còn các chữ thường nên tùy tiện mà dùng. Chắc rằng những chữ nho dịch các danh-từ về cách-trí triết-học của Âu-châu nhiều chữ dịch đúng và gọn-ghẽ lắm, tiếng mình không tài nào dịch được bằng, và mượn ngay tiếng tây ra cũng khó cho được thanh-thoát ; mình nên mượn của tàu mà dùng, nhưng cũng phải kén chọn mới được, chữ nào có thể theo tiếng tây được nên theo, chớ nói nhất-thiết mượn chữ nho cả thì cũng quá.

Ấy ý-kiến của nhiều người về sự dùng chữ nho còn phân-vân như vậy. Muốn đặt phép-tắc nhất-định cho biết dùng chừng nào là phải, chừng nào là quá, thì khó lắm. Cái giới-hạn đó phải để tùy ý nhà làm văn ước-lượng lấy, dùng thế nào mà lời văn được thanh-thoát là vừa, dùng thế nào mà lời văn phải trắc-trở là quá. Phải đương khi làm văn mới cân nhắc được, không thể đặt lệ trước được. Vậy chỉ nên khuyên các nhà làm văn nên cẩn-thận về sự dùng chữ : tùy cái lối văn mình

làm nên dùng nhiều hay dùng ít, phải chọn những chữ thật đích-đáng, vừa gọn-ghẽ, vừa trang-nhã, vừa dễ đọc, dễ nghe, mà cốt nhất là đúng với cái nghĩa nên dùng, xứng với cái ý lời văn; nếu bạ đâu dùng đấy, làm cho câu văn bề bộn những chữ vô-ích, hoặc lời nôm đã đủ gọn-ghẽ mà còn pha thêm chữ vào cho phiền, hoặc dùng những chữ tục tiếng nôm còn hay hơn, đều là quá-đáng cả. Văn nào như vậy tất là cái văn không thông-thoát, người đọc tất không ưa, và người làm văn ví có tai sành cũng tự biết.

Song, sự dùng chữ tuy không có phép-tắc nhất-định, mà cũng không ngoài mấy cái phàm-lệ như sau này :

1° Phải tùy tính-cách và trình-độ bài văn. Thế nào gọi là tính-cách văn? Văn có nhiều lối đã đành, mà văn cũng có nhiều hạng : — Có hạng văn phổ-thông nói những sự tầm-thường cho ai ai cũng dễ hiểu dễ biết, như cái văn chép tin-tức trong các nhật-báo : « Ngày hôm nay có người ngã xe ở phố nọ phố kia..., có đứa bé con lạc không biết con cái nhà ai, v. v. », hạng văn ấy thì cần gì phải dùng đến chữ nho nhiều ? — Có hạng văn tả-tình, tả-cảnh, du-hí, khôi-hài, đã cao hơn hạng trên một tầng và phải có ý-vị lý-thú mới hay, tất có nhiều ý lời ta nói không hết, nhiều cảnh tiếng nôm tả không thấu, phải mượn răm ba chữ nho cho nó nổi cái ý, chỉnh lời văn và khỏi tục-tằn quá : như tả người anh-hùng thường dùng những chữ như *can-đảm, chí-khí, khẳng-khái, oanh-liệt*, v. v., tả người tài-hoa thường dùng những chữ như *nho-nhã, phong-lưu, thông-minh, tuấn-tú*, v. v. ; lại muốn nói đến cái bụng người ta mưu-muốn những sự to lớn, mong-mỏi những việc cao-xa, tất phải dùng đến chữ *hoài-bão*, v. v. ; ấy đại-loại hạng văn này phải mượn chữ như vậy, phần nhiều cũng là những chữ nho thường-dùng cả. Các thợ vẽ của ta có cái lối gọi là « điểm-nhỡn », nghĩa là khi vẽ bức tranh người, các phần vẽ xong cả rồi, duy có hai con mắt là chưa, nên tuy vẽ đẹp đến đâu coi vẫn chưa có tinh-thần ; bấy giờ người thợ mới điểm hai con ngươi, tức-khắc trông bức tranh nổi ngay lên và coi như có vẻ linh-hoạt. Trong lời văn nôm cũng vậy, phải tùy chỗ mà đặt một vài chữ nho xứng-đáng, tức như cái lối « điểm-nhỡn » của thợ vẽ ; không thời lời văn tất lạt-lẽo và không khỏi tục-tằn được. « Nôm-na » xưa nay vẫn là trái với « văn-vẻ », phải nên nhớ chớ quên. —Lại có hạng văn kỷ-thuật, nghị-luận, hạng này cao hơn hạng trên một tầng nữa. Văn kỷ-thuật tức là văn sử ; nhà làm sử phải có ngọn bút nghiêm-trang, đời xưa cho sử là có quyền bao-biếm, nghĩa là phán-đoán các công việc người đời, tất phải công-bằng lắm mới được. Theo nghĩa đời nay, sử tuy không có cái ý nghiêm-khắc như vậy, nhưng những việc đã đáng chép đáng thuật để lưu-truyền lại, không phải là việc tầm-thường, tất có cái ý-nghĩa sâu ở đó. Vậy làm văn kỷ-thuật, lời phải trang-nghiêm, phải xứng-đáng mới được; rất kỵ là những giọng hoặc tục-tĩu sỗ-sàng, hoặc tầm-thường quá, vì tầm-thường cũng không được, bình-dị thì được, tầm-thường bình-dị khác nhau lắm ; nay muốn dùng rặt tiếng nôm cả, không dùng chữ, có thể tránh được những điều đó không? Chắc rằng không, vì nôm tức là tục, quá nôm không khỏi tục được. Thí-dụ như thuật việc Vua ra Bắc-kỳ, nếu nói : « Ông vua An-nam đi chơi Bắc-kỳ, nay đã về Kinh rồi », nghe nó sống-sượng quá, như lời người ngoại-quốc mới học tiếng ta vậy, còn có ra lời kỷ-thuật việc đại-điển trong nước sao được. Muốn cho thành lời văn-chương xứng-đáng, tất phải dùng một vài chữ nho thích-hiệp vào cái việc

trọng mình thuật đó mới được. Tất phải nói : « Hoàng-thượng ta ngự-giá ra Bắc-kỳ, nay đã hồi-loan rồi. » Có phải lời văn trang-trọng biết bao nhiêu ! Những chữ *ngự-giá, hồi-loan* là chữ thường-dùng về việc vua đi lại, nhà làm văn nôm phải thuộc mới được. Các ông tây-học tất cho cách làm văn thế là phiền, nhưng đã gọi là văn tất phải có phiền một chút, nếu cứ trơ như không thì dẫu không tục cũng không văn được. Vả ngay như tiếng tây cũng vậy, cùng một ý mà cũng có nhiều hạng chữ, cao-thấp khinh-trọng khác nhau, phải tùy chỗ mà dùng. Như nói : *Le Gouverneur Général cause avec le Résident Supérieur* (quan Toàn-quyền nói chuyện với quan Thống-sứ), tất không trang-trọng bằng : *Le Gouverneur Général est en conférence avec le Résident Supérieur* (Quan Toàn-quyền ngài đương thương-thuyết với quan Thống-sứ). Chắc người không biết thì cho « nói chuyện » với « thương-thuyết » cũng như nhau, nhưng cái ý nó khác nhau biết bao nhiêu. Trong tiếng ta, đại-đề cái nghĩa thường bao giờ nói bằng nôm cũng đủ, đến cái nghĩa đã cao cao một chút thì tiếng nôm thường hụt không tới kịp, tất phải mượn ít nhiều chữ nho mới được. Đến như văn nghị-luận cũng vậy. Nghị-luận là đem cái ý-kiến ra bàn bạc, tức là chọi ý-kiến với nhau, lời văn tất phải tinh-tường gẫy-gọn mới được ; rất kỵ là những giọng những tiếng hàm-hồ, song-nga, hiểu ngược cũng được, hiểu xuôi cũng được ; như vậy thì bàn sao cho sác-lý được ? Tiếng ta gọi là tiếng « nôm », nghĩa là tiếng thông-thường trong dân-gian ; tiếng thông-thường trong dân-gian thường có nhiều tiếng hàm-hồ, vì người thường cứ nghe lẫn nhau mà biết, không hay định nghĩa được phân-minh. Dùng vào văn nghị-luận tất phải mượn thêm chữ nho để chỉ những ý-kiến mà tiếng mình nói không hết được. Những ý-kiến ấy trong một bài nghị-luận thường nói đi nhắc lại nhiều lượt, bàn ngược xét xuôi nhiều lần, nếu không có chữ gọn-ghẽ mà gọi, phải diễn ra lời nôm lôi-thôi, thì thật là phiền cho cuộc nghị-luận vô-cùng. Ví dụ như bàn về sự người mình bắt chước và hóa theo người Âu-châu là hay dở thế nào, nếu phải nói dài như vậy mà nhắc đi nhắc lại đến mười lần thì phiền biết dường nào ? Chi bằng dùng một chữ « âu-hóa » (*européanisation*), tiện biết bao nhiêu ? Đại-đề văn kỷ-thuật và văn nghị-luận đã là hạng văn trang-nghiêm thiết-thực, tất phải mượn chữ nho nhiều hơn hạng văn du-hí trên kia. — Sau nữa đến hạng văn thuyết-lý giảng-học. Hạng này là hạng cao hơn nhất, xưa nay người mình không dùng tiếng nôm bao giờ. Ngày nay nghiệm ra tiếng nôm cũng có đủ tư-cách mà dùng về các hạng văn đó được, nhưng phải mượn chữ nhiều hơn các hạng trên. Điều đó không những một tiếng An-nam mình mới thế. Dẫu các tiếng Âu-châu về hạng văn thuyết-lý giảng-học cũng không thể không mượn chữ cũ mà đủ dùng được. Tiếng Âu-châu thì mượn chữ *grec* (Hi-lạp), chữ *latin* (Lã-mã), là hai cái văn cổ-điển của các nước Tây-phương. Tiếng An-nam mình tất phải mượn chữ nho, là cái văn cổ-điển của Đông-phương ta. Văn thuyết-lý giảng-học lại càng trọng nghiêm-trang lắm : không nói rằng tiếng nôm mình không tài nào đủ mà diễn được những lý-tưởng học-thuyết mới, cho dẫu một đôi khi cố tìm-tòi mãi, cố đàn-diễn ra cũng có thể tiềm-tiệm đủ được, nhưng thường không tránh khỏi cái tệ nôm-na. Nói những sự cao-xa mà dùng lời nôm-na quá, không những không được gọn-ghẽ thanh-tao, mà sao cho xứng-đáng ? Ta vừa nói các tiếng Âu-châu, kể còn giàu hơn tiếng An-nam mình biết bao nhiêu, mà về đường học-

thuật nghĩa-lý phần nhiều các chữ dùng là lấy gốc tự chữ *grec*, chữ *latin* cả : cứ giở ngay một quyển tự-điển Pháp, bất-cứ trang nào, nhìn qua một lượt, có phải nhan-nhản ra những chữ gốc tự *grec*, tự *latin* không ? Còn chữ gì tầm-thường bằng chữ *individu* (mỗi người, người một, cá-nhân) ; thử tra xem gốc tự đâu ? Gốc tự chữ la-mã *individuus*, nguyên-nghĩa là cái gì không phân-dời ra được, trọn vẹn một mình, tức là riêng một phần, biệt một người, không dính-dáng với phần khác, người khác. Lại chữ *société* (xã-hội), là do chữ la-mã *societas* ; — chữ *autocrate* (vua chuyên-chế), do chữ hi-lạp *autokratês*, bởi hai chữ *autos* nghĩa là tự-mình, *kratos* nghĩa là quyền-lực, quyền-lực tự mình, muốn làm gì thì làm, mà thành ra ; — chữ *autonomie* (tự-trị), là gồm hai chữ hi-lạp *autos* = tự mình, *nomos* = pháp-luật, pháp-luật tự-mình, mà thành ra ; v. v. Xin ai thong-thả cứ thử ngồi giở qua một quyển tự-điển Pháp xem có phải trang nào cũng đầy những chữ như vậy không. Tiếng Pháp mượn chữ của la-mã hi-lạp mà âm ra giọng Pháp, có khác gì tiếng ta mượn chữ nho mà âm ra giọng ta không ? Người Pháp nói *autocrate* mà không nói *autokratês*, có khác gì ta nói *chuyên-chế* mà không nói *tchoen-tche* (theo tiếng « quan-hoại » tàu) không ? Đó còn là những tiếng thường-thường, đến những tiếng về các nghĩa-lý cao, thì lại mượn của hi-lạp la-mã nhiều hơn nữa ; như : *Philosophie* (triết-học), là do hai chữ hi-lạp *philos* = người bạn, người hay ưa sự gì, *sophia* = sự nghĩa-lý, điều khôn-ngoan, tức là người ưa xét những điều nghĩa-lý khôn-ngoan ; — *esthétique* (mĩ-học, học về sự đẹp), là do chữ hi-lạp *aistêtikos* ; — *métaphysique* (siêu-hình-học, thuần-lý-học), do chữ hi-lạp *meta ta phusika*, chính nghĩa là học sau những vật có hình, tức là học về những sự ở trên, ở ngoài hình-thức, về các lẽ rất mầu-nhiệm của trời đất ; — *géographie* (địa-dư học), bởi hai chữ hi-lạp *géo* = đất, *graphein* = tả, vẽ, nghĩa là hình-dung tả vẽ về đất, tức là học về đất ; v. v. Ay bao nhiêu những chữ về học-lý đều do chữ cổ-văn mà đặt ra ; có ai kêu rằng tiếng Pháp phải đi mượn chữ ngoài nhiều không ? Coi đó thì biết sự mượn chữ cổ-văn là những chữ đã thành-thuộc lão-luyện rồi để diễn về những điều nghĩa-lý cao-xa, không có ngại gì cả. Càng mượn được càng hay, miễn là mượn cho cẩn-thận thì thôi. Tất những chữ mới mượn nghe có lạ tai, nhưng vì những sự-vật, những nghĩa-lý của các chữ ấy chỉ ra cũng là mới cả, xưa nay mình chưa từng biết bao giờ, đã có tên đâu mà gọi thường ; đến khi những nghĩa-lý, những sự-vật ấy trong trí đã quen rồi thì cái chữ dùng để gọi nó ra tai nghe cũng không lấy làm lạ nữa. Trước kia ta đã từng lấy sự đẹp làm một môn học đâu, mà ta thường dùng chữ « mĩ-học » (*esthétique*) ? Trước kia ta đã từng phân-biệt đâu rằng trong tâm-giới người ta có hai phần, một phần « ý-thức » (*conscience*) là cái phần sáng suốt để cảm biết các vật các lẽ, một phần « tiềm-thức » (*subconscience*) là cái phần u-ám, ở dưới ý-thức, gồm những tư-tưởng cảm-giác phảng-phất mập-mờ, trong khi mơ ngủ thường xuất-hiện ra trong trí người ta ; ta đã từng phân-biệt đâu như vậy mà thường dùng đến những chữ « ý-thức » và « tiềm-thức » ? Chữ chẳng qua là cái áo bọc, cái tên gọi những tư-tưởng cùng sự-vật : có biết đến cái sự-vật ấy, có nghĩ đến cái tư-tưởng ấy thì mới tìm tên gọi cho xứng đáng, tìm áo bọc cho vừa vặn. Nhà học-giả là người hay tìm-tòi thâu-nhặt những điều hay, lẽ phải, ý mới, vật lạ, cố diễn-giải ra lời nói câu văn mà đem công-bố ra trước mọi người, tất lúc mới đầu nhiều người chưa quen chưa

hiểu lấy làm lạ mắt lạ tai, nhưng dần dần đã hiểu đã quen rồi thì có lạ gì ? Trong *Nam-phong* số thứ 1, bắt đầu in tập tự-vựng thích-nghĩa những danh-từ mới mượn của chữ nho, tôi đã từng nói : « Phàm chữ mới chỉ mới một lúc đầu thôi. Dùng một lần thì còn mới, dùng vài ba lần thì nghe đã quen tai, dùng đến mười lần thì nghe đã cũ rích vậy. Mười năm trước, ai từng nói đến những tiếng như *văn-minh*, *xã-hội* ? Thế mà bây giờ những tiếng ấy thông-dụng rồi. Ngày nay những tiếng như *quan-niệm*, *thái-độ*, nghe còn lạ tai, an-tri ít lâu nữa lại chẳng thành những tiếng thường-dùng ư ? Tiếng An-nam ta đối với chữ Tàu có cái « hấp-lực » rất mạnh, cốt là bây giờ dùng chữ nào định-nghĩa phân-minh chữ ấy là đủ vậy ». Nay nói riêng về sự mượn những chữ học mới thì phải nên phân-biệt như sau này. Đại-khái các môn học mới của Thái-Tây ngày nay chia ra làm hai hạng : một hạng chuyên học về « vật-giới » (*sciences physiques et naturelles*), nghĩa là những vật có hình trong thế-giới, như hóa-học, địa-chất-học, động-vật-học, v. v. ; một hạng chuyên học về « tâm-giới » (*sciences morales*), nghĩa là những sự vô-hình thuộc về tâm-tính người ta, như triết-học, mĩ-học, tâm-lý-học, v. v. Muốn đặt cái lệ chung làm bằng thì có thể nói rằng bao nhiêu những chữ về « tâm-giới » nên mượn chữ nho nhiều hơn, vì chữ nho về phần ấy vốn giàu lắm và thâu-nhập vào tiếng nôm cũng đã nhiều ; còn những chữ về « vật-giới », thì phần nhiều hoặc nên tùy hình-chất mà đặt tên nôm cho dễ gọi, hoặc nên theo chữ tây mà phiên-dịch ra cho tiện hơn, khi nào cần hẳng nên mượn chữ nho. Nhưng cái lệ đó cũng không phải là nhất-định như thế ; khi mượn chữ đặt tiếng phải tùy-nghi châm-chước mới được.

Ấy là kể qua tính-cách các hạng văn ưa dùng chữ nho ít nhiều thế nào. Đến cái trình-độ văn cũng là do ở tính-cách ấy mà ra, nghĩa là tùy các hạng văn mà cái trình-độ hoặc cao, hoặc thấp, hoặc vừa-vừa. Cái văn phổ-thông là cái văn thấp, chủ nói những sự tầm-thường cho nhiều người dễ hiểu, thì không cần phải mượn chữ nho mấy tí, chỉ những chữ nào đã thông-dụng lắm hẳng nên dùng mà thôi ; — cái văn chơi bời, đạo-tình, tả-cảnh, bỡn-cợt, trăng-hoa, là đứng vào bậc trung-bình, thì tiếng nôm mình cũng đã thừa đủ dùng rồi : *hoa hồng, lá liễu, mắt phượng, mày ngài, con oanh học nói, con ếch đưa thoi, thơ-thẩn vẩn-vơ, mơ-màng giấc điệp*, v. v., các thơ nôm, truyện nôm, ca nôm, vè nôm, đã đầy ra những tiếng những câu sẵn như vậy, các nhà làm văn về hạng này không cần phải mượn chữ nho cho lắm, chỉ nên thỉnh-thoảng điểm một vài chữ cho nó nổi câu văn mà thôi ; — cái văn kỷ-thuật nghị-luận thời đã vào bậc cao rồi, như trên kia đã nói cần phải mượn chữ nho nhiều hơn các hạng trên thì lời văn mới được nghiêm-trang và khỏi tục-tằn ; — đến văn thuyết-lý giảng-học là văn cao hơn nhất, mượn chữ nho lại phải nhiều hơn cả, vì tiếng nôm đã quyết là không đủ dùng rồi.

Coi đó thì biết cái trình-độ văn càng cao bao nhiêu lại càng cần phải dùng chữ nho bấy nhiêu. Đó là một lẽ tất-nhiên, vì văn nôm mình xưa nay chỉ dùng đến bậc phổ-thông du-hí mà thôi, từ bậc văn nghị-luận trở lên các cụ ngày xưa không từng viết nôm bao giờ ; cho nên cái trình-độ văn càng cao lên lại càng cần phải mượn chữ nhiều mới đủ dùng. Báo *Nam-Phong* chủ một cái mục-đích có hơi cao hơn các báo khác : là thâu-nhặt các học-thuật tư-tưởng hay của đời xưa đời nay mà cố diễn-thuật ra lời nôm

mình, vụ cho văn nôm vượt được qua hạng phổ-thông du-hí mà bước tới bậc thuyết-lý giảng-học ; cái trình-độ văn có cao hơn văn thường một chút, nên sự cần-dùng về chữ nho tất phải rộng. Nhiều người kêu rằng khó hiểu ; thiết-tưởng sự khó hiểu đó phần nhiều là bởi người đọc chưa quen những lý-tưởng học-thuật mới, không chịu ra công suy-nghĩ, hơn là bởi dùng nhiều chữ khó. Người nào đã quen những lý-tưởng học-thuật đó rồi, tất phải chịu rằng không dùng chữ nho không thể nào nói ra cho thanh-thoát được. Vì chúng tôi chỉ chủ làm lối văn phổ-thông nói những sự tầm-thường, hoặc chuyên lối văn du-hí cốt lấy cho người đọc được vui, thì quyết là không cần phải dùng đến chữ nho nhiều làm gì. Nhưng cái chỉ chúng tôi không ở đó ; chúng tôi lại ước-ao cho người đọc báo nên nghiền-ngẫm suy-nghĩ để rộng thêm trí-thức, hơn là đọc lướt qua đi để vui thú được một lúc. Bởi cái mục-đích có cao một chút như vậy, nên lời văn cũng phải vụ cho xứng-đáng mới được.

2° Cách dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ phải tùy trình-độ văn đã đành rồi, trong khi dùng chữ các nhà làm văn lại phải cẩn-thận về cách kén-chọn lựa-lọc lắm mới được, dù làm về hạng văn nào cũng vậy. Chữ nho có chữ tục, có chữ nhã, có chữ điểm vào lời nôm dễ nghe, làm cho lời nôm tôn-trọng lên, có chữ dùng lẫn với tiếng ta sống-sượng khó nghe, có chữ đặt vào đoạn này thì xứng-đáng mà để vào đoạn kia thì bề-bộn ; cái thuật luyện chữ, hóa chữ, là ở cái tài người làm văn, không thể định trước được. Người làm văn khéo thì chữ dùng hồn-nhiên, nghĩa là chảy-chuốt chơn-chu, đặt vào lời nôm như hóa thành nôm, để vào chỗ nào như in vào đấy, tưởng bỏ ra mà đặt chữ khác vào không được. Thường nhận nhất là ở Nam-kỳ có nhiều nhà làm văn quốc-ngữ hay dùng chữ lắm, mà thường là những chữ không hóa không luyện, chỗ không cần phải dùng cũng dùng, hình như đã đọc qua các tiểu-thuyết cũ của tàu nhiều như *Tam-quốc*, *Thủy-hử*, v. v., nhớ được những câu sáo cùng những tục-ngữ phương-ngôn, khi viết văn cứ thế mà đệ vào, không có cân-nhắc lựa-lọc gì cả. Trong một bài văn thường thấy những chữ như : *chư-vị khán-quan*, *chư-tôn quân-tử*, *quốc-gia*, *bá-tánh*, *trí ư độ ngoại*, *hà tồn ư ngã*, v. v., hay là những câu sẵn như : *anh-hùng bất úy tử*, *úy tử bất anh-hùng*, *nhất-thốn quang-âm nhất thốn kim*, v. v., thậm là vô-vị, thà dùng tiếng nôm còn hơn. Ấy cách dùng chữ như vậy thì có hại mà không có lợi cho quốc-văn. Đại-loại những chữ những câu giọng tuồng giọng « truyện » như vậy rất kỵ không nên dùng, vì nó làm cho lời văn « phệnh-phạo » như câu hò câu hát trên sân khấu vậy.

3° Phàm dùng chữ gì nên định nghĩa cho rất phân-minh, nhất là các chữ mới. Những chữ mới diễn các nghĩa-lý mới, nếu biết dùng phải đường trúng nghĩa thì hay lắm, nếu dùng hỗn-độn không rõ ràng thì không gì bậy bằng, vì làm lầm người sau cứ theo mình mà dùng sai đi. Chữ mới phần nhiều là của tàu dịch hoặc định nghĩa theo chữ Âu-châu, nhưng chữ tàu vốn giàu có, nên đặt chữ dễ và khéo lắm, vừa đúng nghĩa, vừa gọn-ghẽ, lại vừa hồn-nhã, có chữ hay hơn nguyên-văn tây nhiều. Nhà làm văn phải thuộc các chữ mới, nghĩa mới đó mới được ; lắm khi biết chữ nho không không đủ, phải có thiệp-liệp các tư-tưởng học-thuật mới thì mới hiểu rõ được. Cho nên nhiều nhà nho cũ thông chữ nho mà không hiểu được các chữ nho mới đó. Như nói về « xã-hội-chủ-nghĩa »

(*socialisme*), nói về « cộng-sản-chủ-nghĩa » (*communisme*), nói về đảng « quá-kích » (*les radicaux*), nói về đảng « lao-động » (*les travaillistes*), toàn là những chữ nho mới cả, mà người nào không từng biết các chủ-nghĩa cùng các đảng-phái đó thì dẫu biết chữ nho cũng không hiểu là gì. Tư-tưởng với văn-tự phải tiến ngang nhau mới được: nếu có tư-tưởng mà không đủ chữ nói ra, như phần nhiều các nhà tây-học ngày nay, thì cũng cực; nếu có chữ dùng mà không hiểu các nghĩa-lý mới, dùng chữ sai lầm, như phần nhiều các nhà cựu-học bây giờ, thì cũng khốn. Thường nghe thấy nhiều người mới đọc qua mấy quyển tân-thư, tập *Ambăng* của Lương Khải-Siêu, hay tập *Du-ký* của Khang Hữu-Vi, thuộc được ít nhiều chữ mới chưa hiểu rõ ý-nghĩa thế nào, cầm bút viết tất dùng những chữ : *thiên-diễn, đào-thải, sinh-tồn-cạnh-tranh, văn minh tiến-hóa, tôn-chỉ, chủ-đích, tiêu-cực, tích-cực, khách-quan, chủ-quan*, v. v., bấy nhiêu chữ đều có nghĩa nhất-định cả mà không hiểu rõ thường dùng lộn bậy chẳng đâu vào đâu ; lại nhiều người hay chứng-dẫn các tên người, vơ-vào chẳng ăn thua vào đâu : bất-cứ nói chuyện gì tất phải gọi đến tên ông Nã-phá-luận (Napoléon), ông Tỉ-ti-mạch (Bismark), ông Kha-luận-bố (Christophe Colomb), ông Đạt-nhĩ-văn (Darwin), ông Lư-thoa (Rousseau), ông Mạnh-đức-tư-cưu (Montesquieu), ông Ti-tân-tắc (Spencer), kéo một thôi một số các ông thánh mới ra, thật là vô-vị quá. Không hiểu chữ mà dùng chữ bậy không gì hại bằng. Cho nên trong khi mượn các chữ mới của tàu phải biết rõ những chữ ấy chỉ sự gì vật gì ; phải định nghĩa cho phân-minh, rồi chỉ dùng về một nghĩa đó mà thôi. Có vậy thì sự mượn chữ mới có lợi, không thời hại cho quốc-văn nhiều lắm.

4° Còn một điều nữa về các tên đất tên người, nên dịch theo tiếng tây hay bắc chước chữ tàu. Cứ lẽ thời theo tiếng tây cả là phải lắm, chỉ trừ những tên người tên đất riêng của Tàu thì nên đọc theo chữ nho mà thôi. Nhưng có nhiều tên đất tên người ta đọc theo của Tàu đã quen rồi (như Âu-châu, Á-châu, nước Pháp. nước Đức, ông Nã-phá-luân, ông Hoa-thịnh-đốn), không ai là không dùng và không ai là không hiểu. Vả những tên ấy âm ra giọng mình dễ nghe hơn là đọc theo ngay giọng tây : như Âu-châu đọc chẳng dễ nghe hơn là *Europe*, Đại-tây-dương, đọc chẳng thanh-thoát hơn là *Océan Atlantique*, ư ? Vậy nay tưởng nên định một cái lệ chung như sau này : Trừ tên các châu (*continents*) lớn. các bể lớn, các nước lớn, cùng mấy cái sông mấy cái núi lớn trong thế-giới, đọc theo chữ nho đã quen lắm rồi thì cứ đọc theo như vậy, khi viết ra thì nên chua tên tây bên cạnh cho rõ ; còn hết thảy tên người tên đất khác trong sách tây nên đọc theo viết theo tiếng tây cả cho có bằng-cứ và dễ tra-khảo. Ngày nay, dẫu người không biết chữ tây mà chỉ biết quốc-ngữ, đọc vần tây cũng được, có sai cũng không sai mấy, còn hơn là theo hẳn chữ tàu, vì tàu đã đọc theo tiếng nước khác, mình lại theo tàu, thành ra theo mấy lần, còn biết dò đâu mà tra-khảo được. Như nói thành *Dublin*, thành *Manchester*, thành *Edimbourg* là ba tỉnh lớn của nước *Anh* : tên Anh đó tuy là đọc theo chữ tàu mà đã thông dụng lắm rồi, ai cũng biết là nước *Angleterre*, cứ nên dùng như vậy vừa tiện vừa dễ hơn ; còn tên ba tỉnh kia thì ít người biết, nên viết theo chữ tây, dẫu đọc có sai tiếng Anh ít nhiều mà còn có nguyên-văn, muốn tra trong địa-đồ cũng dễ ; hơn là đọc theo tàu : Đô-bối-linh (*Dublin*), Mãn-triệt-đức-nhĩ (*Manchester*), Ái-đinh-bộ-nhĩ (*Edimbourg*),

tuy âm-vận có dễ nghe, hợp với giọng ta hơn, nhưng không có chữ tây thì còn ai biết là tên những tỉnh thành gì ? Nếu có sợ những người không thuộc vần tây gặp những tên tây như vậy ở giữa bài văn quốc-ngữ bị ngắt lại không đọc luôn được, thì dưới mỗi tên tây nên ngoặc hai cái ( ) và chua âm ra chữ quốc-ngữ, cũng không phiền gì : Như Manchester (Măng-xét-te), Edimbourg (Ê-đinh-bua), v. v...

Văn quốc-ngữ đã không dời được chữ nho, không thể bỏ chữ nho mà thành được, thì cách dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ, xét ra có mấy cái phàm-lệ như trên kia, các nhà làm văn phải nên chú-ý. Đó cũng là nói những điều đại-khái mà thôi, còn việc dùng chữ phải để tùy cái tài cái khéo của các nhà văn, không thể đặt phép-tắc nhất-định được. Vậy chỉ dám khuyên các tay văn-sĩ trong Nam ngoài Bắc nên hết sức cẩn-thận trong việc dùng chữ, chớ mắc phải mấy cái tệ như đã kể trên kia, và ra công ráng sức làm cho quốc-văn mỗi ngày một giàu có, một mềm-mại, một tốt đẹp thêm ra.

Trong bài này chỉ bàn riêng về sự dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ mà thôi. Chắc văn quốc-ngữ cũng phải mượn của văn tây nhiều, vừa mượn chữ, vừa mượn phép làm văn ; nhưng đó là một vấn-đề khác, xin để khi khác sẽ bàn.

***

Than ôi ! thương tiếng nước nhà, thương tiếng nước nhà cũng có năm bảy đường. Thương mà phải đường ra thì ích-lợi cho quốc-văn biết dường nào. Thương mà sai đường thì không những không lợi mà lại hại cho quốc-văn hơn là ghét bội-phần. Tôi đây cũng là nhiệt-thành thương tiếng nước nhà, lâu nay đã tự-nguyện hi-sinh một đời để gây dựng cho cái tiếng ấy thành văn-chương, cho nước ta có một nền quốc-văn đứng riêng được một cõi, cho người mình khỏi phải cái cực đi học mướn viết nhờ ! Lắm lúc bình-tâm tĩnh-lự, tự mình lại hỏi mình nên dùng cách nào cho đạt tới cái mục-đích đó. Nghĩ nát ruột mà không tìm được cách nào, ngoài cái lề-lối của ông cha để lại. Nhìn ngược nhìn xuôi, trông xa trông gần, chỉ thấy rừng Nho man-mác, lá rậm ùm-tum, muốn thoát ra ngoài mà không thoát được, đi mãi không cùng. Bấy giờ mới tỉnh-ngộ mà biết rằng dân mình sinh-trưởng trong góc rừng này đã mấy mươi đời, những khi phong-ba bão-táp được ẩn thân ở dưới cây lớn cỗi cao, nay muốn thoát-li mà ra ngoài, bông-lông trong đồng rộng bể khơi sao đành? Chi bằng ta cứ nương náu ở đây, mở rộng phá quang, đặt đường sẻ lối, cho tiện sự giao-thông, để đón lấy gió Âu mưa Mĩ, mà ra công ráng sức gây dựng cho cái đất cũ mấy nghìn năm này được tỏ-rạng cùng non sông, vẻ-vang với thế-giới ! Ai ôi ! xin cố gắng lên, nhưng chớ nên thương quần sót quanh mà làm cho người ta thiên lòng rối trí. Có thương tiếng nước nhà nên thương cho phải đường.

PHẠM QUỲNH

NÓI NGAY CŨNG PHẢI DỊU LỜI

Ngày xưa cái lưỡi mềm mà cây bút lông, hai thứ cũng mềm hết, cho nên hóa ra nhu-nhược. Ngày nay ngòi bút sắt có cứng-cáp thật, nhưng mà cái lưỡi vẫn hãy còn mềm ; chúng ta nên nhân cái mềm nọ cái cứng kia mà cương-nhu-tương-tế cùng nhau, có lẽ ngày nay hơn ngày xưa chăng ? Nhưng câu chuyện ấy là câu chuyện nói để mua cười, chớ mềm không phải tại ngòi bút lông mà mềm, cứng không phải tại ngòi bút sắt mà cứng đâu, cái mềm cái cứng nó tùy theo người. Tôi chỉ trông các ngài công-luận sao cho cái lý cứng mà lời mềm cũng như ngòi bút bằng sắt mà chót lưỡi bằng thịt vậy.

Cũng vì mục công-luận thuộc về cái thư ông Ng. h. V. mà tôi phải nói mấy lời như trên này, chớ tôi không dám dở chuyện khôi-hài với các ngài đâu. Cái thư ông Ng. h. V. mà nhiều người bài-bác, tôi cũng là một người trả lời ông, nhưng mà trừ ra hai vấn-đề tôi can ông trong kỳ báo thứ 17, thì ngoài ra tôi chưa hề nghị-luận gì cả, vì tôi nghĩ rằng cái vấn-đề quốc-văn rất là quan-trọng, ta nên để các bậc cao-minh công-luận cho rõ ràng, ta không thể tự binh lấy mình được, duy thuộc về luân-lý thì ta nên lấy tình chân-thật mà khuyên can ông Ng. h. V.. Vẫn biết rằng trong thư ông cũng có chỗ nói phải không nên phản-đối, nhưng xét cho kỹ, thì những nhà phản-đối ông có phải phản-đối cái tư-tưởng của ông đâu, thật là phản-đối cái lời bất-cần, cái giọng kỳ-khôi của ông vậy. Lời êm dù lỗi cũng tha, nặng lời dù phải cũng tra-tiếng hờn. Tôi nghĩ như thế mà tiếc thay cho cái thư ông Ng. H. V.

Gần đây có một ông tự xưng tên là « Cari » (!) người Nghệ, bạn với ông Ng. H. V. hiệu Xưởng-chi (trong thư ông « Cari » có nói rõ như thế) lại-cảo một bài, tán-thành cái thư ông Ng. H. V. mà phản-đối ông Phạm Xuân-Nùng và ông Tr. V. D. Ông « Cari » cũng trách ông Ng. H. V. nói phạm đến vua quan là vô phép, mà khuyên ông Ng. H. V. phải giữ theo luân-lý, Ông « Cari » cho ông Ph. X. N. và ông Tr. V. D. cãi lạc đề, ông gồm tắt những ý-kiến trong thư ông Ng. H. V. mà chứng ra rằng : ông Ng. H. V. không hề bảo trong khi làm văn quốc-ngữ phải bỏ hết chữ nước khác, mà không mượn đâu, chỉ khi nào tiếng ta thiếu mà không thể đặt tiếng mới được thì sẽ mượn tiếng nước ngoài, không cứ là nước nào, hãy coi tiếng nào gọn ghẽ, êm ái, đủ nghĩa đúng nghĩa thì mượn ; chủ-ý ông Ng. H. V. là muốn hợp mọi người lại lập một hội học tiếng An-nam, làm thành tự-vị cho người Nam kẻ Bắc đều dùng theo mà viết chữ quốc-ngữ cho hợp-nhất, v. v.

Ông « Cari » vẫn có công mà tóm tắt cái tôn-chỉ trong thư ông Ng. H. V. chỉ rõ ra cho khỏi lạc-đề, thật là một việc có ích về đường công-luận vậy. Nhà báo đã rộng lòng mà đăng cái thư trước thì có hẹp gì mà không đăng cái thư ông « Cari », hiềm vì trong thư ông « Cari » toàn là lời khích-bác, khích-bác nhiều hơn lẽ phải thì sự khích-bác ấy có thể làm lấp mất cái lẽ phải của ông đi. Ông « Cari » ơi ! tôi tiếc cái công hữu-ích của ông mà phải lược mấy lời cốt-yếu trong thư ông ra đây, để cho người nghe hoặc nhân những lời ông đã tóm tắt kể ra

mà xét lại cái thư ông Ng. H. V., tôi không phục sự khích-bác của ông và không muốn sau này có những lời thô-kịch đối-đáp với ông nữa, cho nên đành chịu sự không công-bằng mà không đăng cái thư ông vào báo, xin ông hãy lượng thứ mà yên lòng vậy. Vả chăng sự khích-bác có ích gì đường ngôn-luận đâu? Không ích thì chúng ta không nên dùng cách ấy làm gì. Tôi không trách một mình ông « Cari », tôi xin trách cả ông Ng. H. V., ông Ph. X. N., ông Tr. V. D. Nếu ông Ng. H. V. chỉ bàn về vấn-đề quốc-văn mà đừng nói những lời phạm-thượng, thì dù có bài-kích chúng tôi rằng hơn một năm trời làm những sự vô-ích, dù ông có hẹp bụng mà nghi cho chúng tôi rằng có ý khoe mình giỏi chữ nhu, chúng tôi cũng không lấy làm can-hệ gì mà cái thư ông vẫn có thế-lực. Vì ông V. nóng quá cho nên có người phải nóng lại với ông. Ông Ph. X. N. và ông Tr. V. D. thì cãi lại mà nói những lời cho ông V. khó chịu, ông « Cari » thấy vậy đối đáp với hai ông kia một cách rất kịch-liệt, ông này chê ông kia dốt, ông kia đòi rửa óc ông nọ. Các ông ôi! tập báo *Nam-Phong* có phải một trường đấu-vũ của các ông đâu, tôi xin can các ông, mong các ông hãy bỏ sự khích-bác riêng mà cùng nhau nghiên-cứu cái vấn-đề chung cho có ích-lợi với xã-hội. Cái vấn-đề ấy là gì? là cái vấn-đề về quốc-văn vậy.

Cũng thì một lời nói mà nói dịu-dàng thì dễ nghe, xưa nay những nhà nghị-luận chỉ mong cho người nghe lọt tai, chớ không phải cầu cho mình nói sướng miệng; các ông thử nghĩ xem: chỉ nói sướng miệng là có ích, hay là người nghe lọt tai thì có ích hơn.

Nguyễn Bá-Trác

CÁI VẤN-ĐỀ ĐỊNH LẠI QUAN-CHẾ Ở BẮC-KỲ TA

Việc định lại quan-chế ở Bắc-kỳ, nay đã thấy có Thánh-dụ ban-hành rồi đấy. Cứ cái quan-chế mới đó thì phẩm-hàm các quan đã định rõ và lương-bổng các quan cũng thêm nhiều. Triều-đình ta cùng Chính-phủ Bảo-hộ, thật đã chủ-ý về cái vấn-đề giai-cấp, cái vấn-đề kinh-tế của những người làm việc quan vậy. Sau này quan xứng chức, dân yên nghiệp, thái-bình cảnh-tượng, quốc-dân ta có lẽ trông vào cái quan-chế mới ấy được chăng? Cái đó vốn không phải lấy lý-tưởng mà ức-đạc trước được. Nhưng thiết-nghĩ người trên một lần đại-cải-cách như thế, chủ-ý cũng cốt tại sửa cái tệ-tập quan-trường để tạo cái hạnh-phúc cho quốc-dân ta vậy. Cho nên theo cái quan-chế mới ấy, tuy nói rằng Nhà-nước đãi các quan rất hậu, nhưng phải biết Nhà-nước hậu với các quan tức để mà vị dân đấy

Có kẻ nói: « Cái phép dùng người, không nên câu-nệ về một lối; nếu hạn-định cái đường người ta tiến-thân thì hiền-tài e có kẻ bị sót. Nay trong quan-chế chỉ định phàm người nào có văn-bằng tốt-nghiệp trường Pháp-chính, thì trí-huyện trúng cách ấy mới được xuất-thân làm quan, chẳng hóa ra những người có đức có tài ở ngoài cái tư-cách đó thì không có lối nào mà lên được ư? » Lời nói ấy theo cái kiến-địa đời xưa thì phải; song thử nghĩ đời bây giờ là đời gì, thói tranh-cạnh càng ngày càng dữ, mà nhân-cách trong xã-hội cao thấp còn so-le nhau nhiều;

nếu mở một cái cửa phương-tiện cho ai muốn đi thì đi, e lựa chọn khó làm sao cho xứng đáng được hết. Huống chi làm quan bây giờ có hơi khác đời trước : đời trước làm quan, chỉ cốt có đạo-đức, có phong-độ cũng đủ lâm-dân lý-chính được ; bây giờ làm quan, ngoài cái đạo-đức, cái phong-độ, lại còn phải có cái học-vấn ; bởi vì chính-trị pháp-luật bây giờ, theo văn-hóa mới mà thành ra cái gì cũng mới, không có công-trình chuyên-môn học-vấn, không đủ gọi là thông-tài. Phép dùng người của Triều-đình ta ngày xưa, vốn cũng đã phải lắm, hoặc bằng về khoa-mục, hoặc bằng về « cử-tri », không câu-nệ một cách ; nhưng lần đến bây giờ, mà cái lối tiến-thân càng sàm-tạp thì cái đường bôn-cạnh càng ỷ-eo ; nay hạn-định hẳn một cái tư-cách làm quan, cũng vì dòm thấy cái tệ ấy mà sửa-sang lại cho trong sạch vậy.

Vả chăng quan-lại là một bọn người làm việc công trong nước đó mà thôi, chớ gọi là người hiền-tài trong nước, không phải cứ ai cũng ở trong vòng ấy mới gọi là hiền-tài, có người nổi tiếng về văn-chương, có người nổi tiếng về giáo-dục, có người nổi tiếng về kỹ-nghệ, có người nổi tiếng về nông-thương, cũng như những người làm quan nổi tiếng về chính-trị pháp-luật vậy ; ngay đến những nhà chính-trị, những nhà pháp-luật trong một nước, có nhiều người không ở trong quan-giới, cũng có thể nổi tiếng là một bậc đại-gia ; các nước văn-minh, có nhiều đảng ở vườn, nghiên-cứu chính-trị pháp-luật mà giúp công-việc Nhà-nước tiến-hành, sự-nghiệp đầy ra ở trong nước, danh-vọng khắp cả đến hoàn-cầu, biết mấy mà kể. Cho nên nói Nhà-nước chỉ hạn-định một cái tư-cách làm quan e hiền-tài có kẻ bị sót, sở-kiến thật còn hẹp lắm thay !

Ôi ! một nước biết bao nhiêu người, có lẽ nào cả nước ai cũng làm quan hết, nên phải coi cái cơ-quan hành-chính trong nước nhu-dụng bao nhiêu người thì đào-luyện lấy bấy nhiêu người cho có đạo-đức, có phong-độ, có học-vấn về một môn ấy để lấy đủ người dùng ; đó là một cái tư-cách làm quan, tức là riêng về một môn những người làm công trong nước vậy. Còn về những các cái cơ-quan khác tổ-chức lại mà thành một nước, thì lại phải cần có những các hạng người khác, tức như những nghị-viên các nghị-viện, những hội-viên các chính-đảng, cũng đều là các cái cơ-quan rất cốt-yếu trong nước, có kém gì cái cơ-quan hành-chính đâu. Cho nên các nước văn-minh, về cái bộ then chốt quan-hệ nhất để tổ-chức hết mọi công việc trong nước (các nước gọi là Nội-các, tức như nước ta gọi là Cơ-mật-viện, hợp các bộ mà lập thành) thì phải do đủ các hạng người trong nước hợp lại mà lập thành, không những một hạng người trong quan-giới ; các phần trong bộ ấy, hoặc là những quan hành-chính có kinh-nghiệm, hoặc là nghị-viên trong các nghị-viện, hoặc là đầu đảng trong các chính-đảng ; cái cách tổ-chức như ở nước quân-chủ, thì do quân-chủ lựa một người có tiếng là nhà đại-chính-trị trong nước, giao quyền tổ-chức Nội-các cho người ấy, để người ấy kê tên những người các viện người này nên coi bộ này, người khác nên coi bộ khác, tiến-cử lên, rồi do mạnh-lịnh quân-chủ nhóm các nghị-viện họp một bữa, đem những tên các viên giơ cho nghị-viện quyết nhận, nghị-viện quyết-nhận rồi, do quân-chủ phát sắc dùng người này chức này, người kia chức kia, cái chính-sách của tòa Nội-các ấy định làm thể nào, phải trình nghị-viện cầu nghị-viện tán-thành cho, khi nghị-viện có cật-vấn, tòa Nội-các ấy phải trả lời cho hết lẽ, bằng trả lời không hết lẽ hay là bị nghị-viện bặc-bác, thì tòa Nội-

các ấy phải đỗ ngay, lại tổ-chức tòa Nội-các mới. Coi thế thì giúp quân-chủ để kinh-doanh việc nước là thuộc về cả các hạng người trong nước, quan-lại chẳng qua là một cái bộ-phận thừa hành mà thôi ; những người có đức có tài, tuy không làm quan, cũng thiếu gì cách bay nhảy được ở trên võ-đài chính-trị mà lo có kẻ bị sót ?

Còn đến cái vấn-đề giai-cấp, thì không luận nước nào, cũng lấy giai-cấp làm trọng ; tức như nước Đại-Pháp, tuy không đặt ra phẩm-hàm, mà mền-đay này mền-đay kia, cũng có phân hạng cao hạng thấp, không khác gì phẩm-hàm ở nước ta vậy. Ôi ! mỗi nước có một cái tập-quán riêng ; nước ta từ xưa đến giờ, vẫn lấy phẩm-hàm làm trọng, cũng như các nước bên Âu-châu lấy mền-đay làm trọng ; lấy cái người mình đã trọng sẵn mà tưởng-lệ người mình, cũng là một cách rất hay của Nhà nước khích-khuyến quốc-dân vậy.

Cứ thấy người nước ta có cái mê-mộng hâm-mộ phẩm-hàm mà bài-bác là không nên ; phải biết phẩm-hàm tức là danh-dự, cái lòng danh-dự có trọng thì cái chí tiến-thủ mới cao ; Triều-đình ta xưa nay sở-dĩ duy-trì được giáo-hóa, chấn-tác được nhân-tâm là nhờ thế cả.

Tuy-nhiên vinh-hàm cùng quan-chức không coi là một được : quan-chức là đối với một bộ-phận làm việc công, vinh-hàm là đối cả toàn-thể xã-hội, vinh-hàm là vĩnh-cửu mà quan-chức là tạm-thời. Sao vậy ? lấy quan-chức mà bàn, thì cái cơ-quan hành-chính trong một nước phải cần có người dùng, bởi thế chính-phủ liệu cái số cần dùng, đào-tạo lấy nhân-tài, để mà chia chức làm việc, quan-chức nhân thế mà sinh ; khác nào như một cái công-ti, chiều cái số người làm việc trong công-ti bao nhiêu, phải người học-tập, để lấy đủ người dùng. Còn đến vinh-hàm, thì lấy cái mạnh-lịnh đứng nguyên-thủ trong nước, coi hết thảy các hạng người trong nước, bất luận là nhà chính-trị, là nhà pháp-luật, là nhà giáo-dục, là nhà văn-học, là nhà chế-tạo, là nhà nghiệp nông, là nhà nghiệp thương, hễ ai có tài-đức, có công-nghiệp giúp được sự tiến-hóa trong xã-hội, tùy cái trình-độ tài-đức, công-nghiệp kẻ hơn người kém mà thưởng cho cái giai-cấp vinh-hàm ; vinh-hàm để dành cho cả toàn-thể quốc-dân mà không phải riêng về một bộ-phận quan-chức vậy.

Cứ lấy lẽ phải mà nói, thì muốn biết trình-độ cao thấp những nhân-vật trong xã-hội, nên phân-biệt tại vinh-hàm, chớ không nên thiên-trọng về quan-chức, nếu thiên-trọng về quan-chức, thì ra sau này cứ ai có vào trường Pháp-chính, thi ra làm quan, mới chiếm được cái địa-vị tôn quí trong xã-hội, còn bao nhiêu những nhà văn-học, nhà giáo-dục, những nhà nghiệp thương, có tài-đức, có công-nghiệp cho cách mấy đi nữa, cũng phải chịu khuất-phục ở chốn hạ-lưu xã-hội hay sao ?

Hướng-lai tư-tưởng người nước ta không vỡ đến lẽ ấy, nên chỉ say-mê điên-đảo về một lối làm quan mà cho các sự-nghiệp khác là đê-tiện. Bây giờ có nhiều người muốn kiểu-chỉnh cái tệ ấy, lại hoặc về cái lý-thuyết bình-đẳng, muốn đem cái vinh-dự trong xã-hội mình vẫn tôn trọng, nhất-khái khinh bỉ hết, ấy thực là một điều lầm to. Ôi ! quốc-dân mà không có lòng danh-dự, thì chí tiến-thủ tất hỏi, kéo cả nước mà đi theo một cái chủ-nghĩa chán đời, còn mong gì vận nước có tiến-bộ. Vả chăng nước ta bây giờ, những lễ-giáo phong-tục đời xưa, bị hỗn-hợp với cái tân-hóa ở ngoài mới lại, đương buổi tân-cựu giao-thời, cốt lo làm sao duy-trì được cái lòng danh-dự của

quốc-dân, mới có thể giữ được cái lễ-giáo phong-tục hay của mình khỏi mất, duy phải sửa lại cái tư-tưởng người mình đừng như trước chỉ thiên về một lối làm quan, thì lòng danh-dự càng hăng bao nhiêu, chí tiến-thủ càng mạnh bấy nhiêu, cái con đường tiến-bộ của nước ta sau này, biết đến đâu là bạn-lượng.

Có người thấy trong Quan-chế mới có điều thứ sáu nói : « Phàm những người được thưởng hàm, vô-luận về ban văn hay ban võ, cũng không được viện hàm xin ra tùng chinh ; ai muốn tùng chinh phải có cái tư-cách hợp với trong thể-lệ mới đã định » ; bảo rằng sau này những người được thưởng hàm không ra tùng chinh được, thế chẳng hóa ra cái phẩm-giá vinh-hàm không bằng cái phẩm-giá quan-chức ư ? Ôi ! kiến-thức như thế mới lại càng lầm lắm ; xưa nay chỉ vì một sự lầm to ấy, thành ra trừ ngoài cái nghề làm quan ra không hi-vọng gì khác, không ham-muốn gì khác, mà những sự-nghiệp công-ích trong xã-hội không cái gì phát-đạt được cả.

Trên kia ta đã giải rõ cái vinh-hàm với cái quan-chức hai cái là khác nhau : quan-chức chỉ tạm-thời mà vinh-hàm thì vĩnh-cửu ; quan-chức chỉ đối với một bộ-phận làm việc công mà vinh-hàm thì đối với cả toàn-thể xã-hội ; vậy thì vinh-hàm quí hơn quan-chức; thực rõ rành-rành. Ta xướng ra câu nói ấy, có người cho là bàn ngang, dám nói quan-chức là không quí, không sợ đắc-tội với quan-lại hay sao ? Nhưng chiều theo điển-lệ nước ta, thì phàm những người làm quan, đều là chiều hàm ấn-bổ, chưa có cái quan-chức nào là không có phẩm-hàm ; ta nói trọng vinh-hàm, cũng tức là trọng quan-lại vậy. Duy nói hẳn trọng về vinh-hàm, chớ không trọng về quan-chức, cho người mình biết cái sở-dĩ trọng đó là trọng vì tài-đức, trọng vì công-nghiệp mà không phải trọng vì người làm quan ; cái mê-mộng làm quan xưa nay mới có thể tỉnh ra dần-dần được.

Đã hay rằng những người được thưởng-thụ vinh-hàm phần nhiều thuộc về hàng quan-lại, đó là cái lệ cũ nước ta, cho nên người mình thiên-trọng về đẳng quan-chức cũng là phải. Nhưng chúng ta phải biết thời-đại bây giờ khác thời-đại ngày trước, thời-đại ngày trước, trừ một nghề làm quan thì ngoài ra cũng không có sự-nghiệp hiển-hách. Huống chi Triều-đình ta ngày xưa, cái đường dùng người rất rộng ; không cứ học-tập cái gì, tu-tiến làm sao, Nhà-nước chỉ đặt một cách thi để khảo lấy nhân-tài, suốt người trong nước ai muốn đi thi cũng được, thi đỗ thì có cái đường tiến-thân ; ngoài cách thi lại còn có cái lệ tiến-cử để cầu những người tài dị-dật ; phàm những người có tài-đức có công-nghiệp trong nước, không ai lọt ra ngoài đám quan-trường ; cho nên theo cái kiến-địa lúc ấy, quan-chức tức là vinh-hàm, trọng quan-chức cũng tức là trọng vinh-hàm vậy. Còn như thời-đại bây giờ, cái nghề làm quan đã thành một nghề chuyên-môn trong xã-hội, Nhà-nước luyện lấy một phần người trong nước để làm về nghề ấy mà thôi, không phải một phần người ấy đã hết được những người tài giỏi trong nước, mà những người làm nghề khác là tư-cách đê-hạ cả đâu, không phải những người làm nghề khác, nếu theo học pháp-chính, lại không luyện thành tư-cách làm quan để lâm-dân lý-chính được đâu ; nay nhân cái đường đất chỉ có bấy nhiêu, ai được lọt vào trong vòng thì nhận là người đáng kính đáng trọng, còn những người làm nghề khác thì coi rẻ coi thường, thế chẳng hóa ra chỉ kể người làm quan cùng không là hơn kém mà không kể gì đến tài-đức công-nghiệp ư ? Ôi ! định cái nhân-

phẩm trong xã-hội, cốt lấy tài-đức công-nghiệp làm cân mực thôi ; muốn xét rõ từng phân từng lượng trong cái cân mực đó, thì phải xem xét cả toàn-thể mà không nên thiên ở một bộ-phận nào. Ví như chạy đua, sắp hàng các người đứng một giấy thẳng giữa cánh đồng rộng mà cùng chạy để định hơn thua, mới là công bằng, nếu hạn một cái cửa đi chừng độ mấy bước, mà bắt mấy ngàn muôn người ở phía sau phải do cái đường cửa ấy tiến ra mới có lối chạy, thì những người không chen ra được cái cửa ấy đành phải chịu thua, còn gì bất-bình hơn thế. Lại lấy ngay một cái lệ hiện đương-thời ai cũng biết mà nói, như có hai cậu học trò cùng xuất thân ở trường trung-học, hai người tài học-vấn không hơn kém nhau chút nào, nhưng cậu Giáp thì thích làm quan, cậu Ất thì thích làm thực-nghiệp, cậu Giáp vào học trường Pháp-chính, ba năm tốt-nghiệp, thi đỗ tri-huyện ra làm quan, cậu Ất vào học trường công-nghệ, mấy năm tốt-nghiệp, ra làm đốc-công một cái xưởng thợ, xét cái công-phu học-vấn, chưa chắc cậu Giáp đã hơn được cậu Ất, chẳng qua theo cái thể-cách người, tùy cái chí-nguyện người, mỗi người đi một đường, đều gánh một phần trách-nhiệm trong xã-hội cả, cho nên Nhà nước cho cái tài học của hai người ấy bằng nhau, định vị thứ cho hai người ấy, có cái lệ chiếu-bổng đối hàm ; nhưng nếu xã-hội ta đối với hai người ấy, chỉ biết trọng người làm tri-huyện mà chẳng biết trọng người làm đốc-công, thì ai là người chịu học thực-nghiệp mà không học pháp-chính ư ? Lại có khi như cậu Ất học nghề thợ mà trong các sở chế-tạo của chính-phủ dùng người có hạn, phải đi làm các sở riêng, những người đi làm các sở riêng đã không lĩnh lương bổng của nhà nước, làm sao mà chiếu bổng đối hàm được, còn cậu Giáp học pháp-chính ra làm tri-huyện, chẳng-hoành cái hàm kiểm-thảo ngay. Vậy thì hai người ấy tài học cũng chẳng ai hơn ai, mà một người được ngồi tôn trong xã-hội, một người chịu phận hèn trong xã-hội, đáng không ? Nếu bảo cậu Giáp được ngồi tôn trong xã-hội là vì làm việc công, cậu Ất chịu phận hèn trong xã-hội là vì làm việc riêng, sao không nghĩ làm việc công thì lĩnh lương bổng của nhà nước, cái bổng ấy cũng đã đủ trả cái công làm rồi, còn cái vinh-hàm là không phải cái để trả công làm, vinh-hàm là đối với cái tài-đức công-nghiệp của cả các hạng người trong nước mà thưởng cho vậy. Cho nên trong quan-chế mới thuộc về thể-lệ quan-hàm, điều thứ sáu có định rằng : « Bất kỳ người nào, hễ có cái công-nghiệp hiển-hách hay là làm được sự ích-lợi chung cũng được đặc-cách thưởng cho vinh-hàm » ; tức như cậu Ất đó, nếu cậu ấy làm ra được cái công-nghiệp hiển-hách nhà nước thưởng cho cậu ấy hàm hàn-lâm kiểm-thảo, chúng ta lại nên nói rằng cái phẩm-giá vinh-hàm kiểm-thảo ấy không quí bằng ông huyện Giáp kia hay sao ? Chiếu trong thể-lệ định phàm những người được phẩm-hàm có quyền được hưởng cái vị-thứ bộ Lễ đã định ; điều đó nhà nước cũng đã phòng trước dân ta đối với hai cái ấy ngộ có sốc lệch nhau bên hơn bên kém, nên định ra thể-lệ đó, cho biết cái vị-thứ nhân-vật trong xã-hội chỉ theo vinh-hàm mà định cao thấp, không phải kể cái vinh-hàm ấy cứ có làm quan mới quí vậy. Song le sợ người mình hiểu lầm về cái câu trong quan-chế mới nói không được viện hàm xin ra tùng-chính, mà có cái bụng coi quan-chức trọng, coi vinh-hàm khinh, thì lưu-tệ đến sau này, hầu khiến người cả nước sô nhau về một lối làm quan, trường Pháp-chính không đất dung hết người mà trường thực-nghiệp không ai hỏi tới chắc.

Ôi! nhà nước đối với nhân-dân, tuy giữ mực cầm cân, che chở không riêng ai sốt, phàm những người có công-đức với xã-hội, kíp tìm cách để tưởng-lệ người ta; nhưng cái phép lành ý hay của Nhà nước tưởng-lệ nhân dân, sở-dĩ được như gió thổi sấm vang, có thành hiệu mau mà khắp ấy, là cốt tại bụng yêu-chuộng của quốc-dân; nếu cái bụng yêu-chuộng của quốc-dân đã sai, thì chẳng những cái phép lành ý hay của Nhà nước không được ích gì, mà cái con đường tiến-bộ của người mình, nhân thế mà trở-ngại nhiều lắm. Trong bài luận này sở-dĩ đối với cái quan-chức cùng cái vinh-hàm, giải thích thực minh-bạch, là cốt cầu cho quốc-dân ta truyền-di cái bụng yêu chuộng, biết coi thường cái quyền-lợi tạm-thời mà cố làm lấy cái danh-dự vĩnh-cửu, để mong cùng nhau tiến-thủ vậy.

Còn đến cái vấn-đề quan-bổng thì hiện nay quan-lại ở Bắc-kỳ đã nhất-luật tăng thêm, tri-huyện hang ha mỗi tháng cnng được đến một trăm bạc lương rồi, quốc-dân ta đối với cái vấn-đề ấy, có nhiều người nghi nói không biết sau này quan-bổng hậu thêm mà quan-trường có thật được thanh-bạch không? Ôi! một cái nghi-vấn ấy thật khó mà trả lời, nhưng chúng ta cứ xét về cái đạo-đức của quan-lại ta, và cái chỗ giác-ngộ của nhân-dân ta mà có thể biết được.

Nhà nước đối với quan-lại, chẳng qua có hai cách: một cách thì hậu-lộc để dưỡng-liêm, một cách thì nghiêm phạt để trừng tham; cái nghị tăng bổng ở trong quan-chế mới này, tức là cái cách dưỡng-liêm, còn cái chương chức-dịch phạm tội ở trong luật mới, tức là cái cách trừng-tham vậy. Kể cái cách trừng-tham, thì luật mới chưa chắc đã nặng hơn luật cũ; vì luật ta các điều ngự-lại vẫn rất là nghiêm; duy đến bây-giờ thì cái hiệu thanh-liêm thấy kém trước nhiều, trong đó tất có nhiều duyên-cớ, nhưng cái cớ rõ nhất ai cũng biết thì thực bởi quan-lại lương không đủ tiêu. Bình-tĩnh mà nói, người ta ở trong xã-hội, trừ một hạng người lao-động, còn những người trung-lưu dĩ-thượng, về sự ăn tiêu của mình có ba điều cần nhất: một là gia-kế, hai là tự-phụng, ba là thù-ứng; mà những người đã đặt mình vào trong quan-giới thì ba cái ấy, vi với người thường lại phải tốn nhiều. Thế-giới càng văn-minh, vật-giá càng cao-qui, mà cái cách tiêu-sài càng phải rộng thêm; quan thì không làm thợ, không làm ruộng, không đi buôn, mỗi tháng chỉ có chiếc lương là tiền thu-nhập; nếu không được phong-hậu, lấy gì cho đủ sự ăn tiêu. Cho nên bây-giờ muốn cầu cái hiệu thanh-liêm, trước hết phải tăng bổng cho quan-lại. Sau khi đã tăng bổng, mà quan-lại còn có tệ không thanh không liêm, đó thực là quan-lại không ra gì mà không phải Nhà nước đãi quan-lại không hậu vậy.

Ta nhân thế mà xét đến cái đạo-đức của quan-lại ta và cái bụng giác-ngộ của nhân dân ta. Thế nào là cái đạo-đức của quan-lại ta, tức là cái bụng trung-thành trên đối với vua, cái bụng từ-ái dưới đối với dân vậy. Ôi! nhà nước tin người giao việc, lại hậu cho lương-lộc là cốt để ích quốc lợi dân mà thôi. Tuy các cái cơ-quan tổ-chức thành một nước vốn có nhiều hạng người, nhưng trong đó giữ cái cơ-quan hành-chính để tăng-tiến cái phúc-lợi cho nước cho dân, công việc phần nhiều ở trong tay quan-lại; quan-lại mà lương-thiện, thì điều lợi làm, điều hại bỏ, mà vận nước càng ngày càng hay; quan-lại mà tham-ô, thì công việc nát, oan uổng nhiều, mà vận nước một ngày một xuống; cái trách-nhiệm quan-lại trọng hơn hết các hạng người trong nước. Quốc-dân quanh

năm cầy sâu cuốc bẫm, lo hết cái bổn-phận làm dân để nộp sưu đóng thuế, cho Nhà-nước có khoản tiền thu-nhập mà nuôi quan-lại ; lúc còn ở trong trường học thì cấp tiền cho ăn học ; lúc ra làm quan thì cung lương-bổng rất hậu, mà lại tôn như cha mẹ, kính như thần-minh ; quí trọng như thế là vì coi quan-lại làm người hộ-mạnh của mình, không tiếc chịu cực chịu khổ, mồ hôi nước mắt, cung lương lộc cho quan-lại, nuôi từ lúc học làm quan cho đến lúc già thôi làm quan, không dám để khi nào thiếu-thốn vậy. Nghĩ coi ! một thân người quan-lại, chẳng qua cũng gánh một phần việc trong xã-hội, như những các hạng người kia, mà coi một phần việc ấy, trên đối với nước, dưới đối với dân, có một cái trách-nhiệm rất trọng, được một cách đãi đằng rất hậu ; đã đem mình gánh cái trách-nhiệm ấy, chịu cách đãi-đằng ấy mà không lo đền bù cái lòng hi-vọng của xã-hội đối với mình, nhân-tình đâu lại có thế? Huống chi quan-lại là người có học-vấn có tư-tưởng cả, thì cái lòng đạo-đức tất phải giàu hơn người thường. Hồi trước lương-lộc còn ít, hoặc giả nhân sự ăn tiêu túng bấn, cực chẳng đã phải làm càn, không nói làm chi ; còn đến bây giờ Nhà-nước đã thể-tất mà chu-toàn cho, chính là lúc quan-lại ta biết hổi-đầu mãnh-tỉnh đó ; làm sao ích cho nước, làm sao lợi cho dân, ấy là cái chức-vụ của mình phải lo làm cho hết ; mà cái chức-vụ ấy là cái chức-vụ rất cao-thượng trong xã-hội, không phải như cái chức-vụ những nhà làm ruộng, những nhà làm thợ, những nhà buôn bán chỉ lấy nhiều tiền làm chủ-nghĩa mà thôi đâu. Nhà buôn bán còn có lúc lỗ vốn, mà cái lương tháng của ta có bao giờ lỗ ; nhà làm ruộng còn sợ có lúc mất mùa mà cái lương tháng của ta có bao giờ mất ; sự ăn tiêu ta lúc nào cũng được no đủ, mà còn tham cái của không đáng được của xã-hội, để hư cái danh-dự của mình, mất cái sự-nghiệp của mình, vậy chẳng những trên phụ nước dưới phụ dân, mà chính mình lại phụ cả mình nữa. Thiết-tưởng ai làm quan-lại mà không có cái bụng hổi-đầu mãnh-tỉnh ấy ru? Đã có cái bụng hổi-đầu mãnh-tỉnh ấy thì ai nỡ bỏ cái lòng đạo-đức của mình ru? Cho nên nói quyết rằng quan-trường sau này hẳn thanh-bạch hơn trước ; chúng ta có thể cứ xét về cái lòng đạo-đức của quan-lại ta mà đoán trước được vậy.

Thế nào là cái lòng giác-ngộ của quốc-dân ta ? Ôi ! quan-lại sở-dĩ không thanh không liêm, vì bởi nhân dân ta còn đem lễ đem tiền, lén-lút dâng cho quan-lại. Ta nghĩ kim-tiền là cái tinh-mạnh thứ hai của con người, ai lại có tiền không biết giữ, lạy mà nộp cho chúng ăn ; chỉ do nhân-dân không học-vấn, không tư-tưởng, lại không biết pháp-luật, về cái giới-hạn quyền-lợi nghĩa-vụ, mờ như đi đêm, cho nên tính cái kế giữ thân giữ nhà chỉ chuyên về một lối thân quan chịu lễ ; bây giờ, trường học đã mở rộng, luật mới đã thi-hành, nhân-dân ta cũng lần lần mở thêm được một vài phần tri-thức ; vậy thì việc gì nên làm, việc gì nên tránh, quyền-lợi gì nên được hay không được, phải trái khúc trực, hiểu rõ không một chút lầm ; khi có kiện tụng, cứ lấy luật làm chuẩn-đích mà theo ; có phải ngu-muội như xưa mà cam chịu gian-lại nó khi-lăng, tham-quan nó sách-nhiễu nữa. Cho nên nói quyết rằng quan-trường sau này hẳn thanh-bạch hơn trước, chúng ta có thể cứ xét về cái lòng giác-ngộ của quốc-dân ta mà đoán ra biết trước được vậy.

Nói tóm lại, thì cái ngạch lương ngày trước thật không đủ tiêu cho quan-lại ngày nay ; Chính-phủ đã biết rõ lẽ ấy, cho nên muốn cầu quan lại thanh-liêm, định lại ngạch lương các quan cho được

thật hậu, chính là cái cách sửa trị từ chỗ căn-bản mà sửa trị đi. Cái quan-chế mới này đã có nghị-định quan Toàn-quyền ngày 13 tháng giêng tây năm 1919 thi-hành ở địa-phương Bắc-kỳ rồi. Từ rầy sấp sau, quan lại Bắc-kỳ về đường kinh-tế đã được rảnh-rang, về đường chính-trị tất thêm cần-cán ; quan xứng chức, dân yên nghiệp, chúng ta có thể mừng trước cho một xứ Bắc-kỳ rồi. Song còn quan-lại Trung-kỳ, hiện nay vẫn ăn theo ngạch lương cũ, cũng trong một bọn làm việc công cả, sao lại có phong ở chỗ nọ mà sắc ở chỗ kia? Có kẻ nói tài-chính Trung-kỳ chưa được phong-dụ như Bắc-kỳ, cho nên cái vấn-đề ấy phải thong-thả mới bàn tới được ; câu nói ấy vẫn là chính-đáng. Tuy-nhiên, cái vấn-đề ấy còn thong-thả mới bàn đến, mà sự ăn tiêu của quan-lại túng bấn ngay bây giờ, phàm con người ta đã có cái cảnh-ngộ túng-bấn nó bách đến mình, thì phải xoay cách này xoay cách khác ; làm thân quan-lại mà muốn xoay cách kiếm tiền cho đỡ túng thì còn có cách gì khác nữa đâu, tất đến nhân-dân phải chịu khổ. Ôi ! đã cùng là quan-lại trong một nước thì cái cách tiêu xài tất phải giống nhau, không lẽ quan Bắc-kỳ phong mà quan Trung-kỳ sắc được ; đã không sắc được thì không thủ-thường được với chính-phủ tài nào khỏi thủ-thường với quốc-dân ; thủ-thường với chính-phủ còn có chừng, thủ-thường với quốc-dân thì vô-hạn, đó cũng là cái sự-thế tất-nhiên.

Cũng có người ăn tiêu tằn tiện, chịu khắc khổ để giữ tiếng thơm. Nhưng về đường tự-phụng bớt được, gia-kế bớt được, mà tối khổ là những sự thù-ứng trong xã-hội không làm sao bớt được. Ngày tết ngày lễ việc khánh việc điếu, giao-tế chỗ thân-bằng, phùng-nghênh chỗ quyền-quý, bao giờ cũng vẫn theo cái thể-diện quan-lại mà sinh ra những truyện tất phải có tiền mới xong. Huống chi đã giao cho người ta làm việc công, phải cho người ta có cái tâm-cảnh thái-nhiên, không đến nỗi bận về những sự ăn tiêu nhỏ mọn ; nay có một ông quan lương không đủ tiêu lấn-bấn được ngày này lo ngày khác, lúc nào cũng có cái tình-hình nội-cố, còn làm sao thư tâm hởi giạ, tính được sự công-ích để tạo hạnh-phúc cho nhân dân được ư ? Chúng ta cũng trông chính-phủ Trung-kỳ, sau này chủ-ý đến cái vấn-đề ấy, làm sao thiết pháp cho tài-chính có doanh-dư để lần-lần thêm lương bổng cho quan-lại.

Tuy-nhiên chúng ta lại thiết-vọng các ngài quan-lại Trung-kỳ, trước nên chủ-ý về sinh-kế của nhân dân ta, cho người nào nhà nào cũng được giàu đủ ; khi ấy tài-chính Trung-kỳ cũng được dư-dụ như Nam-kỳ, Bắc-kỳ, ấy chính là cái chức-phận quan-lại trên đối với nước, dưới đối với dân, mà tài-chính trong xứ dư-dụ thì ngạch lương quan lại mới có thể tăng thêm, cũng tức là làm sự ích-lợi cho cả thân mình nữa. Nếu không nghĩ thế, mà chỉ chăm-chăm cầu chính-phủ trả thêm công cho, thì bắt nhân-dân ta phải nặng thêm gánh vác ; vậy thì quốc-dân ta còn trông mong nỗi gì !

TUYẾT-HUY

(*dịch bài xã-thuyết chữ Hán*)

BỆNH LAO CÓ CHỮA ĐƯỢC KHÔNG?

Bệnh lao là một bệnh hại người không gì bằng. Các sách thuốc ta đã kể cho vào hạng bốn bệnh không thuốc nào chữa được (*Phong, lao, cổ, lại, tứ chứng nan y*). Các sách thuốc Tây cũng lấy bệnh lao là một cái đại-tai của thế-giới, hại người hơn sự chiến-tranh. Xưa nay biết bao nhiêu những tay danh-y trong thiên-hạ đã cố công cùng sức tìm-tòi mà không nghĩ ra cách nào chữa được bệnh đó, chỉ biết đặt phép phòng-bị, mà không tìm được cách liệu-trị. Biết bệnh lao là truyền-nhiễm bằng một thứ vi-chùng gọi là « vi-chùng ông Cốc » (*bacille de Koch*, do tên ông thầy thuốc nước Đức đã tìm ra con vi-chùng ấy trước nhất), nhưng thứ vi-chùng ấy có cái sức sinh-hoạt mạnh lắm, không tài nào tiệt-diệt được. Cả nhân-loại hiệp-lực đánh nhau với một con sâu nhỏ, nhỏ đến nỗi mắt người không trông thấy, mà nhân-loại phải chịu thua: cực thay! Đến ngày nay bệnh lao lại càng thịnh-thành lắm nữa, con vi-chùng lại càng hoạnh-hạnh hơn xưa, hại người không biết bao nhiêu mà kể. Người ta đã tính trong một trăm người chết thì đến 80 người chết về bệnh lao, vì bệnh này thiên-hình vạn-trạng, có khi ẩn, có khi hiện, và nhiều khi làm nguồn-gốc cho vô-số các bệnh khác. Thuộc về phép phòng-bị bệnh lao thì các sách vệ-sinh dạy đã tường lắm: phải giữ thân-thể cho mạnh khỏe, ăn uống cho điều độ, đồ-dùng cho sạch-sẽ, nhà cửa cho phong-quang; ai cũng biết rằng được như vậy thì không những phòng-bị được bệnh lao, mà tưởng phòng-bị bệnh gì cũng không ngoài bấy nhiêu phương-phép. Nhưng ngộ chẳng may mắc phải bệnh thì nên dùng cách gì mà chữa cho khỏi? Đến cái vấn-đề đó thì các nhà y-học bác-sĩ chưa biết giải-quyết thế nào. Những cách dùng chữa bệnh lao xưa này là những cách gián-tiếp cả, nghĩa là chữa bàng-sang ở ngoài mà không trị ngay đến gốc bệnh được, vì không có phép gì trực-tiếp con vi-chùng mà làm cho nó tiệt-diệt.

Mới rồi đọc trong báo tây thấy nói có ông bác-sĩ người nước Ý-đại-lợi (Italie) vừa mới phát-minh được một cách trị bệnh lao rất giản-dị và rất huyền-diệu. Nếu quả như vậy thì ông thật đáng tôn làm bậc thánh cứu-thế cho loài người vậy. Nay xin dịch lời báo tây thuật về sự phát-minh ấy như sau này:

« Các báo nước Ý-đại-lợi vừa mới truyền một cái tin rất đáng kỷ-niệm: là quan bác-sĩ Lo Monaco, (Lô Mô-na-cô) làm giám-đốc viện sinh-vật-hóa-học ở Hội Bác-sĩ thành Rome (*Institut de Chimie biologique de l'Académie des Lincei*), trong một bài thông-báo cho Hội có nói rằng ông mới tìm được một cách trị bệnh lao diệu lắm.

« Cách ấy giản-dị lắm, giản-dị hơn cả các cách đã phát-minh được trong mấy năm sau này. Trước kia người ta chỉ cố tìm đường trị ngay con vi-chùng, mà cái cách con vi-chùng ấy sinh-hoạt thế nào thì không sao biết rõ được, nên không tài nào tiệt nó được. Nay cái cách của ông là chủ làm cho biến-hóa cái nơi nó sinh-trưởng, khiến cho nó không ở được nữa.

« Bài thông-báo của ông cho Hội Bác-sĩ đề nhan là: « Các chất đường biến-hóa cái nước chất trong phổi thế nào » (*Action des sucres sur la sécrétion bronchique*), coi cái nhan đó rất là khiêm-tốn, mà sự phát-minh này thật là cái kết-quả bao nhiêu công-phu

nghiên-cứu tự năm 1907 tới giờ. Tự hồi đó quan Lo Monaco đã nhận rằng các chất đường có tính biến-hóa được những « nước chắt » (*secrétion*) trong thân-thể người ta.

« Trước nhất ngài thí-nghiệm kỹ xem thứ nước sữa (cũng là một thứ « nước chắt ») mà cho chất đường vào thì biến-hóa ra thế nào. Ngài bèn tiêm nước tinh đường (*solution de saccharose*) vào vú con dê cái thì nghiệm thấy rằng hễ tiêm vào ít thì sữa nhiều ra, mà tiêm vào nhiều thì sữa ít đi, cái chất sữa không thay đổi. Thí-nghiệm vào con dê rồi, lại đem thí-nghiệm vào người đàn-bà, cũng thấy như vậy.

« Đến năm 1914 thì biết chắc rằng phàm các « nước chắt » trong thân-thể người, như nước bọt, nước mật, nước tiêu-hóa trong tì-vị, hễ có đường vào thì giảm bớt đi nhiều.

« Ngài tìm xem duyên-do sự biến-hóa ấy thế nào, thì thấy rằng phàm tiêm đường vào cái cơ-quan nào trong thân-thể, hễ tiêm ít thì những ống máu trong cái cơ-quan ấy dương rộng ra mà tiêm nhiều thì ống máu co hẹp lại.

« Nhân đó ngài thí-nghiệm những khi vỡ mạch máu mà tiêm đường vào thì thấy quả-nhiên như vậy. Ngài bèn kết rằng nếu đường mà có tính ngăn máu được như vậy, thì chắc có thể ngăn cả các « nước chắt » khác trong người ; người phải bệnh lao thì trong phổi sinh ra một thứ « nước chắt » là nơi sinh-trưởng của con vi-chùng lao, nay đem tiêm đường vào phổi tất làm cạn được cái « nước chắt » ấy đi ; nước đã cạn thì con chùng sống về nước ấy còn sống sao được ?

« Nghĩ được như vậy, ngài bèn như tỉnh-ngộ, hăm-hở đem ra thí-nghiệm ngay : cái sự kết-quả thật được quá lòng hi-vọng bội-phần ! Ngài thí-nghiệm vào những quân lính mắc bệnh lao phải thải ở trận-tiền về. Người nào bị thí-nghiệm như thế lúc mới đầu thấy bơn-bớt, sau bớt dần, sau khỏi hẳn, chỉ trong mấy ngày là ho, sốt, khái-huyết, đổ mồ-hôi đêm, bấy nhiêu chứng lui cả.

« Vậy thì cái cách liệu-trị thần-diệu ấy, đầu-đuôi ra làm sao ? Quan Lo Monaco nói rằng đầu đuôi cực giản-dị. Tiêm nước tinh đường (*saccharose*) vào phổi thì « nước chắt » trong phổi (*secrétion bronchique*), mỗi ngày một bớt dần đi, rồi đến cạn hẳn, mà cái « nước chắt » trong phổi đó chính là nơi sinh-hoạt của con chùng lao, hễ không có nước đó thì con chùng héo dần đi mà không thể sinh-nở được nữa. Các thịt phổi không bị nó nhấm nó đục nữa, những chỗ nứt vỡ ra tự hàn gắn lại, tấm phổi không bao lâu lại nguyên vẹn như thường.

« Ấy sự phát-minh của quan Lo Monaco đại-khái như thế. Nếu quả được như vậy, nếu cái nguyên-lý không sai và sự ứng-dụng không lầm, thì sự phát-minh đó thiệt là cái hạnh-phúc lớn của Khoa-học đã ân-tứ cho loài người vậy. Vì trong thế-giới này còn gì khốc-hại bằng bệnh lao ? Dẫu chiến-tranh rất kịch-liệt cũng không giết hại người bằng.

« Nay cứ lấy cái thanh-danh quan bác-sĩ, cứ lấy cái sự-nghiệp của ngài, cứ lấy cái danh-vọng của Hội Bác-sĩ mà ngài đã thông-báo cho biết sự phát-minh đó, lại xét cái công-phu ngài nghiên-cứu kỹ-càng biết bao nhiêu, cái phương-pháp ngài lợi-dụng chánh-đáng là dường nào, thì ta có thể vững lòng mà tin cậy ở sự phát-minh đó được.

« Lại thử xét từ xưa đến nay các cách trị lao đều chủ trị con chùng lao là hỏng cả, thì đủ biết rằng cái cách

mới này chỉ chủ trị cái nước phổi là nơi con chùng sinh-trưởng, có lẽ là chánh-đáng hơn cả. Ý-kiến của các nhà bác-sĩ nước Pháp như quan GABRIEL BERTRAND, quan RÉNON, cũng đồng như vậy. »

Như vậy thì bệnh lao có thể chữa được rồi. Thế-giới nên vỗ tay mà mừng thay đã thoát khỏi một cái tai-nạn rất hại cho người đời, nhất là người đời nay vì lẽ sinh-tồn-cạnh-tranh mà phải lao-động cực-khổ hơn người xưa gấp mấy lần. Nếu sự phát-minh đó không sai lầm — cứ xét như trên kia thì không thể sai lầm được — thì nên mong rằng các quan thầy thuốc sẽ đua nhau mà dùng cái phương trị lao rất giản-dị và rất huyền-diệu đó. Ôi! phương-ngôn nói : « Thuốc đắng dã tật », nay uống ngọt mà khỏi bệnh, chẳng là tuyệt-diệu ư?

PHẠM QUỲNH

NAM - ÂM THI - VĂN KHẢO-BIỆN

(BÀI NỐI)

NGUYỄN CÔNG-TRỨ 阮公著 tiên-sinh tự là Trọng-Chiêu người lang Uy-viễn huyện Nghi-Xuân, đỗ giải-nguyên khoa *Kỷ-mão* năm Gia-long thứ mười tám (1819), làm quan đến Tổng-đốc Hải-dương, nhiều lần đi quân-thứ dẹp yên giặc ở vùng thượng du Bắc-kỳ. Có lập ra hai huyện : Kim-sơn và Tiền-hải ở vùng bể ; đi đến đâu cũng có chính-tích hay, sau bị giáng, rồi lại được khôi-phục Thừa-thiên phủ-doãn về hưu-trí. Truyền rằng khi cụ chưa hiển-đạt, gặp lắm bước phong-trần, cụ có đề câu đối rằng :

Chị em ơi! ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công-tử sác!

Trời đất nhẻ, gắng một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh, làm cho nỗi tiếng trượng-phu kênh!

Công-tử sác mà làm nên được trượng-phu kênh, thế mới đáng là trượng-phu, thế mới đáng là công-tử, chớ không phải là công-tử bột!

Một hôm, cụ vào chơi chùa thấy nhà sư đề một vế câu đối rằng :

Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thần, thánh, phật, tiên, nhưng khác tục.

Cụ đối lại rằng :

Hay tám vạn nghìn tư mặc kệ, không quân, thần, phụ, tử, đếch ra người.

Nhà sư bị cụ nhiếc mắng mà cũng phải chịu là đối tài.

Cụ thường ngâm câu rằng :

Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời vách đá treo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông.

Lời ca-dao ấy rất là cảm-khái, biết bao nhiêu là chí-thú tự-do, bao nhiêu là khí-phách độc-lập, nên công-nghiệp cụ cũng lừng lẫy trong sử xanh. Tính cụ rất hào-đạt, thường hay chơi hát ả-đào, có đặt ra nhiều bài « hát nói » rất hay. Truyền rằng khi ấy có một ả-đào đẹp tuyệt-sắc, tính hay kiêu-căng làm bộ, kém đồng tiền thì không thể nào vào chơi được. Cụ khi ấy còn là học trò kiết, không biết nghĩ kế gì để cho gần được ả ta, mới vào xin

ả ta cho theo làm kép đàn. Nhân cụ đánh đàn hay, hễ khi nào ả ta đi đám thì cụ quẩy gánh mà thằng bé con thì xách đàn theo sau. Một hôm, đi được vài quãng đường đến chỗ đồng không quãng vắng, cụ mới giật mình nói lên rằng : « Ố chao, bỏ quên dây đàn ở nhà rồi ». Chị ả vội sai thằng bé con chạy trở lại lấy dây đàn, bấy giờ một mình một ả, muốn sao muốn vậy... Đến khi cụ làm đến Tổng-đốc, nhân ngày sinh-nhật mở tiệc, gọi ả đào vào hát, chị kia cũng ở trong bọn ả đào ấy, khi vào chiếu hát trông lên thì là người ngày xưa, mới hát lên rằng :

Giang-sơn một gánh giữa đồng,
Thuyền-quyên ứ-hự anh-hùng nhớ chăng ?

Cụ mới sức nghĩ ra, hỏi ra mới biết nàng chửa lấy ai, bèn lấy làm thứ-thiếp. Khi cụ đi quân-thứ dẹp giặc trên thượng-du, xông pha lam-chướng, chợt thấy người thứ-thiếp lên theo hầu, cụ đọc bỡn câu rằng :

Đành nhẽ bút nghiên mà kiếm-mã,
Thương ôi! kim chỉ cũng phong-trần!

Đó là cụ thương thay người kim chỉ, mà lại ngán thay cho bạn bút nghiên, ngụ ý rất là cảm-khái.

Đến khi cụ về hưu-trí có đề câu đối rằng :

Cũng may sao ! công đăng-hỏa có là bao, theo đòi về phận lại về duyên, quan trong năm bảy thứ, quan ngoài tám chín phen, nào cờ, nào quạt, nào mũ, nào đai, nào hèo hoa gươm bạc, võng tía dù xanh, mặt tài-tình trong hội công-danh, khắp trời nam biển bắc cũng phong-lưu, mùi thế trải qua coi đã đủ.

Thôi quyết hẳn, cuộc phong-trần chi nữa tá, ngất ngưởng chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một đôi cô, hầu trai năm bảy cậu, này cờ, này kiệu, này rượu, này thơ, này đàn ngọt hát hay, trẻ chuyên chén mẫu, tay thao-lược ngoài vòng cương-tỏa, lấy gió mát trăng thanh làm tri-thức, tuổi trời chút nữa ấy là hơn.

Cụ thọ đến 82 tuổi mới mất, xem như câu đối ấy thì biết lịch-sử của cụ rất là danh-giá, mà rất là cao-thượng ; lại biết được tài văn quốc-âm của cụ rất là thanh-tao.

II

Ông Cao Bá-Quát 高伯适 tự là Chu-thần, người làng Phú-thị, huyện Gia-lâm, Bắc-ninh, cùng với ông Cao Bá-Đạt 高伯迖 là hai anh em đồng-bào song-sinh, mà lại cùng đỗ một khoa, quan trường thấy hai anh em ông còn ít tuổi mà đã đỗ đồng khoa, mới ra câu rằng :

Đồng bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ 同胞雙生難爲兄難爲弟

Ông Quát đối lại rằng :

Thiên tải nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần. 千載一遇有是君有是臣

Câu đối lại rất là có khí-phách. Chữ ông viết rất tốt, khi vào thi hội bốn kỳ ông đều viết đủ cả bốn lối chữ : triện, lệ, chân, thảo, mỗi kỳ một lối ; vì các quan trường ghét ông có tính tự-phụ, không lấy cho đỗ đại-khoa. Ông cùng với ông Phương-đình Nguyễn Siêu cùng nổi tiếng văn-chương lừng lẫy, học trò đều phục là bậc hay chữ, thường nói rằng : « *Thần Siêu thánh Quát* 神超聖适 ». Ngự-thi cũng có câu khen rằng : « *Văn như Siêu Quát lăng Tiền-Tống* 文如超适凌前宋 ». Xem như thế thì ông thực là một bậc văn-chương cự-phách (1) thời bấy giờ. Truyền rằng ông Siêu có khi phụng mệnh đề vịnh cái bề cạn và cái

(1) Cự-phách 巨擘 là ngón tay lớn, nghĩa bóng là một người giỏi.

núi non bộ, nghĩ mãi chưa biết đề thế nào cho hay, nhân mượn ông Quát đề hộ cho rằng :

Sơn nhược hữu thần hô Hán tuế 山若有神呼漢歲.

Hải như sinh thánh thiếp Chu ba 海如生聖帖周波.

Câu đối ấy rõ tả ra cái cảnh-tượng bể cạn bày núi non bộ ở nơi ngự-viên, ông Siêu cũng chịu là hay. Ông Quát có khi vào hầu vương-phủ, trông thấy câu đối rằng :

Thần khả báo quân ân 臣可報君恩.
Tử đương thừa phụ đạo 子當承父道.

Ông tủm-tỉm cười, sau hỏi ra thì ông nói là cười câu đối đề ngược, chữ « thần tử » lại ở trên chữ « quân phụ », bảo ông chữa lại thì ông xin móc đảo lên rằng :

Quân ân, thần khả báo.
Phụ đạo, tử đương thừa.

Đặt đảo lên thế lại càng cứng câu mà chữ « quân phụ 君父 » lại ở trên không ngược. Khi ấy có cụ nghè Bái-dương Ngô Thế-Vinh hiệu là Trúc-đường, dạy học-trò rất đông, đương lúc bình văn, ông Quát ở đâu ngang-nhiên bước vào, muốn thử thơ cụ, xin cụ vịnh cho hai câu vào cái cối răng tượng giả giầu của cụ, cụ đề rằng :

Tích vi lâm tẩu khách 昔爲林藪客.
Kim tác chảo nha thần 今作爪牙臣.

Ông Quát bựt cười đứng dậy trở ra, học trò thấy người ngạo nghễ, ra đuổi theo ; ông ngảnh lại bảo rằng : « Đề như thế thì ra cả con voi làm cái cối giã giầu, phải đề như thế này :

Thượng tượng dĩ chế khí 尚象以制器.

Một sỉ vô oán ngôn 沒齒無怨言.»

Ông đọc xong liền đi mất. Học trò thấy câu ông ấy vịnh thì rõ tả ra là cái cối răng tượng, mà lại là câu thành-cú trong sách, trở về thuật lại cho cụ nghè nghe, cụ nghè chịu lấy làm hay, nhưng không biết là ông Quát, vẫn tưởng là gặp tiên xuống thử mà không biết. Ông vì có tính hay khinh đời như thế, nên không được bổ làm quan, sau mãi mới được bổ làm Giáo thụ phủ Quốc-uy Sơn-tây ; ông có đề câu đối ở nhà học-đường rằng :

Mô-phạm năm ba thằng mắt trắng,
Đỉnh-trung chiếc rưỡi cái lương vàng.

Xem như câu ấy thì biết lương-bổng giáo-quan thời ấy rất bạc, mà ông là người đại-tài mà lại phải khuất ở bậc hạ-liêu, tài nào mà không uất-ức, nên về sau mới mắc phải tội cuồng-bội, mà chết lây cả hai anh em. Tương-truyền cụ Phương-đình có câu viếng rằng :

Tối liên tai ! quán cổ tài danh, nan đệ cánh nan huynh, bất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử, 最憐哉冠古才名難弟更難兄不世偶生還偶死.

Khả tích giả ! đáo đầu sự thế, thử nhân nhi thử ngộ, hỗn trần lưu sử diệc lưu phương, 可惜者到頭事勢此人而此遇混塵留臭亦留芳.

Than ôi ! Ông là bậc tài-danh quán-cổ, mà gặp đến bước sự-thế đáo-đầu, thì cũng nên thương nên tiếc cho người oan uổng. Nhưng thiết tưởng có tài như ông thì cũng nên răn chớ không nên cậy. *Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần.* Sau lại nã bắt đến cả cháu ông là Cao Bá-Nhạ (con ông Đạt) giải nộp, Bá-Nhạ có làm bài ca trần-tình, tả rõ cái lòng trung-hiếu của người xưa, lời lẽ rất là thê-thảm, xem đó thì biết dòng dõi Cao-đương cũng lắm người tài giỏi văn quốc-âm.

III

Quan Yên-đỗ tên là Nguyễn Văn-Thắng, người làng Yên-đỗ, huyện Nam-sang, tỉnh Hà-nam. Ngài xuất-chánh làm đến

Tuần-phủ, sau về trí sĩ. Khi ngài còn làm học trò, cùng với quan Tam-Nguyên Vị-xuyên TRẦN BÍCH-SAN đồng học quan hoàng-giáp Tam-đăng PHẠM VĂN-NGHỊ. Hai ngài cùng có tiếng hay chữ, mà văn quan Yên-đồ thì sắc hơn. Bấy giờ tràng Hà tràng Nam còn thi riêng, khoa *Giáp-tí* hai cụ cùng đi thi hương. Vào hầu quan Tam-Đăng ; quan Tam Đăng dặn rằng : « Khoa này hai anh làm cho thầy hai cái thủ-khoa, mà anh Vị-xuyên thì sang năm thi hội, làm luôn cho thầy cái Nhị-giáp nữa ».

Quan Yên đồ không thấy dặn mình làm luôn tiến-sĩ, thì có ý không bằng lòng. Quan Vị-xuyên phải nói nhún với quan Yên-đồ : « Thầy thấy tôi hoạt mà xưa nay vẫn thua anh nên thày mong cho tôi tức là khuyên anh đấy, chớ khi thi hội, tôi hơn anh thế nào được ».

Khoa hương ấy, quả-nhiên quan Vị-xuyên đỗ thủ-khoa tràng Nam, mà quan Yên-đồ đỗ thủ-khoa tràng Hà. Đến năm sau thi hội, quan Vị-xuyên lại đỗ luôn hội-nguyên đình-nguyên, mà quan Yên-đồ quả-nhiên không đậu. Quan Yên-đồ tức lắm, đổi tên là NGUYỄN-KHUYẾN 阮勸, ở luôn trong Kinh vào học Quốc-tử-giám. Thi khoa hội nữa cũng hỏng, lại càng phẫn chí học hành. Qua khoa hội nữa là khoa *Tân-vị*, cụ mới đỗ Tam-nguyên.

Cụ là một bậc hay chữ có tiếng thời bấy giờ, mà văn nôm cũng hay lắm, nhiều câu tài-tình tự-nhiên mà lý-thú, ai ai cũng phải phục.

Khi cụ về hưu trí làm tiên-chỉ trong làng và dạy học trò, có đề câu đối rằng :

Quan chẳng quan thời dân, chiếu trung-đình ngất-ngưởng ngồi trên, nào lính nào trưởng, nào bàn ba, tiền làm sao ? gạo làm sao ? đóng góp làm sao ? một năm mười hai tháng thảnh thơi, cái thủ lợn nhìn thầy đà nhẵn mặt.

Già chẳng già với trẻ, đàn tiểu-tử lau-nhau đứng trước, này thơ, này phú, này đoạn một, bằng là thế, trắc là thế, khuyên điểm là thế, ba vạn sáu nghìn ngày thấm-thoắt, con mắt gà cài kính đã mòn tai.

Câu này rõ tả ra một ông thầy con mắt nhắp-nhem cài kính ngồi gõ đầu trẻ, mà lại làm tiên-chỉ thường được biếu xén thủ lợn, thực là một cái thói tục chốn dân quê, tuy lời câu đối có ý tự khoe mình mà lại ngụ ý tự chê mình, rất là lý-thú. Cụ lại có câu niệu-nội (1) rằng :

Nhà chỉn cũng nghèo thay ! may được bà hay làm hay làm, thắt lưng bó que, sắn váy quai cồng, tất-tưởi chân nam chân chiêu, vì tớ đỡ đần trong mọi việc.

Bà đi đâu vội mấy ? để cho lão vất-vơ vất-vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá lọa, gật-gù tay đũa tay chén, cùng ai kể lể truyện trăm năm.

Câu này đặt ghép được nhiều chữ phương-ngôn tục-ngữ, ý thiết mà tình thâm. Cụ lại thường có câu mừng ông tiên-chỉ và mừng đám cưới như sau này.

Câu mừng tiên-chỉ lên lão :

Đám công-danh có chi thời nên, ơn làng giấy trắng, ơn vua giấy vàng, chiếu trung-đình ngất-ngưởng ngồi trên, ngôi tiên-chỉ đó cũng là rất đáng.

Nhờ phúc-ấm sống lâu lên lão, anh cả bàn năm, anh hai bàn sáu, đàn tiểu-tử xênh xang múa trước, tranh tam-đa ai khéo vẽ cho nên.

Câu mừng đám cưới :

Giàu có thiếu gì tiền, giúp một vài quan không phải lẽ.

Sang không thì cũng bạc, kiếm năm ba chữ để làm duyên.

(1) Niệu nội 悼內 là khóc vợ.

Đó là lược chép một vài câu đối mừng và câu đối viếng của cụ làm ra, để xem cho biết rằng liệu văn nôm nước ta có kém gì văn hán-tự. Nếu sau này các đối-liên khánh-điếu thù-ứng trong xã-hội, mà đặt được toàn bằng nam-âm cả thì cũng hay, chẳng hơn là viết những câu hủ-sáo, vơ váo những điển-tích cổ-xưa, rất là khó hiểu, mà lối văn nam-âm thù-ứng của ta lại coi làm thường không ai dùng đến thì bao giờ cho hay được.

Còn như thơ văn nôm của cụ rất nhiều, bản-báo đã lục đăng ra các kỳ trước, không kể sao cho xiết được. Lại còn khi cụ về hưu-trí ở nhà, anh em bạn có người muốn cử cụ ra làm quan. Cụ có làm ra một bài *Ly-phụ-từ* bằng chữ nho, nói thác ra lời gái góa, đưa cho ông bạn để tỏ ý mình không muốn ra làm quan. Bài ấy có dịch ra nôm, không biết là của cụ dịch ra hay là ai, nhất-thuyết truyền là quan Đốc-học KHIẾU NĂNG-TĨNH dịch ra nôm, xin lục ra sau này :

Ly-phụ-từ
嫠婦詞
(Lời gái góa)

君不見里中嫠婦愁獨宿
Chàng chẳng biết gái này gái góa,
營食求衣日不足
Buồn nằm suông, suông cả áo cơm.
鄰媼見之憐僦寒
Thương thay có mụ tá-hơm,
室家使與少年綰
Dắt chàng tuổi trẻ ép làm lứa đôi.
少年壯大嗜慾廣
Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
嫠婦疲病筋力衰
Gái góa này sức vóc được bao.
供給使令不稱意
Muốn sao chiều chẳng như sao,
縱然見合終必離
Vì cho xum-hiệp lẽ nào được lâu.
再醮本爲饑寒謀
Lấy chồng vốn vì câu ăn mặc,
不免饑寒爲可恥
Lại đến điều đói rách hổ ngươi.
況復不聞父母言
Vả xưa cha mẹ dặn lời,
私奔更爲鄰里鄙
Đi thầm lại sợ kẻ cười người chê.
嗟嗟鄰媼愛何爲
Mụ hỡi mụ, thương gì thương thế,
愛之則是謀則非
Thương thì hay, nhưng kế chẳng hay.
僦寒只應布米給
Thương thì gạo vải cho vay,
嫠婦再醮非所宜
Lấy chồng thì gái già này xin vâng.

Cụ lại còn một bài *Ưu-phụ-từ*, làm thác ra lời hai vợ chồng anh phường chèo nói truyện với nhau, cũng là một thể văn phúng-thế (1). Xin lục ra sau này :

Ưu-phụ-từ
優婦詞
(Lời vợ phường chèo)

東鄰家有優人住
Xóm bên đông có phường trèo chọ,
夜半優人語優婦
Đến nửa đêm với vợ truyện trò.
我亦辰常做好官
Rằng : « Ta thường làm quan to,
如何人皆不我懼
Sao người coi chẳng ra trò trống chi ? »
優婦大怒罵其夫
Vợ cả giận mắng đi mắng lại :
爾年既老何太愚
« Tuổi đã già sao dại như gì !
幸哉昏暮人不識
« Đêm hôm người chẳng biết chi,
人或識之貽妾羞
« Người như biết đến thiếp thì hổ thay !

(1) Phúng-thế 諷世 là lời ngụ-ngôn răn đời

世 間 驚 人 但 有 二
« *Đời có hai điều này nên sợ :*
一 能 生 人 一 能 死
« *Sống chết người quyền ở tại tay.*
爾 既 不 能 生 死 人
« *Thế mà chàng đã chẳng hay,*
如 何 人 人 皆 懼 爾
« *Còn ai sợ đến phường này nữa chăng.*
且 也 爾 家 本 貧 寒
« *Vả chàng vẫn nhi-nhăng từng kiết,*
朝 夕 俳 優 求 一 餐
« *Sớm hôm trèo kiếm chác qua thì.*
俳 優 大 將 且 不 懼
« *Tướng trèo còn chẳng ra gì.*
何 況 爾 爲 俳 優 官
« *Huống hồ quan nhọ khác chi thằng hề».*

Xem như hai bài trên này thì biết ý cụ không muốn ra làm quan, mà lấy sự cầu cạnh ra làm quan làm xấu hổ. Vả lại xét trong hai bài văn dịch nôm này, lời nói tự-nhiên, hóa hết được cả liệu hán-văn ra liệu quốc-văn, không ai biết là văn dịch, vẫn tưởng là nguyên-văn quốc-âm, dịch nôm như thế mới thực là như in như vẽ không mất cái tinh-thần của nguyên-văn. Vậy thì việc phiên-dịch ra từ-điệu văn quốc-âm rất khó ; một là dịch tây-văn ra liệu quốc-văn thì lời nói hay rời-rạc, hay đứt đoạn không được liền hơi ; hai là dịch hán-văn ra liệu quốc-văn, thì từ-điệu hay câu-nệ, hay hối-nghĩa mà có khi mất cả tinh-thần ; đó là vì ta thiếu tiếng hay là câu-nệ quá không được lưu-hoạt, nên mới không luyện thành ra được liệu quốc-văn, vậy thì ta phải nên nhân cái liệu văn tây văn tàu mà rèn mà luyện, mà trung mà đúc cho thành ra cái liệu văn nam, rồi ra càng ngày tiếng nói càng giàu, điệu văn càng luyện, thì lối quốc-văn ta mới càng phát-đạt lên được.

Tú-tài NGUYỄN HỮU-TIẾN

BÀN VỀ VIỆC GIÁO-DỤC TRONG GIA-ĐÌNH

I. *Những điều trái với phép giáo-dục*

Ngạn-ngữ có nói rằng : *gần mực thì đen, gần đèn thì sáng* ; người ta hay hay dở, tùy theo cái cảnh-ngộ của mình mà cảm-hóa cũng nhiều. Cho nên những người làm cha làm mẹ, nghĩa là làm chủ chốn gia-đình, mang lấy cái trách-nhiệm dạy-dỗ con-cái, thì phải coi chốn gia-đình như là một trường học, một cái xã-hội nhỏ, dùng phương-pháp chánh-đáng để mà cảm-hóa con-cái mình, hầu sau trở nên người tử-tế. Ta thường thấy những nhà trong nhà không có nền-nếp, thì về sau con nhà ấy ra đồ lười-biếng hư thân ; những nhà ưa cho con mặc đồ tốt, cho đi xem hát-xướng hội-hè thì về sau con nhà ấy hóa ra tuồng lêu lổng ; còn những nhà hay giữ-gìn quá, không cho con bước ra khỏi nhà một bước, thì con nhà ấy về sau chắc không được mạnh-khỏe. Những điều ta nói trên đó, là trái với phép giáo-dục, nếu cứ thế mà không biết chữa lại, thì con-cái tất hư, hư cả phẩm-hạnh và thân-thể. Vậy thì muốn chữa lại phải làm thế nào ?

Cha mẹ có con, ai chẳng mong cho con được nên người tử-tế, muốn cho con được nên người tử-tế thì cha mẹ phải dạy. Nhưng mà nghĩ cũng khó : nhà người ta cả ngày lo làm ăn,

rồi đâu mà dạy được con nít, thậm chí lúc chúng nó đi học về, học hành ra thế nào, cũng không rồi đâu mà xem xét đến. Đành thế, cha mẹ không thể dạy con được, nhưng mà vẫn phải nuôi con. Nuôi con cần có ba điều, là : *ăn*, *mặc* và *ở*, nếu trong ba điều ấy mà biết giữ-gìn chăm-chút, biết chừa dở theo hay, ấy tức là dạy con đó.

II. *Giáo-dục cùng tính di-truyền*

Người ta sinh ra, ai cũng có bẩm-thọ một cái tính di-truyền, nghĩa là cái tính của cha mẹ truyền sang cho mình. Còn như sự giáo-dục, chẳng qua là một phần trong những cái cảnh-ngộ về sau, cái cảnh-ngộ của xã-hội bày đặt ra mà mình phải chịu lấy. Ví thử chồng là người thiếu-niên phù-bạc, vợ cũng không được chính-chuyên, thì sinh ra con-cái chắc là càn-dỡ, nếu dạy-dỗ chúng nó cho phải phép, cũng còn khó trông cho thành-tựu, mà hễ dạy không phải phép, thì chúng nó tất hỏng ngay. Cho nên muốn cho con-cái nên thân, thì lúc có vợ có chồng, phải xét mình có cái tính gì xấu mà chừa bỏ đi, đừng để cho truyền đến con-cái.

Những người làm cha làm mẹ, thấy con mình học-hành không ra chi, lúc chúng nó ở trường về, bắt đem bài vở ra học, ban đầu còn lấy lời lẽ mà khuyên-bảo, sau lại chửi rủa, mắng nhiếc, có khi vừa cấu vừa đấm nữa. Các ông các bà ơi ! các ông các bà không được nói rằng con-cái nhà mình, muốn làm gì thì làm đâu. Các ông các bà không có phép đánh chửi chúng nó. Tôi nói câu này thì khí quá : lúc các ông các bà muốn đánh chửi chúng nó, thì trước hết phải chịu lỗi với chúng nó mà nói rằng: « Tại tao không biết chừa mình, không biết đổi lỗi, cho nên để cái tính xấu của tao di-truyền đến mày. »

Vả lại, cha mẹ mà biết chừa mình, ăn ở cho tử-tế, thì không những là di-truyền cho con cái được tính-chất tốt, mà lại làm gương để cho con-cái noi theo. Vì trẻ con có tính hay bắt chước, hễ cha mẹ ăn ở thế nào thì chúng nó ăn ở theo thế ấy. Cho nên sự chừa mình đổi lỗi, là cái bổn-phận của mình đối với mình mà cũng là cái bổn-phận của mình đối với con-cái nữa.

III. *Nói về đức-dục trong gia-đình*

Những điều mà nên gọi là đức-dục trong gia-đình thì kể ra nhiều lắm, mà thứ nhất là cái *ái-tình chân-thực*. Ái-tình là cái gốc cho các thứ đạo-đức, rất là quan-hệ. Đạo Nho gọi là *nhân*, đạo Gia-tô gọi là *bác-ái*, đạo Phật gọi là *từ-bi*, đều tức là ái-tình vậy.

Sao gọi ái-tình là gốc cho các thứ đạo-đức ? Ví dụ : người ta ở với cha mẹ hết lòng thì gọi là *hiếu*, ở với nước hết lòng thì gọi là *trung* : mà cái cỗi-rễ của hiếu trung tức là ái-tình vậy, vì có thương-yêu thì mới ở được hết lòng. Cho nên trong một nhà, mà cha lành, con thảo, anh yêu, em kính, thì ai trông thấy cũng biết là nhà có giáo-dục, nhưng trong sự giáo-dục lấy gì làm cốt-yếu nhất ? Ta chắc rằng cốt nhất là ái-tình.

Vậy thời cha mẹ dạy dỗ con-cái, phải lấy ái-tình làm cốt, nghĩa là mình yêu-mến con-cái, khiến cho con-cái cũng yêu-mến mình. Nhưng mà thương con phải có chừng-mực, phải có điều-độ, không thế thì sinh tệ. Có nhiều người thương con quá, làm cho chí-khí của chúng nó tiêu-diệt mất đi, mà lại sinh ra những điều hoang-toàng vung-vãi. Có người lại không thương con, dãi chúng nó một cách tàn-tệ. Những con-cái các người ấy cả ngày ở trong cảnh khổ-não, rồi cái tính hay gắt-gỏng, cái thói hay xâu-ầu, bởi đó mà sinh ra.

Ở trong nhà phải tập cho con-cái một cách làm ăn khó nhọc. Phàm làm một việc gì, phải cho có thủy có chung, đừng có nửa chừng mà bỏ, để cho trẻ con coi đó mà bắt chước; và lại người lớn kẻ nhỏ, ai nấy đều có việc, đừng để có người ở không. Mỗi đứa trẻ, phải sắm cho nó một cái hòm, những áo-xống, đồ-lề gì của nó, thì giao cho nó sắp đặt có ngăn-nắp. Như thế là dưỡng thành một cái tài biết xếp đặt mọi việc cho trẻ con.

Lũ trẻ con, phải nên tập cho chúng nó một cách bạo-dạn nữa. Những người đã lớn lên, mà tính hay nhút-nhát, động làm cái gì thì sợ mệt, đi đâu một bước thì nhớ nhà, thuần là tại thuở nhỏ tập mà nên cả. Cha mẹ phải nên biết điều ấy mà tập cho con một cách bạo-dạn thì ngày sau chúng nó cũng quen đi. Ta thấy có một người, đương tiết mùa đông, ai cũng kêu lạnh, mà người ấy xuống sông tắm, rồi lên bờ mặc quần áo, chạy trên bãi cát độ một giờ đồng hồ. Khi về nhà thì mất cả lạnh mà lại thấy nực. Thế mà có kẻ thấy hơi lạnh thì co-do, cúm-núm, không dám bước ra khỏi cửa, có phải là tại mình tập mà quên đi không? Những người như thế thì còn làm gì được!

IV. *Nói về trí-dục trong gia-đình*

Trẻ con, trừ ra bên ngoài sự học, còn thích làm chuyện gì nữa, cha mẹ cũng phải chú ý đến. Ta thường thấy những người làm cha mẹ, chỉ biết khuyên con ôm quyển sách mà đọc thôi, ngoài ra có nhiều sự chơi mà có ích cho trí-tuệ của trẻ con, thì không biết mà bày-vẽ, lại trở cấm-ngăn đi nữa. Như những chuyện: thổi bong-bóng bằng nước xa-phòng; lấy cây nhúng nhựa bắt ve ve; câu cá; thả diều, v. v., đều là những chuyện có quan-hệ với học-vấn. Nếu cứ để cho chúng nó chơi mà mình tùy từng việc cắt nghĩa cho tách-bạch, thì cái tâm-tình của chúng nó được xướng-thích, cái thân-thể của chúng nó được hoạt-động, cái trí-thức của nhúng nó được mở mang, còn gì ích lợi bằng nữa. Có người nói rằng: « Các món học ở Á-đông ta sở-dĩ không bằng bên Âu-châu, là vì chốn gia-đình thường không cho trẻ con tiếp-xúc với vật tự-nhiên cùng là cái cảnh-tượng của vật tự-nhiên. Đã không tiếp-xúc đến thì không sinh ra thực-nghiệm ». Nói thế là rất phải. Vậy ta nên tìm cách mà cho trẻ con tiếp-xúc với vật tự-nhiên, nghĩa là thường cho chúng nó để tai mắt vào các vật mà ta tùy đấy chỉ vẽ cho chúng nó. Ví dụ: nghề vá-may, đan-dệt, sự trồng cây-cối, đều là có quan-hệ với trí-dục, ta nên tập cho trẻ làm.

Các thứ sách vở mà trẻ con nên đọc, như: tân-văn, tạp-chí, họa-báo, cha mẹ phải chọn thứ nào hay hơn mà mua cho chúng nó. Đã mua thì phải mua từ đầu đến cuối, và phải cắt nghĩa cho chúng nó nghe. Chớ còn tháng này mua một quyển, ba tháng nữa lại mua một quyển, mua về bỏ đó, không giảng cho trẻ nghe, thì cũng vô-ích. Phải tùy theo cái tình-thế trong nhà mình, nếu có thể làm được, thì nên dọn riêng ra một cái phòng cho sạch-sẽ và tĩnh-mịch, bàn ghế cho tiêm-tất, để cho trẻ con vào đấy mà học tập thì hay hơn.

V. *Giáo-dục về chức-nghiệp*

Cha làm thầy thuốc có tiếng, vị-tất rằng con làm thầy thuốc cũng có tiếng như cha; nhưng mà cứ theo cái tình-hình trong gia-đình thì cha đã làm thầy thuốc, nên tập cho con cũng làm nghề thầy thuốc là phải. Bởi vì mình đã có cái nề-nếp sẵn cho con mình dễ theo, mà cái nghề làm thuốc, con mình tự nhỏ đến lớn vẫn thường trông thấy. Nếu thấy làm quan lắm oai-thế, cho con theo đàng làm quan, thấy mấy ông

thầu-khoán hay phát-tài, cho con theo đàng thầu-khoán, như thế thì chưa chắc là nên, dầu có nên nữa, cũng chẳng ai cho là ngộ, mà nghề của nhà mình đã mất đi rồi. Phải biết rằng đời bây giờ người ta coi ông quan cũng vậy, ông làm ruộng cũng vậy, ai cũng làm một việc bổn-phận cả, không ai hơn kém ai ; cho nên con nhà nông cứ giữ nghề nông, thương cứ giữ nghề thương, phải lấy nghề-nghiệp nhà mình làm gốc. Có ai muốn cho con mình bước qua nghề khác, thời phải tùy theo cái tư-tính tài-năng cùng cái lòng thị-háo của nó có hợp thì mới nên theo.

Ta thấy người đời đối với con, về sự giáo-dục về chức-nghiệp, không mấy người chăm đến. Nhiều nhà, con đã tốt-nghiệp cao-đẳng-tiểu-học, hay là trung-học, hãy còn chưa chịu cho vào học nghề ở các trường chuyên-môn. Cách giáo-dục ấy chỉ nên riêng cho mấy nhà sang trọng nhiều tiền, còn nhà soàng-soàng thì không nên như thế. Vì giáo-dục có hai hạng, một là giáo-dục phổ-thông, hai là giáo-dục chuyên-môn, mà hai hạng giáo-dục ấy, ai cũng phải qua cả. Nhà ai cũng vậy, cho con đi học độ trong mười năm là cùng, thời 7, 8 năm đầu, về phần học phổ-thông, còn để giành 2, 3 năm sau mà học về chuyên-môn, để cho trong thân có được một cái chức-nghiệp, thì mới thực là có ích-lợi cho xã-hội, mà cái thân mình mới chắc là đứng vững được trên đời sinh-hoạt khó-khăn này.

Các nước bên Âu-châu lâu nay chú-ý về sự chức-nghiệp giáo-dục cho trẻ con lắm. Chánh-phủ cũng vậy, mà phụ-huynh cũng vậy, ai nấy đều chăm cho bọn thanh-niên có nghề-nghiệp, có tài-cán để ra gánh vác việc đời, mà đua chen với thiên-hạ. Vậy thì sự giáo-dục về chức-nghiệp, là cần lắm, phàm kẻ có con đi học phải nên biết lấy. Mà có điều này cũng nên biết nữa : lúc định vào trường nào, tập chức-nghiệp gì thì phải quả-quyết, rồi lo mà tập-tành, dự-bị để thi vào. Ví dụ : muốn vào trường công-chánh, thì phải lo học tập các món thi vào ; thi lần đầu hỏng thì cố học để thi lần khác, hễ chăm thì được. Nếu hỏng công-chánh, bỏ qua trường thuốc, hỏng trường thuốc, bỏ qua trường buôn, hỏng trường buôn bỏ qua trường luật, nhảy cưỡng nhảy sáo, bắt cá hai tay, thì không tài nào thành được.

CHƯƠNG-DÂN
(dịch sách Tàu)

MỘT THÁNG Ở NAM-KỲ [1]

III

Trước chỉ định qua Mỹ-tho một ngày, rồi đi thẳng về Long-xuyên, nhưng nhân gặp bạn hiền mà du-dì đến mấy bữa. Ngay hôm đầu, ông muốn cho nếm qua cái thú điền-viên ở Nam-kỳ, bèn giắt về chơi vườn [2]. Ông có ông cậu làm ruộng và buôn-bán ở Chợ-Giữa, cách tỉnh-thành Mỹ-tho mười cây-lô-mét. Chợ-Giữa là một làng lớn, có tiếng thanh-lịch nhất

(1) Xem phần thứ I trong số 17, trang 268-285 ; phần thứ II trong số 19, trang 20-32.

(2) Trong Nam-kỳ, *nhà quê* gọi là *vườn*, tiếng *nhà quê* có ý bỉ và nghĩa như *quê-mùa*. Người Tây ngày nay thường dùng tiếng *nhà quê* để nói bỉ, là theo nghĩa Nam-kỳ vậy.

trong hàng tỉnh. Tự tỉnh về đi « xe kiếng »[1] mất hơn một giờ đồng-hồ. Thường gặp chuyến thì đi xe hơi tiện hơn, vì có một đường xe hơi tự tỉnh lên Cay-lây, qua Chợ-Giữa.

Không ngờ mà gặp, mong-đợi mà sai, cả cái phong-thú của đời người là ở sự bất-kỳ vậy. Nếu công-việc ở đời dự-định được như cái học-khóa trong nhà trường, việc gì định thế nào tất sẩy ra như thế, thì tưởng đời người không còn thú gì nữa. Nay thế này mà không biết mai thế nào, mỗi ngày một mới, mỗi buổi một lạ, chỉ trong khi du-lịch mới có cái thú bất-kỳ đó mà thôi. Nhất là người có tính suy-nghĩ, đối với người nào, cảnh nào, sự gì, vật gì, thường trong trí đã có cái quan-niệm sẵn, khi bước chân ra ngoài thấy sự thực có khi đúng mà lắm khi sai hẳn cái quan-niệm của mình, thật không gì vui bằng. Trước khi về Nam-kỳ vẫn an-trí rằng đất này chắc không còn đâu cái phong-vị cũ nữa ; vẫn rắp trong bụng rằng mình vốn con nhà nho mà đã đem mình vào chốn phong-trào mới đời nay, trong người hình như có hai cái nhân-cách khác nhau, một cái nhân-cách cũ, một cái nhân-cách mới, khi thường vẫn cố sức điều-hòa mà chung-đúc làm một, nhưng về đến Nam-kỳ chắc chỉ cần phải biểu-lộ cái nhân-cách mới, mà cái nhân-cách cũ tưởng không nên bày ra cho khỏi mang tiếng hủ-lậu với các bạn đồng-bang trong này, đã chịu âu-hóa sâu hơn ngoài ta nhiều. Cái thái-độ đó tuy ở nơi tỉnh-thành đô-hội thì rất là chánh-đáng thật, mà về đến chốn điền-viên lắm khi không hợp. Trong này cũng như ngoài ta, chỉ nơi tỉnh-thành mới trông nhiễm cái phong-thói mới mà thôi, chốn nhà-quê, nhất là ở mấy tỉnh cũ về miền trung-ương và miền đông-bắc, hiện nay vẫn còn tồn-cổ nhiều. Không biết mười năm nữa, hai mươi năm nữa, thì thay-đổi đến thế nào, mà hiện bây giờ vẫn còn có nơi giữ được cái phong-thể cũ như ngoài mình. Đó thật là một sự mình không ngờ, một sự trái với cái quan-niệm sẵn của mình về nhân-vật xứ Nam-kỳ. Người Bắc ai là người tin rằng đất Lục-tỉnh còn có những bậc lão-nho ngâm Đường-thi, bàn triết-lý, đọc Ẩm băng, sớm giảng kinh-truyện cho con cháu, chiều họp nhau dưới đèn mà hùng-biện về việc đương-thời, ra công bảo-tồn lấy cái đạo-đức cũ mà duy-trì cho nền hán-học xưa ? Chắc không ai tin như vậy, tôi cũng không ngờ như vậy, mà về đến Chợ-Giữa được gặp mấy bậc trưởng-giả ông bạn giới-thiệu cho, thật phải chịu rằng mình xét lầm. Có người nói những nhân-vật ấy ngày nay cũng không phải là còn nhiều, dễ chỉ có một nơi Chợ-Giữa hay là một vài nơi khác nữa còn sót được răm ba người như vậy mà thôi ; lượt ấy mất dần đi thì rồi sau này hạng người đó không tìm đâu cho thấy nữa ; bọn tân-nhân-vật mỗi ngày một tiến lên mà tràn khắp cả, mà tính-cách bọn tân-nhân-vật ấy thế nào thì cứ coi ngay ở Sài-gòn là đủ biết. Nếu quả như vậy thì lại là một sự may cho mình lắm nữa, vì tình-cờ mà được biết một hạng người sau này tất không còn nữa, đủ làm biểu-chứng cho cái tình-trạng xã-hội xứ Nam-kỳ hai ba mươi năm về trước.

Ở Chợ-Giữa một đêm một ngày, được các cụ có bụng yêu mà tiếp-đãi tử-tế quá, không biết lấy lời gì mà tỏ lòng cảm-tạ cho xứng. Trông thấy những bậc trưởng-giả tuổi cao đức lớn, lấy lễ quốc-sĩ mà đãi một kẻ thư-sinh bất-tài, lắm lúc tự nghĩ lấy làm hổ-thẹn vô-cùng. Tưởng giá sinh vào một nước văn-minh thì thân này chửa chắc đã

(1) Trong Nam-kỳ có thứ xe kiểu Ấn-độ, Tây gọi là *voiture malabare*, hình như xe hòm, chung quanh gióng mặt kính, một ngựa hay một lừa kéo ; người Nam-kỳ gọi là *xe-kiếng* (kiếng = kính).

làm nổi một chân bàng-thính-học-sinh trường Đại-học, mà sống ở một nước bán-khai như nước mình đã dám tự-phụ ra đảm-nhiệm một phần ngôn-luận trong quốc-dân, thật là ngượng thay cho mình tài chưa xứng việc, lại than thay cho nước nhà đương buổi nhu-tài mà thiếu kẻ nhân-tài xứng-đáng! Than ôi! đã tự biết mình thiếu-thốn mà mỗi lần được người ta quá trọng quá yêu lại như nhắc lại sự khuyết-điểm của mình, trong lòng thật canh-cánh không được an-ủi chút nào, há lại còn dám tự-cao tự-phụ nữa ru? Khi mới tiếp mặt, các cụ hơi có ý lấy làm lạ, sau mới nói rằng: « Đọc văn ông, chúng tôi vẫn tưởng ông đến bốn năm mươi tuổi, không ngờ người còn thanh-niên như vậy. » Cho hay cũng có cái văn nó làm cho già người đi được, kỳ thay! Đến nhiều nơi khác cũng thường thấy có người trông người mà lấy làm lạ như vậy. Nghĩ kỹ thì tôi thiết-tưởng rằng văn tức là lời nói ý nghĩ của người ta, tuy có tùy tính-chất người mà khác nhau, nhưng thực là theo cái thời-vận chung trong một nước. Nước đương lúc thái-bình vô-sự thì văn-chương tất vui-vẻ tươi-cười, nhẹ-nhàng hớn-hở, như người đương buổi thanh-xuân, lấy sự đời làm khoái-lạc. Nước gặp buổi phân-vân đa-nạn thì văn-chương tất chiền-miên u-uất, thiết-thực mà cần-nghiêm, vì người thường lo đến việc nước, lấy lời văn mà giải bụng ưu-tư. Người mà gặp lúc thanh-thơi, dẫu già cũng trẻ thêm ra được; người mà gặp buổi nhiều việc thì thường để bụng lo nghĩ, dẫu trẻ măng mà cũng ra vẻ chín nục, có khi thổ-lộ ra những giọng thiết tha, tưởng như người già sọc. Chắc cái tuổi văn-chương cũng có quan-hệ ở tính-chất, tư-tưởng người, nhưng quốc-vận thật là có một phần to ở đấy. Cho nên ngày nay những người nào lấy văn-chương làm một sự chơi-bời, hoặc làm một việc buôn-bán thì không nói làm chi, còn ai đã biết để bụng đến việc nước, muốn đem lời quốc-văn mà cảnh-tỉnh chấn-hưng cho nước, thì tất cái giọng phải cần-nghiêm thiết-thực, vì trong lòng thường khắc-khoải băn-khoăn. Trong bụng « hữu-sở-tư » thì dẫu trên trán non cũng có lúc thành ngấn trũng được. Già non có ở đâu người?...

Các cụ thấy trẻ tuổi mà không khinh, lại càng khiến cho mình thêm cảm-phục cái bụng trưởng-giả khoan-dung. Trong khi đàm-luận thì thật là hết sức vẫy-vùng: nào là so-sánh dân-tình phong-tục trong Nam ngoài Bắc, nào là phẩm-bình các nhân-vật đương-thời, khi nói chuyện triết-học, lúc bàn việc văn-chương. Có điều lạ là tuy người Bắc kẻ Nam, kẻ già người trẻ, mà cái tư-tưởng in nhau như một, lời ăn tiếng nói không có gián-cách nhau chút nào; lại lạ nhất là tuy giọng Nam giọng Bắc có hơi khác một đôi chút mà nghe ít lâu thật không lấy gì làm khó cả, các cụ nói gì tôi cũng hiểu mà tôi nói gì các cụ cũng nghe được, dù nói những sự cao xa cũng vậy. Tôi có ý nhận càng những lời có dùng ít nhiều chữ Hán lại dễ nghe dễ hiểu hơn là những chỗ thuần nói tiếng nôm, dù các cụ nói cũng vậy, dù tôi nói cũng vậy. Xét ra thì bởi lẽ như sau này: nói thuần nôm thì tiếng đường trong đường ngoài có chỗ khác nhau, hoặc cùng một vật mà trong gọi một khác ngoài gọi một khác, hoặc cái cách-cú có khi không giống nhau, nên lắm lúc nghe hơi ngờ-ngợ khi chậm hiểu; nói có chữ thì chữ Hán là chữ công-đồng, dẫu đàng trong hay đàng ngoài cũng dùng như vậy, nên nghe hiểu ngay. Ấy đó, chữ nho không những không phải là một mối gián-cách kẻ Bắc người Nam, như nhiều người

nông nghĩ thường tưởng lầm, mà thiệt là một cách liên-hợp người đàng trong đàng ngoài không gì bằng, vì là thứ chữ công-đồng chung cho cả nước. Cứ nghiệm ngay chữ Pháp ngày nay thì đủ biết : lấy hai người tây-học không biết chữ nho, một người Nam-kỳ một người Bắc-kỳ, nói chuyện với nhau hơi cao một chút, nếu dùng thuần tiếng An-nam lại khó nói khó hiểu hơn là dùng tiếng Pháp, cho nên các bậc đó giao-tiếp với nhau, ngoài mấy câu hàn-huyên, có nói được tiếng ta bao giờ. Ấy chữ nho đối với quốc-dân ta cũng tức như chữ Pháp đối với hạng tây-học đó, không khác gì. Chỉ khác là chữ nho dữ với tiếng ta còn có cái quan-hệ mật-thiết hơn là chữ Pháp, vì tiếng ta phần nhiều do ở chữ nho mà ra ; lại chỉ khác là các nhà tây-học không nói thông tiếng ta còn có thể mượn tiếng tây mà thay được, chớ nhất-ban quốc-dân thì không sao dùng được cái kế đó. Nhưng nghiệt thay, hiện nay những người biết chữ nho — tức là những người thông tiếng ta, vì có biết chữ nho mới thông tiếng ta được — mỗi ngày một ít dần đi, hết thảy người Nam-kỳ không phải là những bậc lão-nho như các cụ Chợ-Giữa cả ; như vậy thì quốc-dân ta, ngoài sự nhật-dụng thường-đàm, đành không bao giờ có một thứ tiếng, một lối văn riêng hay sao ? đành phải bó tay đợi cho đến ngày chữ Pháp truyền-bá khắp trong nước, mà mượn chữ Pháp làm quốc-văn hay sao ? Mà chữ Pháp có thể truyền-bá được khắp trong nước hay không ? có thể mượn làm quốc-văn được hay không ? Túng-sử được nữa có phải là một điều hay, một điều lợi, một sự người mình nên mong-mỏi hay không ? Đó là mấy cái vấn-đề phàm người có bụng với nước nhà phải lưu-tâm mà cứu xét và cố giải-quyết cho hợp lẽ vậy.

Theo ý-kiến các cụ thì nước ta quyết là cần phải giữ hán-học không nên bỏ ; thiết-tưởng cái ý-kiến ấy thật là ý-kiến chung của hết thảy mọi người có tri-thức trong quốc-dân, của hết thảy mọi người có cái trí nghĩ ngay thẳng, không bị những nỗi hiềm-kỵ riêng nó làm cho mờ-ám con đường chân-lý. Các cụ thường khuyến-kích con cháu ngoài thì-giờ học chữ Pháp nên nghiên-cứu thêm chữ Hán, lại thường mua những sách vở cũ như *kinh*, *truyện*, *sử*, *tử*, mà ngày ngày giảng-diễn cho con cháu nghe. Ôi ! ước gì cái gương tốt đó được nhiều người theo, ước gì trong khắp Lục-tỉnh, trong suốt nước Nam ta, được nhiều những bậc phụ-huynh biết cái phép giáo-dục phải đường như vậy, khéo điều-hòa mới cũ mà giữ được cái nền-nếp nhà, thì sự tiến-hóa của dân ta sau này chắc được vững-vàng chắc-chắn mà không đến nỗi lạc lối sai đường vậy. Được như vậy, thì may lắm, may lắm.

Trưởng-giả lại là những người rất giàu cái lòng nghĩa-vụ, rất trọng những việc công-ích. Thường nói : « Cổ-nhân đã có câu : Nước nhà thịnh-suy, dầu người sất-phu cũng có trách. Thật thế, làm người trong xã-hội phải biết trọng việc công-ích hơn sự tư-lợi ; nếu ai ai cũng chỉ chăm mối lợi riêng mà bỏ việc ích chung thì xã-hội tất có ngày siêu-tán ; việc công đã đổi nát thì việc riêng còn thịnh sao được. Cho nên nhất-cử nhất-động phải nên nghĩ đến xã-hội, nghĩ đến nước nhà trước. Ích-lợi cho xã-hội, ích-lợi cho nước nhà, tức là ích-lợi cho mình vậy. Xã-hội có bền, nước nhà có mạnh thì nhân-thân mình mới được hưởng cái hạnh-phúc lâu dài. Những kẻ chỉ biết ham-mê sự cận-lợi thật là kẻ vụng suy vậy. » Ôi ! lời lời thâm-thiết, thật đáng làm câu cách-ngôn trong đạo xử-thế vậy.

Người ta thường nói người có tuổi là cái trụ cốt trong xã-hội, xã-hội nhờ đấy mà được vững bền. Những người có tuổi trong nước mình thường hay

mang cái chủ-nghĩa chán đời, hoặc tự đặt mình ra ngoài việc đời, mấy người được có cái chí-khí cương-nghị như mấy bậc trưởng-giả trên kia. Ví trong nước được nhiều người như vậy làm trụ-cốt cho xã-hội, thì phong-trào nào mà lay đổ được cái xã-hội mấy nghìn năm này ? Tôi được biết các cụ cũng lại là một sự hạnh-ngộ nữa vậy. Được các cụ quả yêu thật lấy làm hân-hạnh vô cùng. Không ngờ mà được gặp, được gặp mặt mà được cả lòng, há chẳng phải là một sự đặc-thú trong cuộc du-lịch ru ? Một ngày một đêm ở Chợ-Giữa này, bỉ-nhân sẽ lấy làm một sự kỷ-niệm không bao giờ quên vậy.

– Phong-cảnh Chợ-Giữa cũng lại là cái phong-cảnh rất mến người : trên bến dưới thuyền, giữa một tòa chợ lớn, chung quanh giẫy phố bán hàng, bốn bề thời các ngõ các xóm. Đường rộng thênh-thênh như đường cái quan, nhà cửa rộng-rãi cao-ráo, chẳng khác gì một tỉnh nhỏ ngoài mình. Cứ coi cái cảnh-tượng sáng-sủa vui-vẻ, mĩ-miều mà khả-ái của một chốn nhà-quê đó, thì đủ biết xứ Nam-kỳ giàu-có trù-mật là dường nào. Ôi ! cũng thì một nhà quê mà sánh với nhà quê này thì nhà quê ngoài mình quê-mùa cỏ-rả biết bao nhiêu ! Mà thật, làm dân xứ Nam-kỳ sướng thật, cầy cấy ít ruộng vườn cũng thừa đủ nuôi thân, không phải khó nhọc, suốt năm vô lo vô lự, nhàn hạ dong chơi, lụt không có, hạn không có, mưa rầm gió bấc cũng không, tiền công trong làng đã nhiều, bổ bán đóng góp không phải chịu, pháp-luật Nhà-nước đã nghiêm, đàn anh bắt nạt cũng khó lòng, ưu-du tuế-nguyệt, suốt năm như một ngày, anh áo cánh trắng bong, quần thâm lĩnh bóng, chị kiềng vàng đeo cổ, ô soạn cầm tay ; còn cảnh-tượng gì vui-thú bằng ! Cao hơn một bậc nữa thì đến các ông điền-chủ lớn, thật là lục-địa-tiêu-thần-tiên. Thiết-tưởng suốt nước Nam, từ Nam chí Bắc, không có hạng người nào sướng bằng bọn điền-chủ lớn ở Nam-kỳ. Giàu hàng ức triệu, sa-sỉ thật vô-song, cửa nhà như cung-điện, trang-sức không ai bằng, mà người thường mộc-mạc, lo nghĩ chẳng bận lòng ; cứ vật-chất-thượng, thử hỏi trần-gian còn gì khoái-lạc bằng ! Xét về phương-diện ấy, đất Nam-kỳ thật là nơi quí-địa của cái « vật-chất-chủ-nghĩa » (*matérialisme*) vậy.

Trở về Mỹ-tho, ông bạn giữ ở thêm vài ba ngày nữa : trong mấy bữa đó, cuộc giao-tình lại càng đằm-thắm, càng đậm-đà, càng thâm-thiết, càng thanh-cao. Hết chuyện xa đến chuyện gần, hết việc nước đến nỗi lòng, khi đứt, khi nối, khi nói, khi ngừng, có lúc giờ lâu mới cất tiếng mà tưởng càng lắng-lặng lại càng như thấu-hiểu mối tâm-tình. Có buổi đương trưa nòng-nực, ngồi trên lầu cao trông xuống dưới bến, pha chén trà ngon mà đối-diện đàm-tâm ; có lúc đêm khuya gió mát, bắc cái ghế dài ngoài sân gác mà cùng nhau hùng-biện cao-đàm về văn-chương cùng triết-lý. Lại buổi chiều kia, trời u-ám, gió chiều như giục cơn sầu, cùng nhau thơ-thẩn trong vườn hoa, ngay trên bến nước, đương tìm phương giải-quyết một nỗi tâm-sự gian-nan, chợt trông thấy chiếc thuyền thấp-thoáng bên kia sông, ngọn đèn lấp-ló trong bụi cây um-tùm, sực nhớ đến câu

Giang phong ngư-hỏa đối sầu miên..,

mà cái cảnh thê-lương như thấu đến cõi lòng...

Cuộc vui nào cũng có lúc chia tay. Vậy thì cuộc tương-tri này tưởng đầy tháng đầy tuần chưa phỉ, cũng phải đến buổi tương-biệt vậy.

Buổi đó là một buổi sớm mai, còi tàu rúc trên bến nước, giục khách du-lịch biệt bạn thâm-tình. Trời nước

mênh-mang, đường xa bát-ngát, bỏ chốn quen đi nơi lạ, tấc dạ ngậm-ngùi khôn xiết kể. Thôi, vẫn biết đời người là một cuộc lữ-hành, đi, đi hoài mà chẳng hay chốn tới là đâu, buổi tới ngày nào ; đâu là lạ, đâu là quen, chẳng qua là chiếc quán bên đường làm chốn nghỉ chân một ngày cho khách quan-san nghìn dặm. Như vậy thì cái ái-tình, cái luyến-tình, cái cảm-tình, cái thâm-tình, phảng-phất như hương thơm trước gió, não-nùng như tiếng thổi trên cành, biết gởi vào đâu cho chắc-chắn? Nếu phải vùi rập trong tâm-khảm, không biết chia sẻ cùng ai, thì chẳng là thêm gánh nặng-nề cho khách tha-hương lắm tá ?...

Sáng sớm đánh giây thép cho quan Phủ Bảy Long-xuyên để báo ngài biết sắp tới. Rồi xuống chiếc « xà-lúp » hiệu *Pluvier* của công-ti Hoả-Thuyền Nam-kỳ, tự Mỹ-tho đi 7 giờ rưỡi sáng. Tàu chạy hai ngày một chuyến, hành-khách không vắng mà cũng không đông, nghe nói bao giờ cũng thường-thường như vậy. Tàu coi bộ sạch-sẽ bảnh-bao, vững-vàng xinh-xắn, thật là khác những « xà-lúp » chạy các sông ngoài ta. Cái cảnh-tượng trên tàu cũng khác : hành-khách đi thường không đem đồ hành-lý nhiều, mỗi người chỉ có cái « va-li » con, đàn bà thì cái quả sách bằng gỗ sơn khảm, coi gọn-ghẽ lắm, không có những bồ, những bịch, những thúng, những đẫy, ôm-đồm sếch-mếch, bề-bộn ngổn-ngang như các hành-khách ngoài ta. Coi đó thì đủ biết là những người nhàn-hạ đi chơi bời, không phải là người có công-việc tất-tả. Đến những hạng buôn bán, gồng gánh, cất chở các hàng-hóa ồn-ào rộn-rịp như các nơi bến tàu ngoài ta, thì tịnh không có ai : người Nam-kỳ không cần phải buôn-bán, bao nhiêu thương-quyền để dành cho chú « Chệt » cả ! Cứ coi cái cảnh-tượng một chuyến tàu thủy như vậy mà suy biết được cái tình-hình một xứ về đường kinh-tế, có khi lượng được cả dân-tình phong-tục xứ ấy nữa. Người biết quan-sát thì cái cảnh-tượng gì cũng là một bài học cho mình vậy. Có thế thì sự du-lịch mới có ích-lợi. Ngó bộ những người hành-khách ngồi quanh mình đây, cũng đủ biết dân Nam-kỳ này không phải là một dân lao-động cần-cù, nếu có cái đặc-tính với dân các xứ khác thì cái đặc-tính ấy chắc là tinh lười vậy.

Tự Mỹ-tho lên Long-xuyên phải đi ngược sông Tiền-giang (*Bassac ou Fleuve antérieur*), đi tàu chạy thường vừa mất đầy một ngày, từ sáng sớm đến tối mịt. Vậy suốt một ngày được ngắm phong-cảnh sông Mê-kông. Nhưng thật đi trên sông Mê-kông mà không ngờ là sông Mê-kông, lắm khi tưởng ở trong cái kênh cái lạch nào, không mấy lúc có cái cảm-giác là ở giữa chốn tràng-giang. Vì trong khoảng từ Mỹ-tho lên Châu-đốc, trong sông đầy những cù-lao cùng bãi-cát, lắm nơi to rộng lắm, từng làng từng tổng ở vừa, đầy những cây cỏ ùm tum, chật mất cả lòng sông, nên coi hẹp đi ; tàu lại thường chạy len-lỏi ở trong kênh trong vàm gần những nơi có dân-cư, để đỗ khách đón khách, không mấy khi ra đến mặt ngoài sông, nên không biết sông rộng chừng nào. Cách nửa giờ một giờ, tàu lại đậu vài ba phút, có khi đậu ngoài xa xa, khách lên xuống phải thuê đò ngang để đáp tàu hay là ghé bờ, có khi đậu ngay bên bờ, nhìn vào thì thấy nhà cửa san-sát, phố-xá đông-đảo, thường những cây cối ùm-tum che lấp, đứng ngoài xa trông không rõ. Có khi tưởng tàu đậu ở trước cái bãi bỏ hoang, chỉ trông thấy những cây cỏ xanh dì, nhìn kỹ mới biết là có làng xóm ở trong đám cây đó, và chắc là làng xóm to nên tàu mới dừng như vậy. Coi đó thì biết cây cối trong này

sầm-uất là dường nào, không phải là những cây cao cỗi lớn như các miền rừng núi, nhưng là những cây cỏ tốt tươi rậm-rạp như thi nhau mà mọc, đủ biết chất đất màu mỡ biết bao nhiêu. Lắm khi chiếc tàu như đi ở giữa hai bức tường cây vậy. Mà ở trong đó là có các làng xóm người ở cả, vì những đất ở bờ sông này dễ cầy cấy nên không mấy chỗ bỏ hoang. Chưa khai-khẩn đến là phần nhiều những đất ở xa sông lớn, đào kênh thoát nước khó và đi lại giao-thông cũng chưa tiện; chớ đất gần sông màu mỡ đệ-nhất, tiện-lợi có một, thường là những nơi giàu có trù-mật cả. Thường trông bên bờ có những nhà ngói nền cao, cửa kính cửa chớp, hàng rào sắt chạy dài, thềm xây ngay trên mặt nước, ngoài đặt cái cầu nhỏ dựng nhà thủy-tọa con, lại thấy vài ba cái « thuyền máy » (*canots automobiles*) để chung quanh; hỏi ra thời là nhà thày cai-tổng, cụ điền-chủ, hay ông « hội-đồng » nào, toàn là những mặt phú-hào trong một xứ. Coi những cơ-ngơi đó thì đủ biết các bậc chủ-nhân-ông giàu có là dường nào. Có nơi xây trên bờ sông dài đến mấy trăm thước, trong những nhà, những vườn, những lầu, những gác, nhấp-nhô như một cái thành nhỏ, tàu chạy một thôi mới hết, mà toàn là dinh-cơ của một người! Thôi, đến sự phong-lưu sa-sỉ của các bậc giàu-có trong này, về đường ăn-ở tiêu-xài, thì thật không kể sao cho xiết được, mỗi bước như trông thấy cái biểu-chứng hiển-nhiên vậy.

Mấy nơi tỉnh-thành lớn tàu đi qua là Cái-bè, Vĩnh-long, Sa-đéc, đáng lẽ thì lên chơi qua mấy nơi đó rồi mới đến Long-xuyên, nhưng đã có hẹn rồi nên đi thẳng về Long-xuyên trước, định khi trở về hẵng ghé vào. Tàu đến Cái-bè vào 11 giờ, đến Vĩnh-long vào quá trưa và Sa-đéc vào ba bốn giờ chiều, ở ngoài trông vào cũng biết là những nơi đô-hội lớn. Còn các nơi khác tàu ghé chỗ răm ba phút, chỗ mươi phút, thì nhiều lắm, không nhớ là những nơi nào. Nói tóm lại thì suốt một ngày ngồi trong tàu mà không mỏi không chán, rất lạ rất vui, tàu chạy dưới sông như cái xe chạy trên phố, tựa-hồ như hai bên là cửa nhà phố-xá đông-đúc cả, chốc chốc lại đỗ một lát, kẻ lên người xuống, coi rất ngoạn-mục; lúc nào cũng có cái cảm-giác một sự sinh-hoạt mạnh-mẽ của tạo-vật phát-hiện ra cây cỏ tốt-tươi, đất bùn màu mỡ, đối với sự sinh-hoạt êm-đềm của người dân hoặc đi lại ung-dung trên đường phố không vội không vàng, hoặc đứng ngồi nhàn-hạ trong những chốn nhà lầu ủ-ê kia xây ngay trên bờ sông dưới bóng mát. Trời thì sáng-sủa ấm-áp, nước sông lấp-loáng, cây cỏ xanh-tươi, người ta hớn-hở, thư-thả dong chơi, thật là một cảnh rất êm-đềm, tựa-hồ như cảnh-vật hết sức chiều-đãi người ta cho được nhẹn-hàng sự sống và biết hưởng cái thú ở đời. Một cái cảnh như cảnh này không thể nào khiến cho người ta đem lòng « yếm-thế » được: tạo-vật tươi cười, không lẽ người đời ủ-dột. Cảnh này là cái cảnh tối « lạc-sinh » vậy.

Chừng 7, 8 giờ tối thì tới Long-xuyên. Long-xuyên như chia ra hai tỉnh khác nhau: một bên là *chợ* có hàng-quán phố-xá đông, một bên là *tỉnh*, có dinh các quan và các công-sở, Tàu đến chợ trước, rồi mới đến tỉnh, cách nhau một thôi đường dài. Quan Phủ đã dặn trước đừng ghé vào chợ phải đi về xa, đến tỉnh hẵng lên thì tiện hơn. Tôi cũng y lời, đợi cho tàu đỗ ít lâu, rồi quanh lại tỉnh, bấy giờ mới lên bộ. Bên chợ còn đông-đúc, kẻ đi người lại, đèn lửa sáng quang, bên tỉnh thì tối mò, vài mươi thước mới có một cây đèn lo-ló, không rõ đường đi. Vẫn chắc bụng rằng quan Phủ tiếp được

giây thép thế nào cũng cho người ra đón, kẻo mới đến xa lạ khó tìm được nhà. Lên đến bến, nhìn trước nhìn sau chẳng thấy ai cả, phần nhiều hành-khách ghé bến chợ hết, chỉ còn một mình với vài người nữa, người ta đi thẳng về nhà, còn mình đứng đấy. Nhận kỹ thật không thấy ai là người ra đón, bèn kêu cái xe bảo kéo về nhà quan Phủ. Té ra quan Phủ cùng cả quí-quyến sang chơi bên Cù-lao Giềng tự mấy bữa trước, chừng mai mốt mới về. Cái giây thép mình đánh sớm hôm nay tên người nhà có tiếp được mà quan đi vắng không dám dở xem, không biết chuyện gì. Chắc quan Phủ tiếp được thơ đã lâu cũng có ý chờ đợi, nhưng vì mình khó ở chưa đi ngay được, lại khi tới Mỹ-tho lần-lữa ở những mấy ngày, nên ngài không biết chừng nào tới mà đợi, thành ra hai bên mới nhật nhau như vậy. Quan Phủ đã vắng nhà, bèn mượn người đưa sang ông quản-lý *Đại-Việt-tập-chí* là ông Nguyễn Văn-Cư. Ông cũng đi dự tiệc vắng, đợi ít lâu mới thấy về. Ông tiếp tử-tế lắm, nói rằng quan Phủ có nói chuyện mình về chơi, nhưng không rõ ngày nào nên không biết mà ra đón trước, ông lấy làm tiếc lắm. Ông giữ ở chơi ngay nhà ông tức là tòa báo *Đại-Việt* vậy. Bạn đồng-nghiệp mà lại là đồng-chí, vẫn biết tiếng nhau đã lâu, nay được gặp mặt còn gì vui bằng! Ông nói nếu Phủ-đài có đây thì còn vui lắm nữa, vì ngài thật là người tốt bạn và mến khách, nhất là bạn tri-thức, khách văn-chương thì lại càng quí lắm. Ông cũng là người ôn-hậu, chân-thực và giản-dị lắm, giao-tiếp tự-nhiên như thường, không có chút kiểu-sức gì. Hết nỗi bàn-huyên đến chuyện chức-nghiệp, ông nói chuyện *Đại-Việt* tôi nghe, tôi nói chuyện *Nam-Phong* ông rõ. Càng biết lịch-sử nhau, càng rõ sự-nghiệp nhau, lại càng hiểu cái chủ-nghĩa, cái tôn-chỉ thật có một không hai, kẻ Nam người Bắc thật là cùng theo một mục-đích chung, tức là thâu-nhập các tư-tưởng học-thuật mới của Thái-Tây, duy-trì nền đạo-đức quốc-túy cũ của nước nhà, và thứ nhất là gây dựng lấy một nền quốc-văn cho xứng-đáng. Các bạn Long-xuyên cũng là chỉ vì một cái mục-đích cao đó mà mở ra tập *Đại-Việt*, không phải vị sự doanh-lợi gì. Nên các nhà giúp bút vào báo là lấy cái hảo-tâm, lấy cái nghĩa-vụ mà giúp cả, không phải vị lợi gì, vì báo có tư-bản đâu mà cung-cấp cho xứng-đáng được. Nguyên báo *Đại-Việt* là tự quan Phủ Bảy xướng-suất ra, các hội-viên hội Khuyến-học Long-xuyên tán-thành vào, nay làm cơ-quan của Hội. Hội xuất tư-bản để in mấy số đầu, mong rằng báo phát-hành tốt thì chẳng bao lâu cũng có cơ đủ cung sự kinh-phí được, không cần phải đợi trợ-cấp ở ngoài. Mới xuất-bản đã được tới ngót ngàn người mua đồng-niên, nhưng phần nhiều còn chưa trả tiền cả, nên việc lý-tài của báo còn chưa lấy gì làm dư-dụ lắm. Lại thêm các ông soạn báo phần nhiều là những chân làm việc Nhà-nước cả, không kể bận việc quan không chuyên-cần được lắm, lại còn có khi phải đổi đi nơi khác, tòa soạn không thể tổ-chức cho vững-vàng nhất-định được. Đó cũng là một cái nhược-điểm cho tiền-đồ báo Đại-Việt vậy. Hiện mấy người chủ-trương trong báo thì có quan Phủ Bảy, chuyên về khoa chánh-trị, ông Nguyễn Văn-Cư chuyên khoa pháp-luật lại kiêm quản-lý, ông Hồ Văn-Trung chuyên khoa lý-tài, ông Đặng Thúc-Liên chuyên khoa văn-chương. Tuy có tùy-tài phân-nhiệm cả, bề ngoài thì coi là chỉnh-đốn hoàn-bị lắm, mà kỳ-thực quan Phủ Bảy bận việc quan, ông Trung mới phải đổi về Gia-định, ông Liên thì ở tận Sa-đéc. Duy có ông Cư đã xin thôi việc Nhà-nước ra mở một phòng biện-sự riêng, là còn chút thì-giờ thư-thả mà chăm nom về việc báo

được. Ông phàn-nàn với tôi rằng một mình đương mọi việc, thật là khó nhọc quá. Ông thấy tôi ngao-du tưởng được nhàn-hạ lắm, không biết cái phần-việc của tôi cũng chẳng nặng nhọc kém gì ông. Một mình coi việc biên-tập, việc xuất-bản một tập báo trăm trang, muốn làm cho xứng nghĩa-vụ, thiệt không phải là một việc dung-dị tầm-thường vậy. Nhưng mà thôi, đã để mình vào báo-giới phải biết rằng nghề này chưa phải là chốn sinh-nhai dễ-dàng, phải lấy hết lòng nghĩa-vụ mà làm cho xứng-chức, chẳng quản chi những sự nhọc-nhằn, đường hơn-thiệt. Vả đã tự-phụ ra đương một phần ngôn-luận trong quốc-dân, đương lúc trong nước hiếm kẻ nhân-tài, dầu nặng-nhọc đến đâu mà nỡ bỏ cho đành. Nếu cổ-động được điều hay, truyền-bá được lẽ phải, có ích cho nước nhà, có lợi cho xã-hội, đó tức là cái thưởng vô-hình của bọn mình vậy. Thiết-tưởng cái thưởng đó cũng đủ cao-quí mà đền cho cái công-phu tân-huyết của mình những khi đêm khuya thanh vắng một bóng một đèn, ngồi kỳ-khu cặm-cụi trước tờ giấy trắng ống mực đen mà đào gan nạo óc để mong đem những lời thiết-thực cảnh-tỉnh cho bạn đồng-bào. Ôi ! cái thiên-chức của nhà làm báo, há phải là sự thường rư ? Lấy báo làm một kế doanh-nghiệp thường thì thật là cái kế cùng, không tài nào thành công được, và cứ tình-hình nước mình sớm trưa tất đến phá-sản ; lấy báo làm một cái nghĩa-vụ cao, đủ khiến cho mình hết tài hết sức mà làm cho trọn, đừng quản những sự thiệt-thòi khó-nhọc, thì thật không có nghề gì cao-thượng bằng. Nói tóm lại thì nghề báo bây giờ chưa lấy làm một kế sinh-nhai, một đường doanh-nghiệp được, phải coi là một cái nghĩa-vụ và cần đến những người có bụng có chí hơn là những người có của có tài. Nếu có tài có của mà lại có chí có bụng nữa thì còn gì hay bằng, nhưng có tài mà muốn lợi-dụng cái tài ấy để cầu lấy sự phú-qui cho mình, có của mà muốn lợi-dụng cái của ấy để sinh-sôi nảy-nở cho nhiều, thì báo-giới quyết không phải là một nơi trường-sở tốt cho những người yêu-bãnh như vậy.

Tuy vậy, xét tình-hình báo *Đại-Việt* như trên kia đã nói thì cũng là một việc nặng-nhọc cho ông Nguyễn Văn-Cư vậy. Tôi có bàn với ông nếu hợp một được *Đại-Việt* với *Nam-Phong* mà làm một cái tạp-chí chung cho cả Nam Bắc thì hay lắm. Ông lấy làm đậm lắm, quan Phủ Bảy cũng ưng như thế và cả hội Khuyến-học Long-xuyên cũng tán-thành. Nhưng còn phải đợi cho công-việc *Đại-Việt* thanh-thả cả, phải đợi cho sổ-sách kết-toán đâu vào đấy, rồi mới có thể nghĩ cách thực-hành được cái lời bàn ấy. Nếu sớm trưa thành được thì còn gì hay bằng.

Ông Cư giữ ở luôn nhà. Bữa sau ông giắt đi chơi chợ và dạo quanh trong thành-phố, lại giới-thiệu cho quen biết các quan-lại trong hàng tỉnh. Tỉnh Long-xuyên này không có gì lạ cả, sánh với các nơi khác thì cũng là một tỉnh-lỵ nhỏ. Tự bên tỉnh sang bên chợ đi qua cái cầu dài ; bên tỉnh thời tẻ lắm, là chốn làm việc quan và nơi quan-lại ở mà thôi, bên Chợ thì có tấp-nập một chút, nhưng sự buôn-bán công-nghệ cũng chẳng có gì. Buôn bán thì vào cả tay các Chú đặt phố chung-quanh Chợ, công-nghệ thì hầu như không có. Tỉnh Long-xuyên này là một tỉnh thuần chuyên nông-nghiệp mà thôi. Nghe nói ở Cù-lao Giêng có dệt the dệt lụa, nhưng chừng mới thí-nghiệm làm nhỏ, chưa thành công-nghệ gì.

Có một điều nên phục là cái tình thân-ái trong bọn các ông làm việc Nhà-nước ở tỉnh này. Các ông xử với nhau thật như anh em một nhà, không có sự hiềm-kỵ gián-cách gì cả. Tiền tự

quan Phủ, quan Huyện, dưới đến các ông phán ký, ngoài lúc việc công, trong khi giao-tiếp với nhau thật là nhất-luật bình-đẳng cả, không có phân-biệt kẻ trên người dưới gì. Nghị-luận rất tự-do, nói-năng rất công-trực, không có cái lối kiểu-tình phiền như ngoài mình. Ngồi một bàn tiệc, đã là người quen biết nhau thì tiện-thị là anh em đồng-đẳng cả, không nề kẻ cao người thấp, kẻ trẻ người già. Mà trong một tỉnh nhỏ như vậy, ai là người chẳng biết nhau? Cho nên tuy ở tỉnh nhỏ có buồn thật, mà được xum-vầy hòa-hiệp như vậy, thì tưởng không gì vui bằng, còn hơn là ngập vào trong đám đông người ở nơi đô-hội lớn, chẳng ai biết mình mà mình chẳng biết ai, có đâu là cái giao-tình thân-mật? Nhưng xét cho kỹ cái giao-tình thân-mật ấy thực là bởi sự giáo-dục mà ra. Nói thế tất chưa ai hiểu, xin giải lẽ như sau này. Bất-luận rằng sự giáo-dục hay hay là dở, phải hay là trái, phàm người ta đã có một cái giáo-dục chung, thì phi người không ra gì không ai ưa được không nói làm chi, còn người bình-thường thật là dễ thành bè-bạn, thật là dễ nên thân-mật lắm. Phản-đối nhau, chỉ có những kẻ giáo-dục không giống nhau, mỗi người đi một đường, kẻ Đông người Tây, kẻ Việt người Tần, thời khó lòng mà hòa-hiệp nhau được. Xưa như nhà nho ta cùng học một đạo thánh-hiền, cùng theo một đường khoa-hoạn, đã quen biết nhau dễ thành bạn chí-thiết. Cái giao-tình của các cụ ngày xưa còn thâm-thiết biết bao nhiêu! Ngày nay trong bọn tây-học cũng vậy: cùng học một đường, cùng ra một trường, cùng thi một lớp, khó gì mà không chóng thân-mật được. Thí như các hàng quan-lại ở Long-xuyên, tuy về đường giai-cấp quan-hàm có người mới kẻ cũ, kẻ thấp người cao, mà cũng là một bọn tây-học, các ông cũng là do chân các thầy mà ra, các thầy rồi cũng thăng tới các ông, bấy nhiêu người cùng có một cái gốc giáo-dục như nhau, lại là những người bụng dạ tốt cả, thì khó gì mà chẳng coi nhau như anh em một nhà vậy. Cho nên nói rằng bất-luận cái giá-trị của sự giáo-dục thế nào, phàm người ta hễ đã có cái giáo-dục giống nhau thì dễ thân-cận nhau lắm, như người cùng một nền một gốc mà ra. Xét về phương-diện ấy thì dù tây-học, dù nho-học, đã thành một nền giáo-dục phổ-thông dễ gây nên đoàn-thể nhất-trí. Nếu cái giáo-dục ấy lại là cái giáo-dục chánh-đáng, hợp lẽ, phải đường, mà phổ-cập được suốt trong quốc-dân, thì còn thế-lực gì mạnh bằng? Biến-hóa được xã-hội, truyền-dịch được nhân-tâm, dựng được nhà, gây được nước, cũng bởi cái thế-lực ấy. Sự giáo-dục thật là có cái sức « kết-tinh » (*puissance cristallisatrice*) rất mạnh: lấy những người tính-chất rất khác nhau mà hóa-hợp lại thành một đoàn-thể cố-kết được. Nếu biết khéo lợi-dụng cái sức đó cho phải đường thì làm gì mà chẳng được. Đó là cứ lý-tưởng mà nói, cứ thực-sự thì trong một xã-hội nhỏ cái gương tốt của người trên cũng mạnh lắm. Như ở Long-xuyên này nghe nói cách giao-tế của các quan-lại sở-dĩ được hồn-hậu như thế cũng là bởi cái gương tốt của quan Phủ Bảy một phần vậy. Ngài lấy sự bình-đẳng tự-do, tình thân-ái đôn-hậu mà xử với các bằng-bối, tất ai ai cũng bắt chước mà xử lẫn nhau theo một cách như vậy. Một người hay thật là một cái nguyên-động-lực rất quí cho xã-hội. — Ấy thanh-danh quan Phủ Bảy to rộng như vậy, nay chỉ mong đợi ngài kịp về mà tiếp mặt cho phỉ lòng.

Phủ-đài mãi đến chiều bữa sau mới về. Ngài vồn-vã ân-cần, phàn-nàn rằng không có ở nhà bữa mới tới. Ngay lúc mới tiếp đã biết là người đôn-hậu, rồi

càng quen thân mới càng rõ cái tính-tình tri-thức khác người. Có lắm người có cái thanh-danh quá-đáng, khi gặp mặt không được bằng lúc mới biết tên. Quan Phủ đây thì thật là xứng cái tiếng ông quan cần, người bạn tốt, và là một tay nhiệt-thành muốn khai-hóa cho dân-trí nước nhà, mở-mang những lợi-nguyên trong nước. Ngài cũng là một người giàu cái bụng nghĩa-vụ, hạng người đó nước ta hiện còn hiếm lắm. Có giàu cái bụng nghĩa-vụ mới biết trọng việc công-ích hơn việc tư-lợi, biết ra công khởi-xướng những công-cuộc không ích-lợi riêng cho mình mà ích-lợi chung cho cả quốc-dân xã-hội. Một nước như nước ta trăm mối còn phải chỉnh-đốn cả, nghìn việc còn phải sắp-đặt hết, dân-trí chưa khai-thông, thế nước còn kém cỏi, người hèn của hiếm, tài mọn đức sơ, rất cần phải có những người biết vị nghĩa-vụ như vậy. Chớ những kẻ dù tài-giỏi khôn-khéo đến đâu mà chỉ biết khư-khư một mình, mài-miệt trong cuộc danh-lợi riêng, đi một bước sợ ngã, làm một việc sợ thua, coi cái danh-dự cỏn-con, cái địa-vị hẹp-hòi của mình làm trọng hơn là cái vận-mệnh trong nước, sự sinh-tồn của dân, tưởng nước đổ dân tan mà cái sự lợi-lộc riêng của mình còn trọn-vẹn cũng chẳng động lòng, những kẻ như vậy thì tài mà làm chi, giỏi mà làm chi, khôn-ngoan khéo-léo mà làm chi, ngoài cái nhân-thân của mình còn có bổ-ích cho ai, thật là những nhân-tài vô-dụng cho nước vậy. Cho nên một nước hơn hay kém, thịnh hay suy, không một bởi nhân-tài nhiều hay ít, thực bởi cái bụng nghĩa-vụ thấp hay cao vậy.

Cách giao-tiếp của Phủ-đài cũng đậm-đà mà giản-dị, có cái vẻ xuân-phong-hòa-hí vậy. Trong mấy ngày lui tới chuyện-trò, thật là vui-vẻ vô-cùng. Có lúc bàn việc chính-trị, có lúc nói chuyện văn-chương, có lúc đi coi hát, có lúc đi chơi xe, thiếu gì những câu chuyện hay, lời nói thực, ý-kiến lạ, tư-tưởng cao. Phủ-đài là một nhà quan-lại, mà không có cái thiên-kiến của bọn quan-lại. Phàm nghị-luận phán-đoán rất là chánh-trực công-bằng, hợp với lẽ phải và thiết với sự-tình. Có lắm cái ý-kiến mình suy-lý mà nhận ra, ngài kinh-nghiệm mà nghĩ tới, không hẹn mà gặp nhau, mới biết rằng phàm tư-tưởng mà thành-thực thì thế nào cũng đồng-ý nhau được. Như thuộc về cái vấn-đề giáo-dục đàn bà con gái, tôi vẫn thường nghĩ riêng rằng đàn bà con gái ta không cần phải học chữ Pháp làm gì, chỉ nên học cho thông quốc-văn và thêm một ít chữ Hán cho biết lẽ cương-thường đạo-lý là đủ vậy. Vì cái phận-sự của đàn ông là phải tiến-thủ mà cái phận-sự của đàn-bà lại là phải bảo-tồn. Tiến-thủ thì phải ra công thâu-nhập lấy những tư-tưởng học-thuật mới, nên phải biết tiếng nước ngoài mới được ; bảo-tồn thì chỉ cần gìn giữ lấy cái nền-nếp trong gia-đình, trong xã-hội, hà-tất phải học tiếng ngoài chữ ngoài làm gì. Đàn bà mà chịu cái giáo-dục của ngoài thì phi thành người hư tất ra người hỏng, đằng nào cũng là sai cái chức-vụ thiên-nhiên làm vị thần chủ-trì trong nhà trong nước. Tôi suy-lý mà xét ra như vậy, ngài kinh-nghiệm mà cũng kết-luận như tôi. Ngài nói : « Tôi nghiệm ra con gái ta học tây không ra gì, thường hư-hỏng cả, không được mấy người thành-tài, mà cho dẫu thành-tài nữa cũng không được mấy người trọn đức. Năm nọ tôi có tán-thành cho trường trung-học con gái Sài-gòn, nay coi cái kết-quả tôi lấy làm hối. Con gái tôi, tôi không cho học chữ tây nhiều làm gì. Chỉ cho theo các bà Phước học sơ-sơ mà thôi, rồi cho chuyên về nữ-công, về gia-chánh, cho học thêu, học dệt, học may, và

dạy cho biết cái bổn-phận đàn bà trong nhà thế nào, thế là đủ. » — Lại thuộc về cái chủ-nghĩa « Pháp-Việt đề-huề », nhiều người tin rằng người Pháp nước Nam có thể lấy tình thân-ái mà xum-hiệp làm một nhà, coi nhau như anh em và cùng nhau ra công giúp sức cho nước Nam được tiến-bộ. Tôi thiết-tưởng rằng cái chủ-nghĩa ấy cứ lý-thuyết thì còn gì hay bằng, mà cứ thực-sự thì khó lòng mà thành-hiệu được. Một người đối với một người, họa may có cái tình thân-ái coi nhau như anh em một nhà chăng. Chớ lấy toàn-thể mà nói thì khó lòng cho được như vậy. Người Tây bao giờ cũng giữ bề trên, người Nam bao giờ cũng chịu phần dưới, có bình-đẳng đâu mà thiệt lòng thân-ái nhau như anh em một nhà được. Về đường giao-thiệp, về đường chánh-trị, thì chắc bao giờ cũng vẫn lấy sự lễ-nhượng, sự khiêm-kính mà đãi lẫn nhau. Nhưng mong lấy tình thân-ái mà gây thành một nền Pháp-Việt vững bền, thì e còn sớm quá. Quan Phủ cũng nghĩ như tôi, và ngài lấy sự kinh-lịch rộng của ngài mà chứng rằng cái chủ-nghĩa ấy quả chưa đến ngày thực-hành được. Chắc cũng là một cái mộng-tưởng hay, nhưng còn lâu nữa cũng vẫn là cái mộng-tưởng vậy.

Ngạch quan-lại trong Nam-kỳ khác hẳn ngoài ta. Về ngạch chánh-trị đại-khái có bốn hạng : dưới là hạng các thầy Thông thầy Phán làm giấy ở chánh-phủ trung-ương và các tòa bố (tức là tòa sứ) các tỉnh, rồi đến hạng Tri-huyện, hạng Tri-phủ và hạng Đốc-phủ, ba hạng ấy tuy giai-cấp khác nhau mà đều là thay quyền quan chủ tỉnh (tức là quan công-sứ) cai-trị một quận (*circonscription ou délégation*), vì trong này không có phân-biệt dường-quan với thuộc-quan và không có hạng quan tỉnh. Từ hạng thông-phán lên hạng tri-huyện có thi, khóa thi này nghe nói khó lắm, có người nói khó gần bằng thi quan cai-trị Tây. Từ hạng tri-huyện lên hạng tri-phủ đốc-phủ, cứ thăng lần, không có thi nữa. Cứ lệ thì các quan chủ quận là lấy trong hàng phủ huyện và đốc-phủ, không phân-biệt hạng nào, nhưng thường thì các ông huyện mới còn phải làm phụ với quan chủ tỉnh ở sở-tại, còn các ông chủ quận thì cũng tùy quan-hàm cao-thấp mà lĩnh quận to hay quận nhỏ. Hiện các quan đốc-phủ thường lĩnh quận sở-tại ở tỉnh-lỵ. Coi đó thì biết trong Nam-kỳ này hàng các thầy làm việc với hàng các quan không có cách-biệt nhau, tức là một ngạch, trong ấy gọi là « ngạch các quan-lại hành-chánh an-man » (*cadre des services civils indigènes*). Còn các quan-lại về bên tư-pháp (*service judiciaire*), thì tôi không được tường lắm, nghe đâu cũng không có thể-thức gì riêng.

Quan Phủ Bảy tuy mới có hàm tri-phủ mà được lĩnh quận sở-tại ở ngay tỉnh-lỵ Long-xuyên; coi đó thì biết quan trên trọng-dụng vậy. Ngài có tiếng là ông quan cần-cán thanh-liêm. Mới đến Long-xuyên được vài ba năm mà đã khởi-xướng được nhiều việc công-ích. Làm chủ hội Khuyến-học Long-xuyên thì ngài mở ra báo *Đại-Việt-tập-chí*, trên kia đã nói. Tỉnh Long-xuyên là một tỉnh chuyên nông-nghiệp, ngài bèn lấy cái thế-lực quan phụ-mẫu mà khuyến-khích người dân nên lập hội để giữ lấy lợi-quyền nhà nông và mở-mang những đất trong tỉnh hiện còn bỏ hoang nhiều. Ngài đã lập thành một hội « canh-điền », hợp cổ-phần để khai đất mới. Lại cổ-võ lập ra một hội « Nông-nghiệp-tương-tế » theo như hội ở Mỹ-tho. Quốc-dân ta tất ai cũng đã nghe nói đến các hội « nông-nghiệp-tương-tế » ở Nam-kỳ và biết rằng nếu các hội ấy thành-lập và thịnh-hành được trong suốt cõi thì đồng-bào ta trong Lục-tỉnh có cái thế thu-phục lại được nhiều lợi-quyền về nghề nông, hiện nay lọt vào

tay các Chú cả. Nhân đây nói qua về cách tổ-chức và sự lợi-ích của các hội « tương-tế », để giới-thiệu cho nhà nông ngoài Bắc ta cũng bắt chước mà làm như trong Nam-kỳ, nhất là lập ra các hội « nông-nghiệp-ngân-hàng » (*sociétés de crédit agricole*), ngoài ta đương cần lắm. Về cái vấn-đề đó, trong *Đại-Việt-tập-chí* đã có mấy bài luận rất tường của ông Hồ Văn-Trung, tức là người đã có công giúp vào việc lập hội « tương-tế » Long-xuyên nhiều lắm. Lại có bài diễn-thuyết của quan Phủ Trần Nguyên-Lượng, phó chủ hội « Tương-tế » ở Mỹ-tho làm ra để cổ-động cho dân Nam-kỳ biết cái nghĩa hợp-quần về đường nông-nghiệp. Bài diễn-thuyết ấy nói tường-tất và hay lắm, hội Mỹ-tho đã in thành sách, dám khuyên những người lưu-ý về việc đó nên đọc cho hiểu rõ. Nay tôi tóm-tắt những điều đại-lược về các hội « tương-tế » và phụ thêm những sự kiến-văn trong khi du-lịch.

Xứ Nam-kỳ là xứ sống về nghề nông mà giàu về nghề nông. Vậy nghề nông ở đây thật là nghề căn-bản, thật là cái nguồn lợi to nhất trong bản-xứ. Cái nguồn lợi ấy nếu thu-hoạch được hết thì người dân còn giàu có biết bao nhiêu. Nhưng xét ra trong nông-nghiệp xứ Nam-kỳ có cái hiểm-tượng càng ngày càng to, không phá được thì cái nguồn lợi kia không mấy nỗi mà về tay người ngoài mất cả. Cái hiểm-tượng ấy như sau nay. Người dân bản-xứ chỉ biết làm ruộng lấy thóc mà thôi. Thóc ấy ăn không tài nào hết, phải làm ra gạo mà bán cho ngoài : dân cũng chỉ mong có bán được nhiều mới có nhiều tiền tiêu. Nhưng cái công xay thóc bán gạo ấy không bởi người mình mà ở cả tay khách-trú. Người mình dẫu giàu đến đâu cũng không có thể nào mà đặt nhà máy lớn xay hàng ngàn tấn thóc một ngày được; lại dù giỏi đến đâu cũng chưa thuộc cách buôn-bán với nước ngoài bằng người Khách. Vậy thì về hai đường đó hiện chưa thể thoát-li người Khách được ; thành ra người mình chỉ biết cầy sâu cuốc bẫm mà làm ra cho nhiều thóc, đến khi hoạch-lợi thì người ngoài nó chia cho bao nhiêu là được bấy nhiêu mà thôi. Người Khách thừa thế tha-hồ mà ép buộc bọn nhà nông ; nhân người mình không hiểu cái tình-hình trong thị-trường thế-giới thế nào, chúng nó tự đặt giá mà mua thóc của người nhà quê, thường bắt bí mua rẻ, mình không bán cho nó cũng không bán cho ai được, thành ra bán mất bán lỗ chỉ những thiệt-thòi. Đất của mình, công mình cầy cấy, mà bọn Khách-trú làm chủ-nhân-ông ngồi hưởng lợi. Người Khách vốn hiểu nghĩa hợp-quần, có chí đoàn-thể, họp nhau thành mấy hội vốn cực to, thế cực lớn, vừa đặt nhà máy xay, vừa thuê tàu bể chở, nghiễm-nhiên lũng-đoạn cả cái quyền buôn thóc bán gạo trong Lục-châu. Nó liên-hợp mạnh như vậy, mình đan-độc từng người địch làm sao cho nổi. Đã bao giờ đến giờ vẫn như vậy. Gần đây người mình mới tỉnh-ngộ, biết mỗi năm của trong nước lọt vào tay người ngoài không biết bao nhiêu ức-triệu. Những người tri-thức lấy làm sốt ruột, muốn tìm phương lập kế mà vãn-hồi lại. Năm 1912, nhờ có ông quan chủ tỉnh giỏi (tức là quan Maspero, hiện nay làm quyền Thống-đốc Nam-kỳ, hồi bấy giờ làm công-sứ tỉnh Mỹ-tho), các nhà điền-chủ lớn ở tỉnh Mỹ-tho họp nhau lại thành hội để gìn-giữ cho lợi-quyền nhà nông ; hội ấy đặt tên là « Nông-nghiệp-tương-tế-hội », lập theo cách-thức các hội nông-nghiệp bên Tây mà châm-chước tùy tình-hình bản-xứ. Đó là hội « tương-tế » đặt ra trước nhất ở Nam-kỳ vậy. Điều-lệ của Hội dựng ra, rồi sau các hội khác bắt chước cả. Mục-đích Hội là trước họp các điền-chủ trong mỗi tỉnh, rồi sau họp cả các tỉnh làm một hội cực lớn để đối

lại với bọn khách buôn gạo, tìm cách đặt lấy nhà máy, định lấy giá gạo và bán thẳng cho ngoài, không phải qua tay bọn đó. Cái chương-trình ấy to rộng quá, không thể thực-hành ngay được một lúc ; vậy hẵng bắt đầu lập hội « tương-tế » trong từng tỉnh một, thí-nghiệm xem cách hành-động thế nào, rồi bao giờ tỉnh nào cũng có bấy giờ mới nghĩ liên-hợp cả làm một cái tổng-cục lớn. Hiện nay thì cái mục-đích riêng cho mỗi tỉnh là thứ nhất xây lẫm ở tỉnh-lỵ và ở các địa-phương để mùa đến các người chủ ruộng đem thóc gởi vào đấy, Hội phân giống tốt giống xấu rồi để đợi xét cái tình-hình trong thị-trường mà định giá bán, bao giờ có được giá mới chịu bán, các chủ ruộng không đến nỗi phải theo cái giá vô-bằng của bọn Khách mà bán đổ bán tháo cho thiệt hại ; thứ nhì là triệu cổ-phần góp lấy tư-bản để làm cái vốn cho vay các nhà chủ ruộng có thóc gởi Hội hay là có ruộng đợ cho Hội, nhân đó lập lấy cái « nông-nghiệp-ngân-hàng » (*crédit agricole*), để cứu bọn nhà nông khỏi một cái hiểm-tượng nữa cũng nguy-cấp bằng cái trên, Cái hiểm-tượng ấy là cái hiểm-tượng bọn Chà-và (Tây-đen) cho vay, trong Nam-kỳ gọi là bọn « xả-tri » (tức ngoài ta gọi là « xét-ty » = *chetty*). Bọn Chà cho vay này cũng hại cho người dân bằng bọn « Chệt » buôn gạo kia, khiến cho có người đã nói rằng : « Dân Nam-kỳ có hai cái họa lớn : là cái họa Chệt và cái họa Chà. » Dân làm ruộng thì ở đâu cũng vậy, suốt năm chỉ trông vào mùa gặt mà tiêu dùng cả năm. Ngộ gặp năm mất mùa, hay là giữa năm túng tiền tiêu thì biết hỏi vào đâu ? Tất phải đến khất vay bọn « xả-tri », bọn đó bắt lãi rất nặng, đã túng thì thế nào chẳng phải vay. Đến hạn trả được thì chớ, không trả được thì lãi phụ vào gốc thành món nợ mới, mỗi ngày lại một nặng lên. Nhiều người cùng không trả được bị tịch-ký mất cả ruộng đất, lắm khi đến thất-nghiệp, cùng-vô-sở-xuất. Ấy cái « họa Chà » ghê như vậy, chẳng kém gì cái « họa Chệt » trên kia, một cái hại riêng từng người, một cái hại chung cả xứ, hai cái cùng độc bằng nhau. Muốn đối với cái « họa Chệt » thì phải đặt nhiều hội « nông-nghiệp-tương-tế » mà giữ lấy cái quyền xay thóc bán gạo ; muốn đối với cái « họa Chà » thì phải đặt nhiều những nhà « nông-nghiệp-ngân-hàng » để có tiền mà cho vay nhẹ lãi cho những người làm ruộng túng-bấn khỏi phải đặt mình vào móng « con diều-hâu đen » (*le vautour noir* = tức là chỉ bọn Tây-đen cho vay). Nhà « nông-nghiệp-ngân-hàng » lại có một sự ích-lợi to nữa : là khi nào tiền vốn đã to và thế-lực đã lớn đủ làm đảm-bảo, có thể đứng lên vay các nhà « băng » những khoản tiền to để cho vay lại các tay điền-chủ lớn cho có đủ vốn mà khai-khẩn thêm các ruộng đất mới, giúp cho nông-nghiệp trong bản-xứ được phát-đạt.

Ấy đại-khái cái tôn-chỉ của các hội « tương-tế » trong Nam-kỳ như vậy. Cái phong-trào hợp-quần khởi lên tự tỉnh Mỹ-tho, rồi các tỉnh khác cũng kế-tiếp theo sau. Hiện nay thì mấy tỉnh làm ruộng to hoặc đã lập thành hội rồi, hoặc lục-tục đương sắp lập. Hiện tỉnh Châu-đốc, Cần-thơ, Long-xuyên đã lập xong rồi. Ta rất mong rằng trong suốt địa-hạt Nam-kỳ đâu đâu cũng dựng lên những hội nông như vậy, rồi có một ngày kia sẽ liên-hợp lại thành một tổng-cục lớn, thế-lực gồm cả toàn-hạt, bấy giờ đồng-bào ta trong Lục-tỉnh sẽ có thể ra tay mà thu-phục lại những lợi-quyền trong tay bọn Chệt bọn Chà, cái « hoạ Chà hoạ Chệt » từ đấy mới có thể tiệt được vậy. Ta rất mong mỏi lắm, xin đồng-bào ta đã đi vào con đường tốt nên cố mà tiến mãi lên, thật là may lắm, may lắm.

Ở chơi Long-xuyên mấy ngày, bữa thì đến xem các ông cùng các thày đánh bóng (*tennis*) trong vườn tòa Bố ; bữa thì lại ăn cơm ở nhà thày cai-tổng gần đấy, nhà lịch-sự lắm, cũng là một tay giàu có trong hàng tỉnh ; bữa thì đi coi hát. Bữa ấy quan Phủ dủ đi, nói rằng có bọn con hát hay lắm mới qua Long-xuyên, tối hôm ấy hát tuồng *Ô-thước*. Tôi đã phải thú thật với ngài rằng tôi thật « phàm » lắm, đến nghề diễn-kịch ta thì mang-nhiên không hiểu gì và không biết thưởng-giám gì cả. Quả khi đến coi tuồng thì cử-tọa đều nức-nở khen con hát giỏi, mà duy một mình không giải được cái hay ở đâu. Kỳ thay ! Xét kỹ ra thì là bởi mình lấy cái quan-niệm về nghề diễn-kịnh tây mà xét nghề diễn-kịch ta, cho nên sai-lạc cả. Diễn-kịch ta không phải là « diễn-kịch » (*art dramatique*) theo nghĩa tây. Diễn-kịch ta chỉ là *múa* và *hát* mà thôi, người xem cũng chỉ chủ coi cái giáng múa, nghe cái điệu hát mà thôi, không ai chú-ý đến cái «kịch» (*action dramatique*) là cái phần hành-động trong bài tuồng. Đến như tuồng tây thì thuần là « kịch » cả, hoặc « bi-kịch » là diễn những việc bi-ai cảm-động, hoặc « hí-kịch » là diễn những sự hài-hí buồn cười, hoặc « bi-hí-kịch » là nửa *bi* và nửa *hí*, vui có buồn có ; còn như nghề hát, nghề múa lại là hai nghề riêng, không lẫn với nghề diễn-kịch. Cho nên khi xem tuồng tây thì cái tinh-thần chú cả vào sự hành-động trong bài tuồng, không ai chủ nhìn giáng-điệu hay là nghe giọng hát của người làm tuồng, chỉ nhận cái cách người làm tuồng diễn cái việc trong bài tuồng đó có được hệt, có được xứng-đáng không, có khéo hình-dung được các tình-cảnh và phô bày được cái thâm-ý của nhà soạn kịch không. Khi xem tuồng ta thì thật khác, phần nhiều chỉ chủ nghe giọng ca điệu hát của họn con hát mà thôi ; cho nên người mình đi xem tuồng thường hay nói đi « xem hát ». *Xem hát*, hai tiếng thật không đúng quá, *hát* thì *xem* làm sao được, nhưng xét đó cũng đủ biết rằng ta thường lẫn *tuồng* với *hát*, lấy hát trọng hơn tuồng, đến nỗi hát lấn mất cả tuồng mà đi xem tuồng gọi là đi « xem hát » ! Ôi ! cái tư-tưởng hàm-hồ của người nước Nam, nó phát-hiện cả ra lời ăn tiếng nói ; bao giờ phá tan được cái màn sương mờ-ám nó bao-bọc cái trí-não người mình ? Nay muốn cho nghề diễn-kịch nước ta phát-đạt được thì phải quyết-chí cải-cách mới xong, thứ nhất phải phân-biệt chốn *kịch-trường* với nhà *ca-quán* và nơi *võ-đài*, cho nghề tuồng, nghề hát, nghề múa, mỗi nghề đứng riêng một cõi, nghề nào giữ cho thuần cái tôn-chỉ, cái tinh-thần của nghề ấy, không lẫn lộn với nhau, thì mỗi nghề mới phát-đạt đến cực-điểm được. Nghề hát, nghề múa hẳng không nói làm gì, nay thử xét cái tôn-chỉ của nghề tuồng thì đủ biết lối tuồng ở nước ta vì hỗn-tạp với hai lối kia mà chưa thành tính-cách gì, vẫn còn khuyết-hám nhiều lắm. Cái tôn-chỉ của sự diễn-kịch là thế nào ? Thế nào gọi là *kịch ? Kịch* là một cái việc mạnh hơn việc thường trong đời người ta, hoặc là cái kết-quả của cả một cuộc đời chung-đúc lại một lúc, hoặc là sự ngẫu-hợp của hai việc trái ngược nhau bỗng xung-đột nhau trong giây phút mà sinh ra cái tình-trạng hoặc đáng vui, hoặc đáng buồn, hoặc ghê, hoặc thảm ; nói rút lại là việc phi-thường ở trong việc thường mà ra, là cái tia điện sáng bật ra giữa lúc âm-dương-điện gặp nhau, cái tia sáng ấy vẫn là điện mà phải có sự xung-đột mới nẩy ra được. Đời người ta cũng có thể ví như cái điện lúc bình-thường, khi nào có hai luồng trái nhau chọt đến xung-đột thì mới nẩy ra tia sáng ; tia sáng ấy tức gọi là cái việc phi-thường trong việc thường mà ra,

tức gọi là một cái « kịch » vậy. Diễn-kịch là lấy những lúc có cái việc phi-thường trong một đời người ấy mà diễn-tả ra, vụ lấy hiển-nhiên như lúc việc đương hành-động vậy. Nói phi-thường không phải là việc hoang-đường quái-đản gì đâu ; phi-thường là sánh với việc thường mà nói, có việc phi-thường thì mới thành « kịch » được, đời người trong lúc bình-thường thì đời tôi đây với đời bác láng giềng kia có khác gì nhạu mà thành chuyện. Cô Kiều nếu không gặp gia-biến thì sao thành truyện *Kiều* ? Sự gia-biến đó tức là sự phi-thường, tức là một cái « kịch » vậy. Nhà soạn « kịch » khéo phải diễn thế nào cho cái kịch ấy xuất-hiện ra hiển-nhiên như thực, hình như chung-đúc cả sự sinh-hoạt một đời vào trong một lúc đó, khiến cho cái «kịch» ấy nên được kịch-liệt, mà người xem phải cảm-động. Sự cảm-động tức là cái hiệu-quả của nghề diễn-kịch : bài kịch mà cảm-động được người ta nhiều ấy là bài kịch hay. Vì người ta lúc bình-thường mấy khi gặp những sự phi-thường, có người cả đời không có chuyện gì đáng kỷ-niệm ; vậy đến nơi kịch-trường là muốn cho cái tấm lòng mình phải kích-thích, phải lay-truyền, phải cảm-động ra một cách khác thường. Cho nên nhà diễn-kịch phải diễn cái việc gì tuy kịch-liệt khác thường mà cũng là ở trong lẽ thường, khiến cho người coi có thể tưởng-tượng rằng việc ấy cũng có ngày xảy vào mình được, lắm khi nhà diễn-kịch khéo thì người xem mê đến nỗi tự coi mình như người hành-động trong truyện, như thế thì sự cảm-động lại càng sâu và mạnh lắm. Diễn-kịch mà đến được bậc ấy là tuyệt khéo vậy. — Nay sánh với nghề diễn-kịch ta, còn xa cách biết bao nhiêu ! Trong tuồng ta, trừ phần múa phần hát ra, còn thật tuồng thì có gì ? Thường thường là một cái việc cũ trong lịch-sử đàn-diễn ra cho dài, pha thêm những chuyện yêu-quái hoang-đường thậm là vô-vị, khiến cho không biết cái phần cốt-yếu là cái « kịch » ở đâu. Không phải rằng những chuyện cũ không đủ tài-liệu mà làm thành « kịch », nhưng người mình không biết tiêu-biểu diễn-xuất cái « kịch » ấy ra, bỏ những phần vô-ích mà chỉ hình-dung lấy sự hành-động mà thôi, thành ra chuyện vô-vị, không phiền-tạp thì nhạt-nhẽo, còn đủ khiến cho người ta cảm-động sao được ? Rút lại chỉ có mấy câu ca, mấy câu hát, mấy tiếng thét, mấy tiếng hò, mấy cái giáng-điệu quay-cuồng uốn-éo, đỏ gọng dương vây ; còn có cái phong-thú gì mà khiến cho người phong-nhã say-mê, kẻ tài-tình cảm-động ? Than ôi ! diễn-kịch thật là một cách giáo-dục quốc-dân không gì mạnh bằng ; tiếc thay người mình xưa nay không biết lợi-dụng cho phải đường, để biến thành một nghề đê-tiện, làm cái kế sinh-nhai của bọn phường chèo con hát !

Nay trong Nam ngoài Bắc đã nhiều người có chí muốn ra công cải-cách lại nghề diễn-kịch cũ, nhưng chưa thấy xuất-hiện được bản kịch nào xuất-sắc, mà cũng chưa có phường tuồng đủ tư-cách mà diễn cho xứng-đáng. Trước tôi có nói ông Điệp Văn-Kỳ là con quan Điệp Văn-Cương cũng là một tay sành về nghề diễn-kịch ở Nam-kỳ. Ông đã soạn được mấy bài có lọc tôi nghe hay lắm, nhưng tiếc chưa in thành vở. Chủ-ý ông là muốn lợi-dụng các lề-lối cũ mà châm-chước theo phương-pháp mới, nghĩa là đặt bài tuồng mới mà theo giọng cũ, cho con hát có thể diễn được ngay. Mong rằng ông sẽ chuyên về nghề đó, chắc là trong kịch-giới nước ta sẽ nảy ra một cái tia sáng vậy.

Chính quan Phủ Bảy ở đây cũng đã từng soạn nhiều bài tuồng mới, có một bài đã in thành vở đề là *Vì nước quên*

nhà ngài soạn chung với ông Hồ Văn-Trung và đã đem ra diễn mấy lần ở Long-xuyên và Sài-gòn để giúp việc lạc-quyên cho Hội Hồng-thập-tự. Bài ấy đặt theo thuần lối mới, khi diễn toàn là các ông và các thày đóng vai cả, không phải con hát nghề. Truyện là truyện một thày làm việc Nhà nước tình-nguyện sang tùng-chinh bên Đại-Pháp, *vì nước mà quên nhà*, bỏ mẹ già cho vợ trẻ, đến khi trở về tuy thành công-danh mà mẹ chẳng may đã chết mất. Cách kết-cấu đã khéo và hệt như lối tuồng tây.

Trước khi từ-biệt các bạn Long-xuyên, nhân bữa chủ-nhật, Phủ-đài giắt đi chơi Cần-thơ. Tự Long-xuyên ra Cần-thơ ước 60 cây-lô-mét, đi bằng xe hơi. Phải cái xe hơi chạy khi chậm, nên đi mất từ sáng đến ngót trưa mới tới nơi, nhưng chậm cũng vì đỗ ở Ô-môn mất non một giờ đồng-hồ. Ô-môn là một quận lớn, giàu có nhất trong hạt Cần-thơ, ở vào giữa khoảng đường từ Long-xuyên đến Cần-thơ. Cai-trị quận Ô-môn là quan Đốc-phủ Nguyễn Đăng-Khoa, người đã có tuổi mà tính vui-vẻ lắm. Khi trở về ngài có giữ ăn cơm chiều, nói chuyện khoái-trá lắm. Ngài khi xưa có đi theo quân-thứ ở mấy tỉnh Bắc-kỳ và qua khắp cả các tỉnh Trung-kỳ, có tài săn bắn ít người bằng. Hiện chỗ ngài ngồi chơi còn bày la-liệt các thứ súng. Ngài chỉ một cái súng lớn mà nói rằng : « Cái súng này tôi đã từng bắn được mấy chục con hổ ở vùng Bình-thuận Phú-yên đây. » Rồi ngài kể chuyện một bữa bắn được con hổ to lớn lạ thường, khi nó vươn mình ra từ đầu đến cuối đuôi có tới sáu thước tây, nó làm kinh-hoảng cả một vùng đó, ăn hại không biết bao nhiêu người và súc-vật, người dân đã cho là hổ thần, đành chịu không ai bắn nổi. Nhà săn-bắn tài thấy những miếng nguy-hiểm hay liều mình. Ngài bèn cùng mấy người đầy-tớ giỏi, đem chiếc súng lớn vào rừng. Quả gặp hổ thần thật. Ngài bắn luôn mấy phát trúng, ngã sóng-sượt ra, người nhà tưởng chết thẳng rồi, có một anh đánh bạo chạy lại gần ; té ra hổ ta còn ngắc-ngoải, vươn tay ra nắm lấy gáy anh chàng ! Quan đốc-phủ nhanh mắt và nhanh tay sao, bắn liền ngay một phát vào giữa đầu hổ chết cứng. May sao là may, nếu chậm một giây phút thì anh đầy-tớ kia đi đời. Khi khiêng về hồn vía đâu mất cả, nhưng phúc-đức, khỏi chết. — Quan Đốc-phủ nói chuyện vui quá, muốn ngồi nghe mãi không chán.

Con đường tự Long-xuyên đến Cần-thơ tốt lắm, giữa đổ đá, hai bên trồng cây, cái xe bon-bon chạy giữa, coi phong-cảnh rất là ngoạn-mục. Vả đại-để đường-lộ trong Nam-kỳ này ở đâu cũng tốt như vậy : chẳng bù với đường Bắc-kỳ, thứ nhất là đường Trung-kỳ, xe hơi chạy có chỗ tưởng bổng lên đến ngọn núi, có chỗ tưởng sô xuống tận vực sâu !

Cần-thơ có cái vẻ mĩ-miều xinh-xắn, sạch-sẽ phong-quang, thật xứng tên làm tỉnh đầu về miền Tây (*la capitale de l'Ouest*). Đường phố thênh-thang, cửa nhà xan-xát, các nhà buôn Tây cũng nhiều hơn các tỉnh khác, có chỗ coi xinh đẹp hơn ở Sài-gòn. Tới Cần-thơ vào thăm ông huyện Võ Văn-Thơm, chủ-bút *An-hà-nhật-báo*. Ông người đã đứng tuổi, tính trầm-mặc, chuyên-trị về kinh-tế học. Ông không thích chữ nho, giữ cái thuyết muốn lấy chữ Pháp làm quốc-văn. Ông kể cái lẽ sở-dĩ làm sao ông không ưa hán-tự thì nói rằng thủa nhỏ đã từng học năm năm mà chẳng thấy tấn-tới gì, ông kết rằng chữ nho quyết không phải là cái lợi-khí cho sự học-vấn. Tôi nói rằng đó có lẽ là bởi cái phép dạy học sai lầm, chớ không phải lỗi tại chữ nho, ngày nay có cách học giản-dị, chỉ một vài năm là thông-thông. Xem ra ông không lấy làm tin

lắm, nhưng sau bàn đến mấy chữ tây phải dịch ra tiếng ta thế nào, tìm mãi không được, lại phải tra trong sách *Pháp-Hoa-tự-điển* mới xong, thì coi chừng ông cũng rõ rằng tiếng ta bỏ chữ nho không được. Nhưng chủ-nghĩa ông là muốn lấy tiếng Pháp làm quốc-văn thì không kể chữ nho mà đến tiếng ta nữa rồi có cần chi ! Nghĩ cũng tiện thật ! ... Bấy giờ ông đương bận cất một nhà trường Trung-học riêng cho con trai con gái ở Cần-thơ, bao nhiêu kinh-phí ông chịu cả, lại sửa soạn đón thày tây và đầm về dạy ; trường sẽ có đặt nhà ký-túc (*pensionnat*). Ông đặt tên trường là *Collège Võ-Văn*, không biết nay đã khánh-thành chưa.

Ông giữ ăn cơm, chừng hai ba giờ đi dạo chơi các phố, vào thăm nhà in và nhà bán sách của báo *An-hà*. Ở Cần-thơ mới mở một cửa hàng lớn để là *Galerie de l'Ouest*, của người Tây người Nam chung vốn lập ra, bán đủ các thức hàng hóa vừa tây vừa ta : cửa hàng này có cơ phát-đạt to. Chợt đi qua nhà chụp-ảnh, quan Phủ dủ vào chụp cái ảnh ba người, ngài, ông Cư và tôi, để lưu làm kỷ-niệm. Năm giờ chiều lên xe đi về, tới Ô-môn quan đốc-phủ Khoa giữ ăn cơm tối, mãi đến quá chín giờ mới lại lên xe về Long-xuyên. Trời sáng trăng, xe chạy không nhanh lắm, gió thổi không lộng mà mát, ngồi trong xe vừa ngắm cảnh bóng trăng chiếu xuống cây-cỏ đồng-điền, vừa chuyện trò vui-vẻ, thật không cảnh gì thú bằng. Quan Phủ nói : « Mai ông sắp biệt chúng tôi, tôi mong rằng ông sẽ mang được cái kỷ-niệm tốt ở chốn Long-xuyên cô-lậu này. Tôi ước ao rằng cái cảm-tình kẻ Bắc người Nam từ nay trở đi sẽ được mỗi ngày một thân-mật thêm ra. Nay ông đã biết chúng tôi, ông nên cổ-động cho cái giây liên-lạc nó nối người dân một giống một nòi, một quê-hương, một tiên-tổ, ngày được bền chặt thêm lên. Tôi lại sở-nguyện một điều : là ước gì các hội « khuyến-học » liên-hợp với nhau mà đặt cách thế nào cho mỗi năm ngoài Bắc phái một vài người vào du-lịch trong này như ông bây giờ, trong Nam cũng phái một vài người ra du-lịch ngoài Bắc, đi khắp các nơi cho rõ nhân-tình phong-tục, vì có biết nhau thì mới thương yêu nhau được Tôi rất mong-mỏi lắm ! » — Ôi ! lời nói chân-trọng thay ! Nghe mà biết được người dạ cả trí cao, có cái bụng nhiệt-thành với nước. Về phần tôi, tôi xin hết sức vun-trồng cho cái tình thân-ái kẻ Bắc người Nam ngày một đậm-đà thâm-thiết hơn lên. Người trong một nước có thương yêu nhau, bỏ cái lòng hiềm-kỵ riêng mà đồng-tâm hiệp-lực mưu việc lợi-ích chung, thì nước mới giàu dân mới mạnh được. Nhưng đương lúc còn chưa quen biết, chưa am-hiểu nhau lắm, được những người như quan Phủ Bẩy chủ-trương mà liên-lạc cái cảm-tình người hai xứ, thì thật là một sự may mắn lắm. Nam-kỳ được nhiều người như ngài, thì thiết-tưởng cái cảm-tình kia không phải ai cổ-động mà tự-khắc nẩy ra vậy. Tôi được biết ngài thật là một sự danh-dự, một sự hân-hạnh vô-cùng. Không bao giờ tôi quên mấy ngày qua ở cùng ngài và các bạn Long-xuyên.

Sáng sớm hôm sau tôi xuống tàu đi Sa-đéc. Đi Sa-đéc là đi xuôi giờ xuống, tự Long-xuyên đi 6 giờ sáng, ước 9 giờ tới nơi. Quan Phủ có đánh giây-thép giới-thiệu cho ông Đặng Thúc-Liên là một nhà văn-sĩ có tiếng và một tay trợ-bút có công của báo *Đại-Việt*. Không may bữa đó ông Đặng lại về vườn vắng, nên tôi lại thăm không được gặp, lấy làm tiếc lắm. Bữa sau tới Vĩnh-long tiếp được điện ông, phàn-nàn về sự nhật nhau và tỏ lòng yêu-mến, lại càng khiến cho mình thêm tiếc không được cùng một người đồng-chí bàn-bạc chuyện-trò.

Song tuy chưa gặp người mà đã biết tiếng, thường đọc văn ông, biết ông là một nhà nho-học súc-tích, lại được biết cái cảm-tình ông đối với mình, nên trong lòng vẫn ham-mộ lắm-lắm.

Vào trọ ở nhà « bun-ga-lâu » (*bungalow*, tức là nhà khách-sạn), để đồ hành-lí, rồi đi dạo chơi phố-phường. Các tỉnh Nam-kỳ có cái rất tiện cho những khách lữ-hành qua lại : là tỉnh nào cũng có một nhà khách-sạn sắp-đặt theo lối tây, có buồng ngủ sạch-sẽ, cơm ăn chỉnh-đốn, thường là người Tây lĩnh-chưng mà quan cai-trị chủ tỉnh giám-đốc, khách lạ mới đến vào trọ đấy vừa tiện và vừa chắc-chắn không quan-ngại gì, hơn là vào các hàng cơm khách cơm ta. Ngoài Bắc-kỳ ta, ngoài Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, còn các tỉnh tuyệt-nhiên không có những nhà khách-sạn như vậy, thật là tối-bất-tiện cho những hành-khách vào bậc tử-tế, hoặc có công-việc gì, hoặc đi chơi mà tới nơi không quen biết ai trong tỉnh. Ở Trung-kỳ thì cũng có vài ba tỉnh ở gần đường quan-lộ xe hơi thường qua lại, gần đây mới đặt những nhà gọi là « nhà hành-khách » (*maison des passagers*), như ở Đồng-hới (Quảng-bình), nhưng những nhà ấy không những chỉ để riêng cho người Tây ngủ trọ đêm, mà chưa gọi là nhà khách-sạn được, thường chỉ có một vài buồng nhỏ và cơm ăn không có. Muốn cho sự giao-thông trong xứ được tiện-lợi, hành-khách đi lại khỏi phiền-nhiễu, nhân đó sự buôn-bán trong nước mới lưu-thông và phát-đạt được, thì mỗi tỉnh Trung-kỳ và Bắc-kỳ ít ra cũng phải đặt một nhà khách-sạn có quan kiểm-đốc như trong Nam-kỳ mới được. Duy có các nhà « bun-ga-lâu » ở Nam-kỳ tính tiền ăn tiền trọ đắt quá, ăn hai bữa cơm, ngủ một đêm, lấy tới năm đồng bạc, nên khách không được đông lắm. Muốn cho thật tiện-lợi và được nhiều khách qua lại thì phải đặt giá rẻ lắm mới được. Nhưng trong Nam-kỳ này sự ăn-dùng vốn đắt-đỏ và đường tiêu-xài thường phi-phao lắm, gấp mấy lần ngoài ta.

Tỉnh Sa-đéc ở chạy dài hai bên bờ sông, coi phồn-thịnh đông-đúc lắm. Nhưng phố-xá buôn-bán cũng chỉ thuần là người Khách, không có một nhà An-nam nào. Vả không một ở Sa-đéc, tỉnh nào cũng vậy, nơi chợ-phố toàn-thị là Khách với Chà ; lại không những các tỉnh-thành, đến chốn nhà quê, có ý nhận phàm nơi nào coi ra hơi có người ở đông-đúc, tất có một vài tiệm Chệt bán đồ ăn và đồ tạp-hóa, lại có khi có một bác Chà bán vải kiêm làm đại-biểu cho bọn « Xả-tri » ở tỉnh hay ở quận. Coi đó thì biết cái « họa Chệt họa Chà » thâm là dường nào, tới đâu cũng thấy trình-bày ra trước mắt như một sự nguy-hiểm rất cần-cấp mà người dân Lục-tỉnh coi đã quen lấy làm thường vậy. Hiện nay bọn « Chệt » và bọn « Chà »đã chăng lưới khắp đất Nam-kỳ, dù nơi cùng-tịch đến đâu cũng không lọt ra ngoài vòng bọn đó. Người mình làm thế nào mà cắt cho đứt được cái lưới trăm nghìn vạn giây chắc như giây sắt, bền như chão thừng vậy ? Ác thay là mình ở trong lưới đó đã quen đi rồi, không muốn thoát-li ra ngoài nữa ! Cái nô-lệ nào mà đã vào trong căn-tính thì còn lay làm sao cho chuyển, bạt làm sao cho được ? Than thay !

Ở' Sa-đéc này thì thật nhiều Khách quá, một giẫy phố dài rặt các Chú bán hàng. Coi cũng vui mắt, nhưng không được vui lòng, vì bởi nghĩ đến sự nguy-hiểm mà lòng không yên. Trong các phố ta thì thường trông thấy những nếp nhà nho-nhỏ xinh-xinh, có thềm mà không có lầu, nửa kiểu tây, nửa kiểu tàu, tĩnh-mịch êm-đềm, coi có cái vẻ phong-thú lắm : chắc là nhà của quan phủ huyện,

của thày cai-tổng, của cụ điền-chủ hay của ông « hội-đồng » nào. Nhìn cái giàng nhà đủ biết người trong nhà là những bậc an-nhàn vô-sự, phú-quí phong-lưu. Những nếp nhà xinh-xinh đó, tức là một cái đặc-sắc của các tỉnh Nam-kỳ vậy.

Ở Sa-đéc có một ngày một đêm, rồi đi đường bộ xuống Vĩnh-long. Sa-đéc cách Vĩnh-long ước chừng 20 cây-lô-mét, đi xe hơi mất chừng một giờ. Quan Phủ Bảy lại có điện giới-thiệu cho quan Đốc-phủ Tươi ở Vĩnh-long. Tới nơi vào thăm quan Đốc-phủ, ngài đi thanh-tra vắng đến quá trưa mới về, phu-nhân tiếp, người phong-nhã mà lịch-thiệp lắm. Phu-nhân giữ nghỉ chơi, đợi quan đốc-phủ về Nhân nói chuyện về báo-giới mới biết phu-nhân cũng là người có kiến-thức lắm. Ngài phàn-nàn rằng : « Các nhà báo trong này hay có thói khích-bác người ta lắm, thường vì việc riêng nay châm-chọc người này, mai chỉ-trích người kia. Thiết-tưởng làm báo như vậy là sai cái nhiệm-vụ nhà báo. Nhà báo phải trọng việc công hơn việc tư, lời bàn phải chánh-đáng thì mới đủ làm mực-thước cho người, nếu chỉ lấy giọng chào-phúng làm hay thì còn có bổ-ích gì ? » Lời phê-phán thật là xác-đáng vậy. Phu-nhân lại chăm việc lễ-bái, hay tu-bổ các đền-chùa. Hiện ngài đương hưng-công dựng một cái miếu Công-thần ở gần tỉnh, miếu thờ một vị công-thần đời Lê, không rõ danh-hiệu là gì, đằng sau phối-hưởng những cai-đội binh-lính người hàng tỉnh đi tùng-chinh bên Đại-Pháp chẳng may bị tử-trận. Miếu cất đã xong, trong vài ba bữa nữa sắp làm lễ khánh-thành, phu-nhân cố giữ ở lại xem, nhưng đi chơi đã lâu quá, phải kíp về Sài-gòn để sửa-soạn ra Bắc, nên không thể ở lại cho đến ngày làm lễ được. Phu-nhân sai người đưa đi xem miếu và xem các đình-chùa trong tỉnh. Tỉnh Vĩnh-long này là một tỉnh cũ, nên sánh với các tỉnh khác còn có một vài nơi cổ-tích. Cái khí-vị trong tỉnh-thành cũng ra cái khí-vị cũ, hơi giống như các tỉnh ngoài ta. Đi ra ngoài tỉnh một ít, người ta còn chỉ cái nền thành Vĩnh-long cũ. Tôi có thăm miếu thờ quan Phan Thanh-Giản, ngài là người tỉnh này ; trong miếu có bức tranh họa hình ngài theo một tấm ảnh ngài chụp cùng với bộ sứ hồi sang sứ bên Paris. Đứng trong miếu, trước hình-ảnh ngài mà lại hồi-tưởng đến lịch-sử quan Phan, ngậm-ngùi than thay cho cái tâm-sự bồi-hồi của một vị đại-thần gặp giữa lúc bước nước gian-nan. Tỉnh Vĩnh-lòng lại có một cái Văn-miếu, qui-mô cũng phỏng theo các nơi văn-miếu ngoài ta mà cách sắp-đặt sơ-sài lắm : ở giữa không có bài-vị đức Thánh-sư, chỉ treo có một cái tranh hình ông Khổng râu sồm tóc bởi của các hiệu Khách thường bán ! Than ôi ! Phu-tử lạc loài đến đây làm gì ? Ai là người còn biết cúng tế ngài cho hợp lễ, hợp những lễ-phép ngài đã đặt ra, vì sách ngài còn mấy người đọc nữa ? Trong miếu có đôi liễn khắc của cụ nguyên Hóc-bộ Cao Xuân-Dục làm mùa thu năm *quí-mão*, tôi sao được như sau này :

春秋何等乾坤道在五經雙日月。
洙泗別成宇宙途過六省一宮牆。

Cả trong miếu còn đôi liễn đó là chút văn-chương thừa !

Đại-đề các đình-chùa miếu-vũ ở đây có cái vẻ bỏ hoang cả, coi như người dân không thường tới lui lễ bái. Nhưng rực-rỡ phong-quang thời là các « nhà làng », tức là nơi hội-sở của các làng. Có lắm nhà, như « nhà làng » Long-hồ ở giữa tỉnh Vĩnh-long, nguy-nga như tòa Đốc-lý, nhà thị-sảnh một tỉnh lớn. Trong « nhà-làng » Long-hồ, ngay giữa cửa vào có treo một cái biển lớn sơn đen thếp vàng khắc lời nghị-định quan « phó-soái » Gourbeil khen làng ấy đã biết tỏ hết lòng trung-thành với « tân-

triều » Đại-Pháp. (« tân-triều » là tiếng Nam-kỳ, tức là Chánh-phủ Pháp đối với « cựu-triều » ta) Vẻ-vang thay !

Quá trưa quan Đốc-phủ mới đi việc quan về. Ngài ân-cần tử-tế lắm, có tiếng là ông quan cần-cán, tính-tình trí-thức cũng bình-thường. Ngài là người yêu của quan nguyên Toàn-quyền DOUMER, khi xưa đã từng theo quan làm việc ở Bắc-kỳ. Nay nói chuyện ngài vẫn thường tỏ bụng hoài-mộ quan DOUMER. Trong hàng Đốc-phủ Nam-kỳ, duy ngài là có phẩm-tước của Triều-đình : đức Thành-thái có sắc ban cho ngài hàm tổng-đốc, phẩm-phục huy-chương đủ cả. Ngài lĩnh chức đốc-phủ-sứ Vĩnh-long đã mười năm nay, không từng phải đổi đi nơi nào. Buổi chiều xong việc quan, ngài cho đánh xe ngựa cùng đi dạo chơi trong các phố : nhìn cái cảnh-tượng thành Vĩnh-long thật có cái vẻ cũ hơn các tỉnh-thành khác như Sa-đéc, Cần-thơ, rõ biết là cái đất đã từng có chút lịch-sử. Ngài đưa đến chơi một ông cụ bà-con với ngài, người đã có tuổi : cụ có nho-học và đã từng đi du-lịch buôn-bán ngoài Bắc-kỳ Trung-kỳ nhiều, kiến-văn rất rộng, nghị-luận rất hay. Ngồi nói chuyện với cụ lâu lắm, cụ nói nhiều lời xác-đáng, nhiều câu dĩnh-ngộ. Bàn về cái tính-tình người Bắc người Nam cụ phán-đoán mấy lời rằng : « Người Bắc có khôn-khéo hơn chúng tôi thật, nhưng có cái tính duy-kỷ, người nào chỉ biết phận người nấy mà thôi, đối với người ngoài hay biến-báo, không được thật-thà như người trong này. Tôi đi lại buôn bán với các ông nhiều, tôi đã từng nhận biết. Nhà này thiếu thức hàng này, biết rằng nhà láng giềng có, nhưng không hề mách bảo cho người mua biết bao giờ. Chúng tôi thì không thế : chúng tôi nhẹ dạ và thật-thà hơn các ông. Nhà tôi có vườn bầu vườn bí, nhà láng giềng thiếu cứ việc sang cắt mà ăn ; khi khác tôi có cần đến trái gì trong vườn họ tôi cũng cứ việc sang mà bứt lấy, tự-nhiên như vậy, không ai quan-tâm gì về sự đó. Cái bụng « của anh của tôi » nó không có cách-biệt nhau lắm như ngoài các ông. Chúng tôi được cái tính đó hơn người Bắc. » Trưởng-giả kinh-lịch đã nhiều, phán-đoán như vậy, tôi cũng xin vâng, không biết đáp lại thế nào. Có lẽ người Bắc cũng có cái lòng duy-kỷ mạnh hơn người Nam thật : đã khôn-khéo thì hay biến-báo, đã biến-báo thì biết suy hơn suy thiệt, đã suy hơn suy thiệt lắm thì chỉ biết vị lợi mình mà cái bụng « của anh của tôi » tất thịnh-hành ; bấy nhiêu cái đặc-tính nó liên-tiếp nhau mà làm nhân-quả cho nhau vậy.

Trưa hôm sau từ-biệt quan đốc-phủ cùng phu-nhân và xuống tàu về Mỹ-tho. Ông bạn lại giữ ở vài ngày nữa, rồi nghe tin sắp có chuyến tàu ra Bắc bèn vội lên Sài-gòn. Tới Sài-gòn mới biết rõ rằng có chiếc *Dumbéa* sắp đi, nhưng không ghé vào Bắc-kỳ. Vậy lại phải đợi mươi hôm nữa mới có chuyến khác. Trong những ngày đợi tàu đó nóng ruột lắm, nghĩ đến công-việc bề-bộn ở nhà mà chỉ vội muốn ra cho chóng. Đã quyết-định trở về thì cuộc du-lịch tất một-thú, lại chỉ những ngóng đợi tàu, không còn có cái hứng muốn đi đâu nữa. Vả ở Sài-gòn đến hai ba tuần-lễ thì cũng đã chán lắm rồi ; đất Sài-gòn không có cái phong-thú gì, chỉ là chốn mài-miệt ăn-chơi, tiêu-xài lãng-phí, vốn không phải là sự sở-thích của mình.

Một hôm ông DIỆP VĂN-KỲ lại chỗ trọ, dủ đi xe hơi lên chơi đồn-điền cao-xu của quan DIỆP VĂN-CƯƠNG ở trên Biên-hòa. Lúc ra đi đã về chiều, lên đến nơi thì trời tối cũng không xem được gì, nhưng khi đi đường được biết cái phong-cảnh miền cao-nguyên ở Nam-kỳ. Phong-cảnh này thật là khác cái phong-cảnh mấy tỉnh Tây-Nam mình vừa đi qua mới rồi,

Đất đây cao và khô, toàn là đất gò đất núi cả, lắm chỗ đường xe đi sẻ ngang vào giữa khoảng rừng cỏ bãi hoang, cảnh-tượng cũng đìu-hiu tịch-mịch như lắm nơi ở Trung-kỳ. Vả đất này mới là đất cao-nguyên, chưa phải là đất núi : núi thì còn xa lên trên nữa, vào vùng Mọi ở. Đất này chỉ ưa trồng cao-xu mà thôi. Có nhiều cái đồn-điền rộng lắm, phần nhiều là của người Tây cả ; vả gần khắp tỉnh Biên-hòa toàn-thị là đồn-điền cao-xu hết, ruộng lúa thì không có mấy và khô-khan cầy cấy khó lắm. Miền Tây-Nam coi ra phong-đăng trù-mật bao nhiêu thì miền Đông-Bắc này coi lơ-thơ xơ-xác bấy nhiêu. Dân nghèo, người ít, đất rắn, cây cằn, ít những nơi đô-hội lớn, thưa những chốn làng xóm to. Quan-lại mà bổ vào những châu-quận đây chắc không được tốt bổng bằng miền dưới, tức cũng như quan-lại ngoài ta phải bổ lên Trung-du Thượng-du mà không được ở vùng Nam-Thái vậy. Nhân-tình ở đâu cũng là nhân-tình, mà quan-trường xứ Nam-kỳ chẳng khác gì quan-trường xứ Bắc. Ôi ! tiếng tham-nhũng ở đâu cũng đã thành cái thanh-danh riêng của bọn quan-lại vậy. Tựu-trung có người tốt, mà cả đoàn đã mang tiếng với quốc-dân lâu lắm vậy. Tiếng ấy, quan-lại ta có mong bao giờ rửa cho sạch không? Theo ý ông Diệp Văn-Kỳ thì khó lòng mà rửa cho sạch được : ông đối với sự hành-động của bọn đó, vốn có cái ác-cảm riêng, thường thổ-lộ ra lời nói câu chuyện.

Còn phải đợi một tuần lễ nữa mới có chuyến tàu lớn bên Tây sang, đáp vào đây, rồi đi ra Bắc. Làm gì cho qua thì-giờ bây giờ ? Ngày ngày bèn đi dạo chơi khắp trong các phố-phường, khi ở Sài-gòn, khi về Chợ-lớn. Sài-gòn thì đã nghiễm-nhiên thành một tỉnh tây rồi. Ngoài các phố tây với mấy phố khách, hàng buôn bán An-nam ít lắm. Những nghề người mình hay làm nhất là nghề chưng khách-sạn — mà khách-sạn cũng là chỉ có buồng ngủ thôi, không có cơm ăn —, nghề húi tóc, nghề chụp ảnh, nghề chữa máy và cho thuê xe đạp, nghề thợ kim-hoàn, v. v., toàn-thị là những nghề nhỏ-mọn tầm-thường cả. Ở đường Catinat là đường lớn nhất ở Sài-gòn, có được mươi lăm tiệm bán hàng Bắc-kỳ : đồ thêu, đồ khảm, đồ đồng, đồ the lụa, v. v. Tiệm lớn nhất là tiệm của ông Đào Huống-Mai, là nhà mĩ-nghệ có tiếng ở Hà-nội ta. Đại-biểu cho ông ở Sài-gòn là ông Nguyễn Đắc làm phán-sự ở tòa Điện-báo. Người Bắc ta ở Sài-gòn kể cũng lơ-thơ chẳng có mấy, và chưa lập thành đoàn-thể gì cả. Tôi có bàn với mấy ông rằng ngày nay Nam Bắc giao-thông có lẽ mỗi ngày một nhiều hơn trước, các ông nên họp thành một hội thân-ái gồm cả các người Bắc-kỳ ở Nam-kỳ, rồi tìm cách đặt lấy một nhà hội-quán tại Sài-gòn, trước là để làm nơi cho anh em đồng-xứ mình tới lui mà chuyện trò cho vui, sau là làm một chốn công-sở để tìm phương đặt kế giúp cho người Bắc vào trong này doanh-nghiệp lam ăn. Nói rằng cổ-động cho dân Bắc-kỳ vào Nam-kỳ mà sinh-cơ lập-nghiệp thì vẫn hay lắm, vẫn phải lắm, nhưng những người vào tới nơi bỡ-ngỡ chưa biết đâu vào đâu, chưa biết cách làm ăn ra làm sao, mà không có người cũ khuyên-bảo chỉ-dẫn cho, thì khó lòng mà tháo-vát cho xong. Nếu có một nhà hội như vậy thì người mới đến ở trên tàu xuống đến ngay nhà hội hỏi-han các cách, tiện-lợi biết bao nhiêu. Hội lại sẽ có những đại-biểu ở Lục-tỉnh báo-cáo về cho Hội biết cái tình-hình về nông-nghiệp thương-nghiệp các nơi thế nào, cùng là chỗ nào làm nghề gì tiện, chỗ nào đất khai-khẩn tốt, hoặc có người hỏi đến thì Hội chỉ bảo cho, chẳng là giúp đỡ được nhau lắm ru ? Ấy là tôi phác-họa ra như vậy, xin các ông chú-ý

xét xem có thể thực-hành được cái việc công-ích ấy không.

Chiều chiều thường về chơi Chợ-lớn, đi xe lửa không đầy nửa giờ. Cái cảnh-tượng Chợ-lớn thật là sầm-uất phồn-thịnh có một ; nhưng nghiễm-nhiên là một tỉnh Tàu ! Tối đến đèn điện sáng choang, hàng bày la-liệt, đồ tây đồ tàu, đồ ăn đồ nống, tiếng đánh «toàn» xì-xồ, tiếng thanh-la ánh-ỏi, tiếng « hầu-sáng » gọi đồ ăn, tiếng hàng dong rao thức bán, ồn-ào rộn-rịp, tấp-nập linh-đình, mỗi tối trông thấy cái cảnh-tượng ấy không thể không khen thay cho giống Khách có cái sức sinh-hoạt lạ lùng, đi trú-ngụ ở đất người mà lập thành hẳn một tỉnh riêng của mình, đoạt người bản-xứ ra ngoài cái vòng quyền-lợi mình ! Than ôi ! *đất khách quê nhà*, quê nhà mà sao thành đất khách ? Lợi-quyền ở tay mình mà sao để ra tay người ? Ngày nay người Nam-kỳ đã tỉnh-ngộ, biết hợp-quần mà tranh-dành lại với giống Khách về đường nông-nghiệp. Nhưng về đường thương-nghiệp thì biết bao giờ cho mình bằng nó ? Sự khuyết-điểm đó mới thật là to và cái hiểm-tượng này mới thật đáng lo vậy. Vì thương-nghiệp với công-nghệ có cái quan-hệ rất mật-thiết với nhau : một xứ tuyệt-nhiên không có công-nghệ như xứ Nam-kỳ, thế-tất là phải dùng đồ ngoại-hóa ; đã phải dùng đồ ngoại-hóa thì thoát-li tay bọn Khách sao được ? Làm đôi guốc gỗ người mình cũng không làm được, thì trách sao không phải chịu cái quyền áp-chế trong sự buôn-bán của nó ? Tôi thường trông thấy Khách gánh nước, Khách bán củi : còn nghề gì nữa là nó không tranh hết của mình ? Hiện nay trong Lục-tỉnh mới nhóm lên cái phong-trào phản-đối Khách : cái phong-trào ấy rất là chánh-đáng lắm. Nhưng phần nhiều còn là phản-đối ở lời nói cả, chưa từng thấy thi-thố ra việc làm. Không kể có lắm kẻ lại phản-đối sai-lầm, cái nên phản-đối thì không phản-đối mà phản-đối ở cái không cần phải phản-đối : có kẻ tạ-sự ghét người Tàu mà chỉ ghét riêng một thứ chữ tàu là cái văn-tự cỗ không có quan-hệ gì đến việc cạnh-tranh về đường buôn-bán cả. Thiết-tưởng cái cách phản-đối ấy chưa đủ cướp lại được lợi-quyền ở tay bọn « Chệt » vậy !...

Đợi chán-chê mới có tin chiếc *Paul Lecat* ở Tây sang đã tới Sài-gòn. Chiếc này cũng to gần bằng chiếc *Porthos* hồi đi vào đây. Thành ra khi đi khi về đều được ghé tàu to cả, không phải đáp những chiếc chạy thơ nhỏ, như chiếc *Manche*, chiếc *Haiphong*, đi không được vững-vàng và hay say sóng.

Ngày 8 tháng 10 tây, xuống tàu ra Bắc. Thế là xong cuộc du-lịch Nam kỳ.

***

Đọc Quốc-sử có một điều rất đáng hưng-khởi trong lòng : là cái công-phu lớn-lao của tổ-tiên ta trong mấy mươi thế-kỷ khai-thác được suốt một cõi đất Đông-dương này, khiến cho ngày nay từ giáp ranh nước Tàu cho đến vũng bể Xiêm-la, từ bến sông Mê-kông cho đến bờ bể Đông-hải, dân An-nam ta thuần là một giống người, cùng một cỗi rễ mà ra, cùng một tiếng nói, cùng một phong-tục, cái tính-tình tư-tưởng cũng không khác gì nhau. Thử hỏi khắp trong thế-giới đã có một dân nào thuần-nhất như dân ta chưa ? Ngót hai mươi triệu người sinh-trưởng ở một cõi đất mênh-mông trong, hơn hai mươi thế-kỷ, đã từng lắm phen sướng khổ cùng nhau, nguy-hiểm có nhau, dần dần gây nên một mối quốc-hồn tuy lúc bình-thường như ẩn-ẩn không hiện ra, mà gặp buổi quốc-gia đa-nạn đột-khởi ra những người anh-hùng chí-sĩ lập nên những sự-nghiệp phi-thường. Cái quốc-hồn ấy, phàm người có tấm lòng khối óc, những khi trông thấy quốc-vận suy-vi, ai là người chẳng hình như nghe thấy cái tiếng kêu ai-

oán như não-nùng than khóc ở trong lòng ? Ngày nay có người lấy lẽ chính-trị nhất-thời, lấy sự gián-cách không đâu, mà phân-biệt ra kẻ Nam người Bắc, coi nhau hầu như khác giống khác giòng, không biết rằng dù kẻ Bắc dù người Nam tuy ăn ở xa cách nhau mà trong lòng cũng là mang nặng một tấm quốc-hồn như nhau ; chỉ vì cái quốc-hồn ấy không thường có dịp phát-hiện ra nên không ngờ không tưởng vậy.

Tôi còn nhớ một ngày ở Long-xuyên có ông Cả một làng gần đấy đến chơi, ông nói : « Tôi thấy trong báo *Nam-Phong* và báo *Đại-Việt* có nói rằng Hoàng-Thượng ta ở Huế mới có Dụ đặt ngày mồng 2 tháng 5 An-nam là ngày Đức Thế-Tổ Cao-Hoàng-đế lên ngôi làm ngày quốc-hội trong địa-hạt Trung-kỳ. Tôi lấy làm phải lắm, dám xin các ông cổ-động để xin Nhà-nước Đại-Pháp cho phép đặt hội ấy ở cả Bắc-kỳ Nam-kỳ nữa, vì dân ta nhờ ơn Cao-Hoàng nhiều lắm, Ngài đã gồm Nam Bắc làm một nhà mà dựng ra nước Đại-Nam ta, nên bao giờ cũng nhớ ơn Ngài mà biết rằng ta là dân một nước. » — Nếu người An-nam không có một cái mối tinh-thần chung thì sao ông Nam-kỳ đó lại nói được những lời quí-hóa như vậy ?

Tôi càng đi du-lịch trong Nam-kỳ lại càng thấy cái cảm-giác rõ-ràng rằng người Nam người Bắc thật là con một nhà, nếu biết đồng-tâm hiệp-lực thì cái tiền-đồ của nước Nam ta không thể nào hạn-lượng cho được. Tôi xin đốt lửa thắp hương mà cầu-nguyện cho cái mối đồng-tâm ấy ngày một bền chặt, thật là may cho nước nhà lắm lắm.

Hà-nội, tháng 11 năm 1918 – tháng 1 năm 1919

PHẠM QUỲNH

VĂN-UYỂN

THƠ XUÂN

1

Ngày xuân ngâm thơ

詩 吟 笑 文
酒 詩 予 字
賀 憶 已 胡
新 舊 非 非
歲 辰 右 新

Ngày xuân ngâm đến thơ xuân,
Dọng thơ nhường đã khác phần xuân [xưa.
Văn-chương cái buổi bây giờ,
Làng văn còn chút duyên thừa còn vui.

2

半 許 舊 新
生 久 侶 春
惟 在 勞 興
孟 江 相 亦
浪 湖 憶 孤

Chơi xuân mặc khách mơ-hồ,
Bướm ve hoa ấy ong vò nhị kia.
Phòng riêng khép cánh song thơ,
Thơ xuân mình đọc mình nghe một mình.

II

Khai bút

1

新 字 日 差
年 字 喜 殊
開 帶 今 去
舊 春 年 歲
筆 新 我 人

Thấy xuân ta lại mừng xuân,
Cái xuân này hẳn khác lần xuân xưa.
Nước non gặp hội bây giờ,
Người vui lại được năm vừa gặp xuân.

2

去 今 逐 何
年 歲 日 年
春 春 春 筆
已 復 長 不
過 來 在 開

Duyên văn-chương hãy còn dài,
Cái xuân còn trẻ, con người còn non.
Trăm năm đất cứ xoay tròn,
Gặp xuân ta cũng lại còn thơ xuân.

Cử-nhân TRỊNH ĐÌNH-RƯ (Thái-bình)

Chơi Ngọc-sơn

Qua Ngọc-sơn chơi lại thẩn-thờ,
Ngọc-sơn xây đắp từ bao giờ ?
Một vùng nước biếc hoa say tỉnh,
Một dịp cầu ngang nguyệt đón đưa.
Tháp cổ vẫn y nghiêng bút cổ,
Đền xưa còn vẫn nước non xưa.
Đào-nguyên ướm hỏi ai là chủ,
Ta nhớ người xa luống ngẩn ngơ.

Vịnh sông Đào (1)

Nước non, non nước, nước non nhà,
Riêng thú sông Đào nức tiếng xa.
Ba ngả trong veo dồn vẻ sóng,
Hai bờ thơm nức ngát mầu hoa.
Chèo lan mái nhẹ chàng ngư-phủ,
Bóng quế hương lồng ả tố-nga.
Nhắn nhủ ai ơi ! về tắm mát,
Thỏa lòng ao-ước chị em ta.

Vui tết tức-cảnh

(Đứng giữa sân hôm mồng một)

Ta đã vui xuân gác nỗi buồn,
Mong cho được gặp tết luôn luôn.
Kìa đàn chó giấy (2) hương thơm ngát,
Mà chiếc sân vôi pháo nổ dồn.
Vi chẳng cành nêu giồng cửa ngõ,
Còn đâu cá khánh (3) chốc nhà thôn.
Ai đi nhắn lũ văn-minh giả,
Cố-quốc còn đây gọi chút hồn.

MÀN-CHÂU

I

Vịnh thủy-tiên

Thiếp ở Bồng-lai mới tới đây,
Hương trời sắc nước tuyết xinh thay.
Xanh xanh tóc cuốn cài hoa ngọc,
Cười nụ khoe tươi lắm khách say.

II

Vịnh phật-thủ

Cây đức sinh ra quả phúc này,
Thấy tay mà lại muốn cầm tay.
Ngón vàng tròn chặn da thơm ngát,
Thiên-thủ đâu mà hiện hóa đây.

III

Thơ vịnh tết

Cách sáu mươi năm lại *kỷ-mùi*,
Nước nhà xuân đến nghĩ mà vui.
Cành hoa Đông-Á cười trăm vẻ,
Tiếng pháo Nam-giao nổ mấy hồi.

---

(1) Là một chi-lưu sông Hát-giang thuộc phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà đông.
(2) Tục nhà quê, lấy cây giấy tết thành hình con chó để trừ ma quỉ.
(3) Cái khánh hình con cá bằng đồng hay bằng sành, buộc trên cây nêu, gió đánh thành tiếng.

Dót rượu công-ti mừng ngũ phúc,
Kéo cờ quốc-hiệu rõ tam tài.
Tiết sang năm mới gì không mới,
Mới cả non sông mới cả người.

IV

Nhà sư khai bút

Gió đông phe phẩy áo cà-sa.
Bát-ngát nhang bay bệ Thích-ca.
Lộc Phật tay nâng vài phẩm oản,
Vẻ xuân mắt liếc một cành hoa.
Chuông hồi mõ dục vui sư vãi,
Pháo đốt nêu trừ cấm quỉ ma.
Tín-nữ có ngoan lên lễ Tết,
Nhà chùa làm phúc khắp tư-gia.

NGUYỄN VĂN-CHÚC.

Mừng xuân

Có lẽ thu đông mãi mãi à,
Chúa xuân rầy đã đón xuân ra.
Giọt mưa cửu-hạn chan hòa nước,
Chồi lộc phùng-xuân nẩc nở hoa.
Gấm vóc vẻ vang mày mặt khách,
Cột đường gây dựng nước non nhà.
Khi nên mới biết trời chiều chuộng,
Nợ tính gần chi nợ nghĩ xa.

ĐOÀN XUÂN-ĐỈNH (Hải-phòng)

VĂN XUÂN

Mừng năm mới

Chín chục thiều-quang, phong-cảnh bắt đầu từ nguyên-đán. Ba nghìn thế-giới, giang-sơn nở mặt với tân-xuân. Xưa nay tao-ông mặc-khách gặp những ngày ấy, ai là chẳng giấy bút hương-hoa cung-chúc, tai được nghe đã lắm giọng thanh. Tài-tử giai-nhân đến những tiết này, người nào cũng có áo quần gấm-vóc yến-du, mắt đã thấy kể từng hàng tuấn-dật. Sao mừng như vậy? mà vui như vậy? Vì rằng một năm mười hai tháng, mồng một tháng giêng là ngày đầu năm mới, công việc bốn dân được ngày rộng tháng dài, dễ tiến-bộ lên đường lạc-lợi, cho nên mừng. Một năm thời bốn mùa, lấy ba ngày Tết là mùa chúa-xuân sang, nhỏ to muôn vật, được gió hòa khí tốt, cùng sinh sắc trong cõi huân-đào, cho nên vui. Vả gặp hội văn-minh, lại được xuân phú-quí; một năm thêm một tuổi, đức cùng tuổi đều lên; ba vạn sáu nghìn ngày, một ngày hay một chước, đầu năm xuân thủ, già trẻ lớn bé chúng ta, lên hóng gió mát trên Nùng-Lĩnh, xuống tắm nước trong dưới Nhị-Hà. Rồi ngắm cây xưa trồng, cho tỉnh cái tinh-thần, lại nhìn hoa nay nở, được giạng mầu cầm-tú; như thế có vui sướng không? Dẫu rằng tuổi một trăm có mấy, kể còn thượng trung hạ, sang lẫn với hèn, những lúc ngôi sao dời loài vật đổi, xem thấy cũng buồn, song có hình thời có nát, thế mà hóa-hóa sinh-sinh, đối với nước biếc non xanh, thừa chẳng thiếu. Xuân chín chục mà thôi, trải hết hạ thu đông, qua rồi lại tới, được vẻ thợ trời điểm quả đất tô, bao giờ đã nhạt, nên càng ngày lại càng tươi, biết mấy hương-hương sắc-sắc, những là muôn hồng nghìn tía, trẻ không già.

VŨ VĂN-LỄ
Giáo học trường Bưởi (Hà-nội)

Cảm-tình khi gặp xuân

Hoa năm ngoái, giờ đã mỉm cười, đàn oanh ríu-rít, con yến đưa thoi. Cái ngọn gió Đông ngày trước nay đã bạn cùng người cỗ-nhân.

Ai giống đa-tình trong cõi lớn mà những khi tiết đổi thời thay, lại chẳng cảm-tình lai-láng?

Sực thấy xuân sang, hồi-tưởng đến đường quá-khứ mà bồi-hồi chạnh nghĩ cuộc tương-lai !

Đã mấy mươi xuân khóc với cười ?
Tính ra ử mới ngoại đôi mươi.
Khối tình đã nặng cùng non nước,
Dám quản gì đâu, hỡi hỡi ai !

Nghĩ những lúc hãy còn thơ-ấu, ngẫm mình nào biết cái xuân là gì, sao mỗi gặp tiết xuân. mà hớn-hở như hoa, sáng bừng như nguyệt ; thiều-quang vùn-vụt tên bay, nước chảy, gió cuốn, mấy đi, chín chục này qua, chín chục khác lại, xuân qua rồi lại, xuân lại rồi qua, qua qua lại lại, lại lại qua qua, cái chín chục bây giờ cũng năm trời tháng bụt, biết tình xuân sao chẳng vui xuân ?

Nỗi riêng riêng nghĩ tần-ngần,
Trăm năm ai cũng trăm lần gặp xuân.
Chen nhau trong đám hồng-trần,
Vui xuân ai chẳng có phần sầu xuân ?

Hẳn thủa trước thời tình xuân chưa tỏ, nỗi thế chưa tường, một tấm lòng băng hãy còn trong-trẻo như nước hồ xuân. Nước hồ xuân thời lá vàng chưa rụng xuống, bùn đất chửa sục lên, một sắc xanh xanh, muôn phần đằm-ấm. Chớ khi xuân đi, hạ đến, thu lại, đông sang, sen tàn bèo nở, kẻ lưới người câu, nước hồ bị quấy vẩy.... dẫu muốn thanh muốn lịch hồ dễ mà được yên ! Tất phải đợi đến lúc xuân sau mới được. Nhưng xuân đi xuân lại lại, hồ đục hồ lại trong, đời người ta xuân có một thì. kiếp nọ kiếp kia mà giống được như hồ nước xuân chăng ?

Ngẫm ra thôi mới biết-rằng,
Chông gai-cõi thế lẽ hằng xưa nay.
Trò đời càng trải càng hay,
Mong cho vượt hẳn hơn ngày còn xanh.

Từ khi quyển sách trên tay, nghiên đeo cạnh nách, ngâm nga răm tiếng *giả, chi, hồ*, đến lúc viết thành chữ, đối thành câu, làm thành khúc đoạn, nặn thành bài văn, mỗi lần bánh pháo, cành nêu, rộp bánh chưng, đôi câu đối, càng thấy xuân, càng nghĩ ngợi vì đường trước thân sau, mà cảm vì xuân xuân bất-tái-lai !

Gió mây biến chuyển cuộc đời,
Xuân sau thời đã khác thời xuân xưa.
Xuân đi thực khó ngăn ngừa,
Cuộc đời xoay có đợi chờ chi ai ?

Tới kỳ óc khôn hơi mở, thời-thế lại xô, bập bẹ ba câu *a, ă, â*, đến lúc bước vào khuôn, buộc vào phép, lòng những nôn-nao, non sông thúc dục, mỗi lần chậu cúc chồi đào, rò thủy-tiên, bông thược-dược, càng thấy xuân càng tưởng đến người xưa nước cũ mà cảm vì xuân ngắn chẳng tầy gang !

Sinh-nhai ngang dọc muôn đường,
Cho hay là cái con đường lợi-danh.
Xuân này mình vẫn là mình,
Cớ sao lại khác cảm-tình xuân xưa.

Tháng lụn ngày thâu, sao dời vật đổi, thấy xuân mà cảm, mượn bút đưa lời, chung trong xuân-cảnh, biết bao nhiêu người, ai trí-âm đó ? sầu hay là vui ?

Những ai gái sắc trai tài,
Yêu nhau góc bể bên trời quản xa.
Có chăng ta biết cùng ta,
Rõ ràng mở mắt đừng ngờ mộng xuân !

MÀN-CHÂU

I

Ngòi bút kiếm ăn

Vụ tết đến nơi, người ta quang gánh ra chợ cả, anh em ta cũng phải kiếm cái bút cái nghiên, chiếc cháp sơn, manh chiếu cói, răm đôi liễn tàu, mươi tờ giấy đỏ, theo sau một thằng nhỏ, chỉnh-chện ra phết thầy đồ, ra tỉnh Hà-nội, tới phố hàng Bồ, thuê một cửa hàng, chọn ngày khai-trương, thánh độ trời thương, nhà nho vận đỏ, gặp nhiều món bở, được cái tết to, không cũng đủ xài chẳng đến nỗi lỗ.

Ngờ đâu trời đất xoay vần, lòng người thay đổi, ưa mầu tường trắng, chán nét chữ đen, từ sáng đến trưa, chẳng ma nào vào hàng, chiều trời đông gió thổi lạnh buốt, đường xe ngựa cát bay bụi mù, khách văn-chương rát mặt phong-trần, lòng hi-vọng nghĩ mà chán ngán, lại nhớ đến những lúc rượu đầy bàn, đàn đầy vách, sách đầy án, khách đầy nhà, miệng ngâm thơ Đỗ-phủ, phú Thiếu-nham, văn Tức-mạc, bụng những chắc đỗ Trạng-nguyên, quan Tể-tướng, vợ Công-chúa, ấy cũng bởi tâm-chí ham muốn những sự cao-viễn ấy, thành ra thân-thế giở dang, hễ số không may, phận không gặp, ngòi bút không quyền phê chữ *y* chữ *chiếu*, thì thủ-nghệ chẳng tinh, cơ-khí chẳng sành, mang cày yếu cánh, theo trâu mỏi chân, đi buôn ngắn vốn, xem hàng chưa quen, buông ngòi bút ra, biết giở nghề gì, cuộc đời thay đổi, đường sinh-nhai lắm nỗi khó-khăn.

Nghĩ kiếm ăn về ngòi bút, há phải nghề bỉ bạc, nhà làm sách, nhà làm báo, người nước văn-minh cũng lấy làm tôn-trọng, quốc-dân nhờ ngòi bút mà tiến-hóa, quốc-vận nhờ ngòi bút mà cường-thịnh, ai dám coi thường giá-trị của người cầm bút, vả tôi vốn con nhà nho, há nhẽ mỉa mai người cùng họ, bạn cùng làng, nhưng liếc quanh bốn bể, ngó rộng năm châu, chưa từng nước nào, nhà văn-sĩ, bậc văn-nhân, rãi thân ra ngõ chợ đầu đường, tranh lợi cùng chú bán phấn, chị hàng tranh, làm cho giảm giá cả con nhà đi học, người biết nghĩ, nghĩ mà ngượng thay !

II

Sắc nước hương trời

Than ôi ! sắc nước hương trời, chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa ! Rõ mầu trong ngọc trắng ngà, đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây ? Ấy là câu văn vịnh hoa thủy-tiên.

Mới đầu tháng chạp các chú đã chở tới hàng trăm, hàng nghìn sọt tiên, người đồng-bang ta cũng sẵn tiền mua tiên, đem về chăm bón, sao cho bẹ trắng rễ giài, lá nhỏ cành thấp, mất công-phu hơn tháng trời, được cái hạnh-phúc ngắm hoa một đôi ngày ; cánh trắng nhị vàng, hương cũng thanh-nhã, nhưng nghĩ lại còn gì bó buộc hơn, khốn khó hơn cảnh người ngồi ngắm mấy bông hoa nhỏ mọn, đựng trong cái bể sứ con con, đối cảnh sinh tình, sao có được những kiến-thức rộng, những ý-tưởng lớn, những câu văn kiện-hùng.

Dẫu rằng chơi hoa lấy sắc lấy hương, chơi thược-dược, đóa hải-đường, bông mai điểm trắng, cúc vàng khoe tươi, muôn hồng nghìn tía, nước ta thiếu gì, mà phải *gánh vàng đi đổ sông Ngô*.

Thậm chí lắm bà lại tin rằng nhà có hoa thủy-tiên, tối ba mươi hàm-tiếu, sáng mồng một toàn-khai, là điềm phát-tài. Lại nhiều nơi lập ra cuộc thi, sô đẩy ganh đua nhau vào cái nghề tỉ-mỉ vô-dụng này.

Thương ôi ! chí-thú con nhà Nam-Việt, nòi giống rồng tiên !

VƯƠNG THỤC
Giáo học trường tư-thục (Hà nội).

Tết ở Huế

Hôm ba mươi còn là năm cũ, phong-cảnh không ra phong-cảnh mùa đông : nắng chan-chan như thể nắng tháng ba tháng tư, nóng bức, mồ-hôi ra có thể ướt áo trong ; đi chơi coi đã lấy làm mệt. Huống tự nhà quê ra đến kẻ-chợ, tiền công bạc chỉnh đem đi sắm Tết, quanh năm có một lần, chẳng nhọc lắm thay ! Thế mà chợ cũng đông, phố trước chợ cũng đông, chen nhau mà mua bán. Nhưng này các ông, phố trước chợ là chỗ dễ buôn bán nhất, lại về tay Chi-na phần hết, cho nên thấy cảnh tuy bề ngoài có lấy làm vui, song bề trong có chút hơi buồn ! Thôi ! sông có khúc, người có lúc. Phép tuần-hoàn có lẽ bỏ ta ru ?

Đi chơi chợ, xem có chi lạ khéo thời mua, cũng gọi tết nhất với người và xem công-nghệ của ta trải bao năm mới đã được tấn tới chi chưa. Xét ra ở đây còn kém. Tết muốn nhà mình sang trọng, bài-trí rực rỡ, thời lại phải mua tới câu đối một hai đồng, thủy-tiên răm ba củ. Như thế khỏi nào mà không tới cửa hàng các Chú. Ấy muốn sang thời phải thế, ấy muốn khoe của thời cũng phải thế. Tiếc nhỉ ! Tết này Chi-na lấy của ta cũng khá tiền ! Công-nghệ ta mong lắm ! Thương-giới ta mong lắm !...

Mình đã bụng bảo dạ có lẽ trời không ưa cảnh Huế này chăng. Có lẽ đâu thế, đây là đất Đế-đô. Quả-nhiên, thật lạ thay ! sang đến mồng một, khí trời thay đổi, mây u ám, muốn mưa mà không mưa, phong-khí mát mẻ. Thật ra cảnh xuân. Ngày xuân, xuân khắp mọi nơi, cỏ cây xanh tốt, vẻ người vui tươi. Trên núi Ngự-bình, dưới sông Hương-thủy, nam-thanh nữ-tú, tài-tử giai-nhân, dập-dìu chơi xuân. Vui cảnh tết ! đẹp cảnh tết !

Mùa, mùa xuân, năm, năm mới, phong-tục, phong-tục xưa, lề-lối, lề-lối cũ, người thời người nửa mới nửa xưa. Sao chẳng lưu-ý tìm-tòi, mới hay thời lấy mới, cũ dở thời bỏ đi, để mà tô-điểm giang-sơn, cho phong-hóa mỗi ngày một vẻ vang ; nỡ trơ trơ không chút hổ ngươi rằng già cỗi trẻ thơ. Kìa thầy Đại-Pháp trèo non vượt biển mấy dặm trường, hết lòng dạy bảo mà trò chẳng chịu chăm rèn, khư khư thủ-cựu để đến nỗi ba mươi mấy năm trời lại chẳng được như xưa. Cờ mà chi, bạc mà chi, đang buổi xuân xanh, góp tiền vào, góp sức vào, mà lo lắng vận-hội sau này. Phải biết khỏe thịnh hèn suy. Cõi Việt-Nam cứ mãi thế này mà văn-minh lân-bang mỗi ngày rực-rỡ, thời tiếng Vua-tôi, ông-cha, vợ-chồng, con-cháu, tưởng có còn bập bẹ trên hoàn-cầu này được chăng ? Lấy làm lo !...

PHÓ ĐỨC-THÀNH (Huế)

DỊCH HÁN-VĂN

Bài minh mộ-chí ông Tô-Tự

(*Bài minh này của ông* TĂNG CỦNG *là một nhà đại-văn-học đời Tống ; văn ông giản mà cứng. Đây dịch y nguyên-văn, lấy tiếng ta mà dịch đúng theo thể-cách văn Tàu, cho biết những văn tụng, kế, bi, minh, tiếng ta cũng có thể làm được cả.*)

Mùa xuân năm đầu niên-hiệu Hi-ninh, bạn đồng-niên ta người Triệu-quận Tô-THỨC từ Thục gửi thư vào kinh nói với ta rằng : « Ông tôi người rất hay mà không dùng ra đời được, cho nên không có cái gì tự kiến với thiên-hạ, nhưng người đời xưa cũng hiếm gì người không tự-kiến mà sau vẫn có tiếng để đời, là vì có người biểu-chương cho vậy. Bởi thế cha tôi tằng chép hết những công việc của ông tôi làm lúc sinh-thời, có ý muốn xin một bài *minh* của ngài, mà chẳng may chưa thành được cái chí đó. Tôi đâu lại dám bỏ chí cha tôi. Ngài vì tôi, minh cho ông tôi ít chữ. »

Ta nhân chép thủy-mạt chuyện ông cụ rằng : « Ông tên húy Tự, tên chữ TRỌNG-TIÊN ; người My sơn châu My ; đời trước gốc người Loan-thành Triệu-quận vậy. Tằng-tổ ông tên KHÁM, tổ ông tên HỰU, cha ông tên KIỂU, ba đời đều không làm quan, mà hạnh-nghĩa có tiếng ở làng xóm. Ông HỰU sinh ở cuối đời Đường mà

mất trong niên-hiệu Hiển-đức đời Châu, thường nhân việc đi đến Thành đô, gặp người đạo-sĩ, trông ông lấy làm lạ, khẽ bảo ông rằng : « Ta có thuật biến-hóa được cả trăm vật, sẽ truyền cho anh. » Ông từ không muốn. Đạo sĩ cười nói : « Ừ ! anh này quả có cái hơn người thật. » Mà quả sau ông hiển-danh thành một nhà từ-thiện.

Ba đời truyền đến ông Tự. Ông đọc sách cốt hiểu đại-nghĩa ; làm thơ cốt đạt được chí mình mà thôi, thơ nhiều đến hơn ngàn bài ; làm người sơ-đạt tự-tín mà giữ mình lại cực khiêm ; khinh-tài hiếu-thí, cấp bịnh hoạn người, mải-miết như sợ làm không kịp ; năm đói, bán ruộng lấy tiền chẩn cho họ-mạc làng xóm, đến lúc có lúa, người ta toan đem trả nợ, ông từ không chịu, nhân thế nhiều lần bị phá-sản, ách về cơ-hàn, nhưng ông vẫn không hối, càng hiếu-thí ; gặp người không kỳ thân sơ, cùng ai một bận cắm tay, thôi chẳng nghi ngại gì nữa, có kẻ lường gạt, ông cũng chẳng phàn-nàn, ít người dò được bụng ông ở. Năm giặc Lý-Thuận đánh châu My, ông ở giữa vòng vây, kiệt-lực thủ-ngữ ; vừa lúc cha ông đau mất, ông trị tang giữ lễ hết lòng thương, yên ủi mẹ già, đâu đấy châu-tất cả. Năm đầu niên-hiệu Khánh-lịch, chiếu vua lập trường học ở các châu huyện, người ta tranh nhau vào tùng-sự trong trường học, ông dẫn con cháu thoái-tị, thiên-hạ phục ông người cao. Đất Thục từ năm loạn Ngũ-đại, người học-hành ít, lại lẫn-quất trong chốn hương-lí, không ai muốn ra làm quan ; một mình ông dạy con là ông Hoán học thật giỏi, đỗ đến Tiến-sĩ, phát khoa cả xứ, người Thục lấy làm vinh, mới đổi bụng chịu theo học, sau châu My học-trò có kẻ muôn, học-phong thực từ nhà ông xướng-thủy. Con út ông là ông Tuân, tuổi đã lớn chưa biết đọc sách, ông cũng chẳng ép, nói với người rằng : « Có lo gì nó không học được » ; rồi sau quả-nhiên ông Tuân phát phẫn chăm học, cùng con là Thức, là Chiệt đều lấy văn-học nổi tiếng trong đời. Ông tuy không có cái gì tự-kiến với thiên-hạ, mà công-nghiệp của ông ở trong làng xóm như thế, không lẽ không truyền được.

Ông trước được ân-điển phong-tặng hàm *đại-lý-bình-sự*, sau tặng lên lần đến *thượng-thư-chức-phương-viên-ngoại-lang*. Hưởng thọ bảy-mươi-nhăm tuổi. Ngày mười-một tháng năm năm thứ năm niên-hiệu Khánh-lịch mất tại cạnh tiên phần thuộc về làng An-đạo huyện My sơn. Phu nhân là họ Sử, tặng *Bồng-lai-huyện-thái-quân*. Hai con là Hoán, Thượng-thư-đô-quan-lang-trung đề-điểm việc hình lộ Lợi-châu, có tiếng giỏi ; và Tuân, chủ bạ huyện Văn-an châu Bá, biên-toản thái-thường-lễ-thư, tặng hàm *Quang-lộc-tự-thừa*. Bảy cháu : là Sự, là Dật, là Bất-Khi, là Bất-Nghi, là Bất-Nguy, là Thức, là Chiệt. Thức, Điện-trung-thừa, chực-sử-quán, Chiệt, quân-sự thôi-quan châu Thương.

Minh rằng.

Họ Tô Triệu-quận, di gia đến Thục ; ba đời không quan, dày đức chở phúc. Ông người lỗi-lạc, biết văn giữ phác ; hiếu với mẹ cha, ơn tới làng-mạc. Người bỏ ta làm, dạy cháu dạy con ; cả vùng hóa theo, học-trò kể muôn. Con ông cháu ông, đồng thời ba người, nổi tiếng văn-chương, lừng-lẫy trong đời. Nhân xét gia-thế, biên tường hạnh-trạng, khắc minh đá này, ngàn năm cảnh-ngưỡng.

* * *

Lời bàn người dịch. — Than ôi ! nước ta thủa nay, hai tiếng « công-nghiệp » chỉ để dùng riêng cho một bậc người có quyền-vị có quan-tư ; ngoài ra thì ở ruộng ở vườn, trừ cày sâu cuốc bẫm, ăn só mó niêu, không còn tưởng đến công-nghiệp gì cả, không còn làm nên công-nghiệp gì cả. Cũng có người

giàu có thiên-tải-vạn-ức, theo như ở các nước văn-minh bây giờ thì hoặc làm nhà thương hoặc làm trường học, hoặc làm thư-quán, hoặc làm công-viên, hoặc làm nhà dục-anh để nuôi trẻ bỏ-côi, hoặc làm trường tập-nghề để giúp người bần-khốn, hoặc tưởng-lệ cho những người văn-học tài-trí, hoặc giùm đỡ cho những người mạo-hiểm thực-dân, hoặc mở-mang về đường thực-nghiệp cho thật to, hoặc kinh-doanh về việc giao-thông cho thật rộng, lợi ích khắp cả thế-giới, thanh-giá nức cả hoàn-cầu, so với ông tổng-đốc, bà thượng-thư, có nhiều người vị-tất công-nghiệp đã được hiển-hách như thế ; mà ở nước mình thì hơn người chẳng qua được lúc chết có năm trạm tế, có bảy tuần chay, có mâm cao cỗ đầy, có minh-tinh nhà táng, thử-ngoại không có chút gì gọi là công-nghiệp, để muôn năm bia miệng với nhân-quần. Thậm-chí những người có trí-thức, có học-hành, vùi đầu trường-ốc, cho đến khi tóc bạc răng long, rủi mà đường khoa-hoạn mắc long-đong, thôi thế là liều cái tánh-mạng ngàn vàng, đành túy-sinh mộng-tử trong dám cỏ tiên rượu thánh. Không biết người ta ở đời, có tài tất có dụng ; hai chữ « công-nghiệp » là chữ chung của các hạng người ai cũng có thể dùng : người ở trong chính-giới thì lấy chính-trị làm công-nghiệp ; người ở trong giáo-giới thì lấy giáo-dục làm công-nghiệp ; người ở trong quân-giới thì lấy quân-sự làm công-nghiệp ; người ở trong học-giới thì lấy học-vấn làm công nghiệp ; người ở trong công-giới thì lấy phát-minh được sảo-nghệ cho nước mình làm công-nghiệp ; người ở trong thương-giới thì lấy thu-hồi được lợi-quyền cho nước mình làm công-nghiệp. Tức như trong bài minh này : làm cha mà dạy nên con cũng là công-nghiệp ; làm con mà hiếu với cha cũng là công-nghiệp ; có tiền mà biết bố-thí cho kẻ bần cùng cũng là công-nghiệp ; ở trong châu quận mà xướng-suất cho người ta làm được việc hay cũng là công-nghiệp. Coi thế biết quyền-vị quan-tư chỉ là công-nghiệp giả, mà hạnh-nghĩa cao, công-đức lớn mới là công-nghiệp thực ; Cần-chánh. Văn-minh, không phải là công-nghiệp, mà công-nghiệp tại hay chí chúa trạch dân ; đô-thống, đề-đốc, không phải là công-nghiệp, mà công-nghiệp tại hay đánh đông dẹp bắc. Những người chỉ biết ham công-nghiệp giả mà không biết ham công-nghiệp thực, đọc bài *minh* này, tưởng cũng là một tiếng chuông tỉnh mộng vậy.

Tôi nhân dịch bài *minh* này, chênh nghĩ tập tục nước mình làm sao lại cứ ham công-nghiệp giả mà ít ai ham công-nghiệp thực, tuy nguyên nhân chẳng phải một cái, mà cái trách ấy, những nhà ngôn-luận cũng không được từ. Ôi ! văn *ký*, văn *minh*, cổ nhân cho là một lối sử-bút, không khen thêm một chữ, không nói nịnh nửa lời, làm cho người thiện phải nức lòng, kẻ ác trông phải mất vía. Nước ta phàm những bi-minh trướng-đối, đều điểm có cái mùi phụ nhiệt xu-viêm : văn bất-tất là có kinh-luân, cũng tạc cho được cái vinh-danh Y Phó ; võ bất-tất là có thao-lược, cũng tôn cho được cái huy-hiệu Tôn Ngô ; miễn là có được cái công-nghiệp giả thì cái công-nghiệp thực tự-khắc thiên-hạ chút cả về mình ; nếu sống mà không đai tía lọng xanh, có hay mấy đi nữa, chết cũng chẳng tượng đồng bia đá. Lưu-tệ chi-cực, khiến người ta cả đời mê-man về cái công-nghiệp giả mà đến cái công nghiệp thực lại không ai thèm làm. Vậy không phải lỗi những nhà ngôn-luận ta thì lỗi ai đó ? Xin các nhà văn nên đọc kỹ lấy bài *minh* này mà thận-trọng khi cầm bút, họa may cột thanh-nghị có thể chống nổi sóng đổi-phong chăng ?

TUYẾT-HUY.

DỊCH PHÁP-VĂN

La sympathie universelle. — Lòng bác-ái

Người ta ở trong xã-hội bởi cái lẽ sinh tồn-cạnh-tranh, thế-tất phải lấy cái chủ-nghĩa duy-kỷ mà đãi lẫn nhau. Cái lòng tham danh-lợi lắm khi làm mất cả cái tình tương-ái, thậm-chí đã có người chán đời mà phải nói : « Loài người là một lũ khỉ dâm-tàn ». Tuy-nhiên bản-tính con người ta có lòng bác-ái, biết thương yêu lẫn nhau, biết cảm-tình với vạn-vật, biết lo nghĩ đến cái đại-thể trong trời-đất. Cứ xét người ta những lúc không có cái cận-lợi gì nó ám ảnh, làm cho cử-động sai cái bản-tính, thì thật là một loài hay lắm, quí-hóa lắm, một cái hoa thơm của trời đất vậy. Chỉ hiềm trong một đời người những lúc như thế ít lắm, nhất là trong thế-giới bây giờ, cái lòng trục-lợi tham-danh thật không có ngăn nào sự cạnh-tranh kịch-liệt hơn cả cổ-kim.

Đoạn văn dịch sau này là tả cái giọt nước mắt của người quân-tử bỗng cảm thương đến muôn loài trong bể khổ mênh-mông : đọc tưởng như bài ngụ-ngôn trong kinh Phật, lại thêm có cái vẻ phong-thú một bậc tuyệt-phẩm tài-tình đời này. Tác-giả là Guyau (Guy-ô) tiên-sinh, thật là một bậc kỳ tài có một. Nhân dây xin lược-thuật truyện-ký tiên-sinh như sau này :

Tiên-sinh sinh tại Laval (La-van) năm 1854, mất tại Menton Măng-tông) năm 1888, thọ có 33 tuổi. Tiên-sinh là một bậc thiên-tài . tư-tưởng cao, văn-chương hay, nhân-cách tuyệt vời. Mười bảy tuổi đỗ văn-khoa-cử-nhân (*licencié ès-lettres*) ; mười chín tuổi được tòa « Triết-học bác-sĩ » ban thưởng về một bài luận-đề về luân-lý ; hai mươi tuổi được cử vào dạy triết-học ở trường Trung-học Condorcet (Con-đô-xê). Tự bấy giờ đến ngày mất, trong khoảng mười năm soạn được hơn mười pho sách, toàn về triết-lý cao-thâm, danh tiếng lừng lẫy cả toàn Âu. Các nhà tư-tưởng Âu Mỹ đều phải phục một người tuổi trẻ thế mà tư tưởng sâu-sắc lạ-lùng, văn-chương cảm-động vô-cùng.

Cái triết-học của tiên-sinh đại-lược như sau này. Phàm mĩ-thuật, luân-lý, tôn-giáo, phải lấy sự sinh-hoạt (*la vie*) làm cốt tử. Sự sinh hoạt mà đến được cực-điểm thì tất phải ảnh-hưởng ra ngoài, ba-cập đến muôn loài muôn vật. Vậy cái tôn-chỉ của khoa-học thời nay cùng sự giáo-dục là phải biểu rõ cái tính vô-ngã (*impersonnalité, altruisme*) của con người ta cùng các sinh-vật. Các loài sinh-tồn trong trời đất này không phải là đặc-biệt nhau đâu, tức là ràng buộc với nhau bằng một cái giây tinh-thần, căn-nguyên tự trong lòng người ta. Tính vô-ngã, lòng bác-ái, tình liên-lạc, bấy nhiêu tiếng cũng là chỉ một cái mối tương-đồng đó mà thôi.

Những sách có lưu-danh của tiên-sinh là những sách này : « Hậu-lai vô tôn-giao luận » (*l'Irréligion de l'avenir*) ; « Mỹ-thuật có quan-hệ với xã-hội thế nào » (*l'Art au point de vue sociologique*) ; « Sự giáo-dục với tính di-truyền » (*Education et Hérédité*). — Tiên-sinh cũng có để lại một tập đề là « Thơ người quân-tử (*Vers d'un philosophe*). Cái pho sách tập đọc tên là *Lecture courante*, có bộ *Première année* học trò vẫn thường học ấy cũng là của tiên-sinh soạn từ khi 18 tuổi.

Bản-báo sau này sẽ lục nhiều bài văn hay của tiên-sinh dịch trong mục *Văn-uyển* này, cho quốc-dân ta biết cái đại-văn-chương trong đời này là thế nào (1).

THƯỢNG-CHI

(1) Trong *Nam-Phong* số 14, trang 101-111, đã dịch một bài « Bể-lớn » của tiên-sinh.

* * *

Un jour que j'étais assis à ma table de travail, mon amie est venue à moi tout inquiète : « Quel front triste ! Qu'as-tu? Des larmes, mon Dieu ! T'ai-je fait de la peine ? — Eh ! non, m'en fais-tu jamais ? Je pleure d'une pensée tout simplement, oui, d'une pensée en l'air, abstraite, d'une pensée sur le monde, sur le sort des choses et des êtres. N'y a-t-il pas dans l'univers assez de misères pour justifier une larme qui semble naître de rien ? »

Tout homme peut pleurer ou sourire ainsi, non sur lui, ni même sur les siens, mais sur le grand Tout où il vit, et c'est le propre de l'homme que cette solidarité consciente où il se trouve avec tous les êtres, cette douleur ou cette joie impersonnelle qu'il est capable d'éprouver. Sympathiser avec la nature entière, en chercher le secret, vouloir contribuer à son amélioration, sortir de son égoïsme pour vivre de la vie universelle, voilà ce que l'homme fera toujours, par cela seul qu'il est homme, qu'il pense et qu'il sent.

J. M. Guyau

Một ngày tôi đang ngồi bàn giấy, thấy tình-nhân chạy lại ngơ-ngác hỏi : « Sao trán trông buồn thế ? Có điều gì đấy ? Trời ôi, khóc đấy, ư? Tôi có làm điều gì phiền lòng không ? — Không ! bao giờ mình lại làm phiền lòng ta ? Ta khóc là chỉ vì một cái tư-tưởng mà thôi, thật thế, một cái tư-tưởng phảng-phất, vô-hình, tư-tưởng về thế-gian, về số-mạnh muôn vật muôn loài. Trong vũ-trụ biết bao nhiêu cảnh khổ-não, không đáng một giọt nước mắt hay sao, mà tưởng giọt nước mắt tự-nhiên vô-cố mà ra ? »

Phàm làm người ai cũng khóc cũng cười như thế được, không phải về thân-phận mình, cũng không phải về người thân-thích mình mà khóc, nhưng khóc vì cái « Toàn-thể » nó bao-bọc mình ; mà cái lòng tự biết có liên-lạc với vạn-vật, biết sướng biết khổ một cách « vô-ngã » như vậy, tức là một cái đặc-tính của loài người vậy Cảm-tình cùng vạn-vật, tìm cho biết cái lẽ huyền-vi của vạn-vật, muốn giúp công cho vạn-vật tiến-hóa, bỏ cái lòng « tư-kỷ » mà sống theo lẽ « đại-đồng », người ta còn là người, còn có cảm-giác, thì còn biết thế mãi.

Thượng-Chi *dịch*

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

I

Địa-cầu vạn-vật luận. — Thực-vật (Botanique). Của Cố Thịnh (Père Fr. Chaize) soạn. — 144 trang, in tại Hương-cảng năm 1918. Bán ở nhà thờ Sở-Kiện (Phủ-lý), giá 0 $ 50.

* * *

Cố Thịnh (Père Fr. Chaize) ở nhà thờ Sở-Kiện (kẻ Sở, thuộc tỉnh Hà-nam) mới xuất-bản một quyển sách dạy về thực-vật bằng chữ quốc-ngữ. Sách chia ra bốn phần :

Phần thứ nhất tổng-luận về loài cây ;

Phần thứ nhì xét về các bộ-phận trong cây : hoa, lá, rễ, v. v. ;

Phần thứ ba xét về sự sinh-sản trong loài cây ;

Phần thứ tư bàn chung về các thứ cây không hoa.

Sách làm có công-phu, lời văn bình-dị, lại thêm nhiều hình vẽ rất tường để giúp cho người đọc dễ hiểu. Thực là một bộ giáo-khoa-thư rất có ích-lợi cho những người thích nghiên-cứu về loài thảo-mộc. Những tên các cây cỏ, soạn-giả đã dụng công đối-chiếu các tên ta với tên tây đúng lắm ; lại những danh-từ riêng về thực-vật-học cũng dịch rất tinh-tường, vụ cho dễ hiểu. Cuối sách có phụ thêm mấy tờ tự-vựng lục những tên cùng những tiếng thuộc về loài cây cỏ, mỗi chữ có thích ra nghĩa tây, có thể giúp cho các nhà tây-học và các nhà khảo-cứu được nhiều.

Nước ta bây giờ đương vào buổi phép giáo-dục thay đổi. Lối nho-học cũ chỉ thuần vụ văn-chương, ngày nay đã bỏ rồi, Chính-phủ định lấy tây-học thay vào. Nhưng muốn cho tây-học truyền-bá được khắp trong nước, không thể mong dùng thuần một thứ chữ Pháp mà được. Chữ Pháp là chữ nước ngoài, bao giờ cũng chỉ có một hạng người học, một hạng người hiểu được mà thôi. Như vậy thì các môn thực-học của Thái-Tây bao giờ cho phổ-cập trong dân-gian ta được ? May thay ! hiện nay đã có chữ Quốc-ngữ, có thể lấy quốc-văn mà dịch-thuật các sách khoa-học tây được. Vậy việc cần-cấp nhất bây giờ là việc dịch sách, thứ nhất là dịch những sách thực-học có ích-lợi hơn là dịch những sách văn-chương phiếm. Nhưng việc dịch sách không phải là việc dễ : phải là người vừa thông tây-học, vừa thạo quốc-văn thì mới có đủ tư-cách mà dịch cho xứng-đáng được. Xét ra các nhà làm sách ta gần đây chưa người nào có đủ tư-cách như vậy, nên những sách xuất-bản đến giờ toàn-thị là sách văn-chương du-hí cả, chưa từng thấy một quyển sách học nào đích-đáng. Thật là đáng tiếc thay !

Nay các Cố là những người thông-hiểu tiếng An-nam ta, lại nhân vì chức-vụ thường chú-ý đến việc giáo-dục người dân ta, nhân thấy sự khuyết-điểm trong học-giới ta đó, bèn ra công dịch-thuật các sách khoa-học tây để giúp cho sự học-vấn của người bản-quốc. Công-phu đó người mình phải biết ơn các Cố lắm lắm. Vả chữ quốc-ngữ chính là bởi các Cố đời xưa đặt ra, trong Giáo-hội vẫn thường dùng chữ quốc-ngữ mà dịch-thuật các thánh-thư ; lấy chữ quốc-ngữ mà làm sách-vở là khởi ra tự các Cố trước. Vậy các Cố thật là có một phần to trong việc gây-dựng ra quốc-văn ta. Chỉ vì những sách-vở của các Cố làm thuần về giáo-lý cả, nên ngoài Giáo-hội ít người được biết. Nay như Cố Thịnh làm sách phổ-thông về khoa-học cách-trí thật là làm một việc ích-lợi chung và bổ được cái khuyết-điểm trong học-giới ta một phần vậy. Chúng ta rất mong rằng các Cố sẽ theo gương Cố Thịnh mà ra công giúp cho sự học-vấn của người An-nam ta một phần to hơn nữa.

Nay bản-báo hẵng xin giới-thiệu sách *Thực-vật* mới của Cố Thịnh cho các nhà hiếu-học trong quốc-dân ta, ai nấy nên đọc, tất bổ-ích được nhiều. Bản-báo lại có lời mừng Cố Thịnh đã làm việc có ích mà mong rằng sau này còn có dịp được giới-thiệu nhiều sách của ngài nữa.

Ph. Q.

II

Principes de la loi pénale Annamite. Đại Nam hình-luật-ý. (Giải nghĩa cái nghị-định ngày 16 Juillet 1917). Của quan trưởng Tòa-án tỉnh Hà-đông Camille Briffaut soạn bằng chữ Pháp; quan Tổng-đốc Hà-đông Hoàng-trọng-Phu dịch ra chữ quốc-ngữ. — In và bán tại nhà Đông-kinh-ấn-quán, 14-16 phố hàng Bông, Hà-nội. (Bản chữ tây và bản quốc-ngữ mỗi bản bán riêng giá : 1 $ 00).

* * *

Chính-phủ Bảo-hộ sửa đổi luật-lệ cho xứ Bắc-kỳ là làm một việc rất có

ích-lợi cho quốc-dân ta, điều đó ai ai cũng rõ cả. Từ nay luật-lệ phân-minh, không có hàm-hồ như trước nữa, người dân theo đấy mà cư-xử cho biết việc nên làm việc không nên làm mà tránh khỏi điều phi-pháp ; ông quan chiếu đấy mà xét đoán mọi việc cho được hợp lẽ công-bằng. Nhưng muốn cho được cái kết-quả hay như thế thì quan cũng vậy mà dân cũng vậy cần phải thuộc luật, không những thuộc cái văn luật mà cốt nhất phải hiểu cái ý luật. Ôi ! nhân-tình rất là phiền-phức mà thế-sự thật là phân-vân ; nhà làm luật phải triết-trung mà định ra phép-tắc. Nhưng những phép-tắc ấy không phải là sắt đá mà khi thành hình rồi cứ trơ-trơ như vậy như cái vật vô-hồn : nó có một cái ý-nghĩa, một cái tinh-thần ở trong đó. Mà cái ý-nghĩa, cái tinh-thần ấy lại trọng hơn là cái hình-thức, cái « tử-văn » của luật. Vậy trong khi đem luật ra thi-hành phải hiểu rõ cái ý-nghĩa, cái tinh-thần ấy, tức một nhà triết-học nước Pháp đời xưa đã gọi là cái « tinh-lý của pháp-luật » (*l'esprit des lois*) vậy.

Nay quan CAMILLE BRIFFAUT trưởng tòa-án tỉnh Hà-đông, vốn là một nhà trước-danh về pháp-luật-học, đã soạn nhiều sách hay có tiếng, đem bộ Luật-Hình mới của xứ Bắc-kỳ mà giải-thích từng mục từng điều, rất tinh rất tường, để vụ trích lấy cái « tinh-lý » ở trong đó. Ngài biên-tập thành một bộ sách trăm trang, định cống-hiến cho các quan án ta để làm cái xe chỉ-nam trong khi thi-hành chức-vụ vậy.

Sách ấy quan Thái-tử-thiếu-bảo lĩnh Hà-đông-tỉnh Tổng-đốc HOÀNG TRỌNG-PHU dịch ra quốc-ngữ, lời văn sáng-sủa bình-dị, ai đọc cũng dễ hiểu.

Người soạn như vậy, người dịch như vậy, thiết-tưởng sách này không cần phải khen ai cũng biết cái giá-trị vậy. Chỉ khuyên các quan-lại cùng những người thích nghiên-cứu về pháp-luật nên đọc cho hiểu rõ cái tinh-lý trong bộ Luật Hình mới của Bắc-kỳ ta.

PH. Q.

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

CON NGƯỜI SỞ-KHANH

(Tả-chân tiểu-thuyết)

Thầy thông ẤT, làm việc ở sở ***, tỉnh ***, mới kết duyên với cô GIÁP, là lịnh-ái ông Bá-hộ ĐINH. Hai bên lấy nhau cũng là xứng đôi phải lứa. Thiên-hạ chẳng ai chê cười điều gì.

Thầy Ất đẹp trai, mặt mày nhẵn-nhụi. Chàng vừa trạc tuổi thanh-xuân ; hình-dung chải-chuốt, áo-quần bảnh-bao.

Cô GIÁP, người mũm-mĩm, trông cũng xinh-xinh. Nàng đương xuân chỉ nhị đào ; rượu nồng dê béo, ai nào chẳng ưa !

Nhà ông Bá, bà Bá cũng có, cho nên đám cưới to. Đồ tư-trang sắm đủ : vòng, xuyến, hột, hoa, mớ ba, mớ bảy, chẳng thiếu thứ gì. Giá người không kể, chỉ những đồ vàng cô dâu đeo ở trong mình, cũng đã ngót nghìn đồng bạc. Lại còn tiền hồi-môn, kể đồn một nghìn, người nói năm trăm ; nhưng thực sự thì chỉ có bốn gói mà thôi, mỗi gói là năm-mươi nguyên chẵn.

Quí-hóa lắm thay ! Thầy ẤT được cả người lẫn của ! Thật là chuột sa trĩnh gạo. . . .

Cưới xong, hai vợ chồng mới, dọn nhà ở riêng. Trừ lúc nào thầy Thông

đi làm việc thì thôi, còn khi ở nhà, hai người cứ bám chặt lấy nhau, không chịu rời ra một phút. Ngày đêm đóng kín cửa lại, vợ chồng hú-hí với nhau: Loan ôm phượng, phượng bồng loan. Miệt-mài trong cuộc chuy-hoan ; trai tơ gái nõn, xuân đang mặn-mà. Tha-hồ vui chữ *« nghi-gia »*!...

***

Cách ít lâu, một hôm chồng bảo vợ rằng : — Mình ơi, mình với tôi, ta lên Hà-nội chơi một phen cho phỉ chí. Tôi sẽ đưa mình đi coi hát tuồng, đi ăn cao-lâu ; lên xem Quán-thánh, trại Hàng-hoa, xuống chơi Bờn-Be, hồ Hoàn-kiếm. Thuê xe cao-su dạo khắp mọi nơi cho thỏa-thích. Mình có ưng không ?

Vợ hớn-hở vui-mừng, hỏi :

— Thế thì hôm nào đi ?

— Để yên xem... Hôm nay thứ mấy ?... Thứ tư, có phải không ?... Vậy thì mai tôi xin phép, đến thứ bảy ta đi.

— Thật, chứ ?

— Thật.

— Ừ, thế thì nhất-định thứ bảy đi, nhé ?

— Nhất-định.

***

Tối thứ sáu, vợ bảo chồng rằng :

— À này, mình ạ. Hai trăm bạc, tôi đem gửi thầy đẻ, nhé ? Mang đi làm gì cho phiền, nhỉ?

Chồng đáp :

— Ừ, đem cả đi làm gì !... Ơ ! thế nhưng mà ngộ mình còn muốn mua-bán sắm-sửa cái gì nữa chăng ? Bất-nhược cứ đem quách cả đi cho tiện.

— Ừ, mà phải. Mấy khi lên Hà-nội, tội gì chẳng sắm ! Để mai đổi cả lấy giấy, mang đi cho khỏi nặng.

***

Chiều hôm sau, lúc sắp ra tàu, bố vợ dặn rằng :

— Trong mình mang nhiều tiền bạc, đi đường phải cẩn-thận lắm mới được. Tôi chỉ lo vợ chồng trẻ, mê ăn mê ngủ, mà ở tàu thủy, thì kẻ cắp như rươi.

Chàng rể thưa :

— Xin thầy đừng ngại. Con ở sở, lắm khi chủ giao cho bạc nghìn, giắt ở trong lưng ; một mình con còn chẳng hề chi, huống-hồ nay lại có cả nhà-con nữa, thì thầy còn lo sợ gì !

Bà Bá bảo rằng :

— Ấy, ở nhà không sao, chứ đi tàu thì phải giữ. Tiền đã bỏ cả trong ví, mà để vào va-lít cẩn-thận rồi, có phải không ? . . . Thế thì những hoa, hột, vòng, xuyến, nhẫn của chị Thông, cũng nên tháo hết ra mà cất vào trong va-lít ấy. Người ngồi đâu thì để liền ngay bên cạnh ; hễ nằm thì gối đầu lên trên, nhé.

— Vâng, vâng.

Vội-vàng miệng nói tay làm, bao nhiêu bộ-cánh thu cả vào valít, chỉ để lại đôi hoa đeo tai mà thôi.

***

Tàu xúp-lê, kéo neo, *xịch-xịch* chạy. Hai giờ đêm, đến bến Hà-thành. Đèn điện sáng chưng, cô Thông nom cũng choáng mắt.

Chồng bảo vợ rằng :

— Ta thuê xe cao-su, vào ô-ten cho tiện.

Vợ ưng :

— Ừ, đi đâu cũng được. Nhưng mà có xa không ?

Chồng nói :

— Không. Chỉ năm xu xe, chạy nhoáng một cái đến nơi ngay.

Rồi gọi :

— Cao-su ! . . . Hai cái !

Vợ lên một xe, chồng lên một xe. Xe vợ chạy trước, xe chồng chạy sau.

Xe kéo rập-rình, qua hết phố này sang phố khác. Đêm khuya, đường-sá

vắng ngắt, thiên-hạ ngủ im. Đến Hàng-Đào, phu xe hỏi :

— Đi cà-phê nào đây, Cô ?

— Tôi cũng chẳng biết nữa. Anh thử hỏi xe sau xem.

Phu xe ngảnh lại, chẳng thấy bóng cao-su nào. Cô Thông thò đầu ra, bảo quay xe lại ; nhìn mãi cũng không thấy gì. Hai bên hàng phố, cửa đóng kín mít ; bốn bề im lặng như tờ. Rãy đèn điện sáng choang, thăm-thẳm một giải đường dài trắng xóa...

Cô Thông giật mình :

— Ô, hay ! xe kia đi vào đường nào ? ... Đây là phố gì, hử bác ?

— Phố Hàng-Đào.

— Bác có biết xe sau chạy ngả nào, không ?

— Không biết.

— Chết chửa ! Coi khéo chẳng lại lạc, nhé...

Cậu cu-li giở giọng ngay :

— Ơ, hay ! có lẽ bây giờ cứ đứng ở giữa đường này, ư ? Cô bảo tôi kéo đi đâu, chứ ?

— Hãy khoan đã, bác. Thử đợi thi nữa xem sao. Ngộ xe nhà tôi đi chậm chăng, vì còn mắc cái va-lít nặng.

Cu-li bèn nạc-mỡ rằng :

— Thôi, mất câu rồi. Đừng mong người với va-lít nữa. Hụt món này, ta lỗng món khác vậy.

Cô ta nghe nói, lạnh gấy cả người ; những lo ngay-ngáy, bụng bảo dạ rằng : « Chết nỗi ! bây giờ làm thế nào đây ? Bơ-vơ phận gái, đêm khuya một mình ở nơi đất khách, biết nương vào đâu?... Mà chồng thì đi đường nào ? Sao lại có lạc được ? Lẽ đâu vô ý thế !... »

Còn đang lúng-túng, thì có phú-lít đi qua, hỏi : « Cái gì ? »

Cô kia vừa buồn, vừa hãi, thấp cao kể rõ sự-tình. Phú-lít bảo : « Đi lên bóp ! »

Ấy mới rầy-rà ! Ấy mới thật là chết ! Làm thế nào được bây giờ, Trời ơi ?...

May sao, giữa lúc ấy, có một thầy, ra dáng làm việc tây, cũng đi qua đó; thấy lôi-thôi, đứng lại gần, xem.

Thốt-nhiên, thầy ta giương mắt chừng-chừng, nhìn vào tận mặt người đờn-bà mà hỏi :

— Có phải Cô Giáp đấy, không ?

Cô Giáp ngạc-nhiên, đổi lo ra mừng :

— Phải, tôi đây... Kia, Thầy Bính !...

— Chết nỗi ! Cô lên đây bao giờ?... Lên làm gì trên này ?... Đi với ai ?... Đêm hôm khuya-khoắt, sao lại chỉ có một mình thôi ?

— Tôi vừa ở tàu thủy lên với nhà tôi...

— Vậy... Thầy đâu ?

— Xe tôi đi trước, xe nhà tôi đi sau. Bây giờ trông lại, không thấy đâu nữa. Dễ thường lạc rồi, Thầy ạ.

— Hừ !... Lạ thật ! Sao lại lạc được ?

Thầy Bính nghĩ một lát, rồi lại đoán rằng :

— Hay là gặp anh em, còn đứng lại nói chuyện, chăng?.. Nhưng cũng không có lẽ... Ai lại bỏ vợ bỡ-ngỡ, đi một mình trong thành-phố đêm khuya như vậy !... Thôi, để tôi nói với thầy Đội. Xin mời Cô hãy về tạm đàng nhà, nghỉ chơi với mẹ cháu cho tiện. Rồi sáng mai ta sẽ liệu.

* * *

Mai cũng chẳng thấy gì ; kia cũng chẳng thấy gì. Trong hai ba ngày, tịnh vô âm-tín.

Cô Giáp sốt gan sốt ruột. Hai vợ chồng thầy Bính trong lòng cũng áy-náy mà phân-vân : « Ô, hay ! Tìm hết nơi này, hỏi hết chỗ kia, sao mà không thấy tăm-hơi đâu cả, là nghĩa làm sao? Kỳ thật !... »

Đến ngày thứ tư, nhân ngồi nói chuyện việc cưới mình, cô Giáp mới thuật lại cả đầu đuôi : « Chồng nghe đâu như người ở tỉnh XXX. Cha mẹ mất sớm, mồ-côi một mình, trước sau chẳng có ai cả ; thân lập lấy thân. Thầy

để thương tình mà gả, chứ nào có phải rằng là tham của tham cải gì đâu ! Vả chưng chồng vốn là thanh-bạch. Thôi thì nhờ trời, nhờ quan trên, có lẽ nay mai cũng lo được bổ vào làm việc Nhà-nước. Tiền-của bây giờ chẳng ngại, chỉ cốt lấy chút công-danh với họ-hàng làng-nước. Nay hai vợ chồng đem nhau lên Hà-nội chơi. Có mang cả mấy trăm bạc đi nữa... »

Thầy Bính bèn hỏi rằng :

— Thế thì bạc ấy đâu ?

— Ấy, nhà tôi giữ. Bỏ ở trong va-lít... Va-lít nhà tôi mang... Lại bao nhiêu đồ vàng của tôi, cũng để cả trong va-lít ấy.

Thầy Bính lắc đầu, thở dài, nhìn cô Giáp mà nói rằng :

— Thôi, Cô mắc lừa rồi, Cô ạ.

Cô Giáp không hiểu :

— Mắc lừa ai ? ... Thầy bảo tôi mắc lừa ai ? ...

— Mắc lừa thằng bợm, chứ mắc lừa ai ! Nó cuỗm cả vàng lẫn bạc, nó tếch lên ngàn rồi .... Sao lại cả tin cái đứa vu-vơ, trên không chẳng dưới không rễ, thế ? ! ...

— Nhà... nhà... nhà tôi ấy, ư ?

— Chứ lại gì !

Cô Giáp chết điếng người. Ngồi lặng im một lát, rồi bưng mặt khóc oà lên :

— Trời đất ôi ! Ngờ đâu con người thế, mà xỏ-lá ba-que ! ...

— Cô ơi, đời bây giờ, thiếu gì những giống tốt mã dài đuôi, làm nghề cậu Sở ! ... *Thôi đà mắc lận thì thôi, đi đâu chẳng biết con người* Sở-Khanh ! .....

* * *

Cách hai ba tháng sau, dò-la mãi, quả nhiên biết rõ tin rằng : Cậu Sở ấy đồng mưu với một ả *giang-hồ*, để lập cái kế tàn-nhẫn này, mà lấy của và hại một đời người đờn-bà đầu xanh tuổi trẻ. Xong rồi, hai đứa đem nhau đi trốn sang đâu Xiêm Lào, để cùng vui hưởng cái của bất-nhân bất-nghĩa.

Phạm Duy-Tốn

CÁI MŨ PHỤC THÙ

(Hài-thuyết dịch ở Pháp-văn)

I

Trước bữa ăn chiều tôi gặp tử tước[1] ở nhà xéc[2].

— Tối hôm nay bác làm gì ?

— Tôi chả làm gì cả. Trời rét. Tôi ở nhà sưởi cho ấm.

— Tôi có cái này hiến bác thú-vị hơn : hiến bác một ghế ngồi ở nhà hát hôm nay có tích hát mới. Thế ăn rồi bác có bằng lòng đi với tôi không ?

— Ừ, thì đi.

Rồi hai anh em cùng đi lên con đường nhà Thánh-Đường[3]. Trời rét cắt thịt. Hai anh em cùng đến nhà hát, tôi ngồi cạnh bạn tôi, ngồi ghế mây có tay, có dựa. Tôi đang liếc mắt nhìn những người đi xem đông lắm, thì thấy, Trời ơi ! lù-lù một bà đi vào dẫy ghế trước, người cao mảnh rẻ, ngồi chính cái ghế giữa trước mặt tôi. Chao ôi ! trông thấy cái mũ bà đội trên đầu mà mất via, mũ to, vành đàng trước thì bẻ

---

(1) Tước Tử = *vicomte*.

(2) Nhà xéc = *Cercle*, chỗ người ta tập họp với nhau có thể dịch là chữ *Hội quán* hay *hội sá* được, nhưng chữ *xéc* nói cũng đã quen.

(3) Con đường nhà Thánh-đường = Boulevard du Temple.

xuống, vành đàng sau thì hếch lên, lại được thêm trên đỉnh mũ gài nào hoa nào lá, nào cây nữa, như đội cả một cái vườn cảnh lên đầu.

Nghe trong sân khấu gõ ba tiếng : màn cuộn lên. Tôi nghe văng-vẳng thấy tiếng hai người đồng-thanh hát ; nhưng thiệt quả không trông thấy người ra làm sao. Tôi đành chịu sái cổ, khi ngoảnh bên nọ, khi nghiêng bên kia ; nhưng ra cũng không xong : hai cái tay áo lụa của bà phồng to lên như hai quả ba-lông[1] che kín mít hai bên, không còn trông thấy gì nữa.

Tôi nói sẽ với bạn tôi rằng : — Ủi chao ôi ! cái mũ ! Cái mũ bực mình chửa !

Bà kia nghe tiếng, ngoảnh lại khinh-khỉnh nhìn tôi, nghểnh vai lên làm cho hai quả ba-lông lại to thêm ra ; rồi bà lại ngồi thẳng người xoay-xở mãi làm cho cái vườn hoa ở trên đầu lại cao hơn lên được vài phân nữa. Tôi bực mình quá, lại phàn-nàn với bạn rằng :

— Hừ ? mình cứ ở nhà mà sướng còn sướng hơn... không phải đi đâu, mà rồi cũng được xem cả tấn hát[2].

Bà kia lại mỉm cười một cách rất là khinh đời ngạo-ngược. Ra bà ấy muốn trêu mình, mình phải trị lại mới xong. Cầm lòng chịu nhịn : đến xem hát hình như ngồi trước một cái máy hát[3], chỉ được nghe tiếng không trông thấy gì.

Kịch đầu hết, tay vỗ ầm cả nhà hát. Người nào cũng ra dáng vui thích lắm — ừ, người nào cũng vui, chỉ trừ có một mình tôi ! Bà kia lại còn dương mắt nhìn muốn nhạo mình nữa.

Lại được thêm người ngồi trước mặt bà bé nhỏ li-ti, đầu rụt vào vai. Tôi nhìn người bé nhỏ ấy : áo nhầu quần cũ, trông ra dáng một cậu tầm-thường làm công đâu đấy thôi.

Tôi đưa người ấy ra một chỗ vắng và sẽ bảo rằng :

— Tôi có một việc riêng muốn cần ngồi cái ghế số 48 của bác. Tôi xin đưa bác hai mươi quan, bác để lại cái ghế ấy cho tôi — Hai mươi quan cũng đáng, vì tích hôm ấy mới hát là lần đầu — tôi xin nhường chỗ của tôi ngồi cho bác, ghế số 92, cứ kể thì cũng... không tốt cho bằng chỗ ghế bác ngồi thực.

Người bé nhỏ mặt mũi hớn hở, bỏ tiền tôi đưa vào ví rồi bảo tôi rằng :

— Rõ ông thật là tử-tế quá, tôi xin vui lòng mà đổi ngay chỗ ấy cho ông.

II

Thế là tôi được cái ghế số 48 !

Lúc mới đầu tôi nghĩ cứ để mũ trên đầu mà vào ghế ngồi, nhưng sau nghĩ lại nếu làm thế thì họ không hiểu chăng và những con hát tất cho mình là vô-lễ, bèn phải bỏ mũ ra.

Bỗng nhưng tôi nghĩ ra được một kế kỳ-quặc mà lại tài-tình — tài-tình mà lại kỳ-quặc !

Tôi ở nhà hát ra, tôi đi vào phố tìm cho được đến một nhà bán mũ đầm[4]. Tôi vào hỏi có thứ mũ nào to lớn vĩ-đại nhất thì tôi mua. Nhà hàng mở tủ ra và lấy cho tôi xem một cái mũ phớt (5) (*feutre*) đen tướng đại, có một miếng nhung tết, lại cài ba cái hoa cao ngồng cao ngòng.

---

(1) Ba-lông = *ballon*.

(2) Câu nay ý nói cứ ngồi ở nhà cũng xem được hát vì tấn hát nào cũng có sách in hết cả các cảnh hát và các câu hát từ đầu chí cuối.

(3) Máy hát = *théâtrophone*.

(4) Bán mũ đầm và may quần áo theo kiểu mới = modiste.

(5) Phớt = *feutre* thứ mũ đội mùa rét làm bằng lông cừu hay lông các loài vật khác đập cho dính vào với nhau.

Tôi mà-cả mua cái mũ sáu mươi quan, mùa thu mà mua được giá ấy là rẻ lắm.

Tôi trả tiền rồi bảo để cái mũ vào trong một cái hòm bằng ca-tông (1), xong tôi lại vào nhà hát.

Tôi ngồi vào ghế số 48, bạn tôi lấy làm lạ mà bà kia lấy làm lo, tôi nghiêm-trang lấy cái mũ phớt có gài hoa ra và tôi đội lên đầu. Không biết rằng mặt tôi râu-ria xồm-xoàm mà đội cái mũ đầm ấy lên trông nó ra thế nào; nhưng tưởng bấy giờ có quả « bôm »(2) nào bỗng nhưng nổ ngay ở giữa nhà hát (3) cũng không xao-xác bằng. Người thì hú lên, người thì đập chân vỗ tay, người lại trèo cả lên ghế để nhìn tôi cho rõ hơn và ai nấy cười ầm cả lên.

Đàn-ông — thực là nam-nhi chi chí! — họ hiểu ý tôi muốn cự lại nhà bà kia, thì họ kêu lên rằng : « Được lắm! Có thế mới được. Được lắm! » Chỉ có bạn tôi, vì bạn tôi là người rứt chinh-đính thấy thế giận lắm, kêu tôi rằng : « Anh điên đấy à? »

Trong khi ồn-ào lên như thế thì tôi cứ nghiễm-nhiên ngồi như không, thỉnh thoảng lại khinh-khỉnh liếc mắt qua vai dòm nhà bà kia.

Khốn, nhưng tôi làm thế có tài-tình thực, song là kỳ-quoặc, khiến cho rạp hát cứ xôn-xao như thế mãi thì không tài nào lại diễn được kịch khác.

Quả-nhiên một chốc có hai bác linh-canh vào nói lễ phép xin tôi đừng chơi đùa thâm thiềm như vậy nữa.

Tôi làm ra mặt cứng đáp rằng : — Hai ông cứ ra bảo nhà bà kia, hễ có bỏ cái mũ của bà xuống trước, thì tôi mới chịu bỏ cái mũ của tôi đây.

Tôi đáp thế thì bên đàn ông họ lấy làm khoái-trí, nhưng bên đàn bà họ rít nhao-nhao cả lên ; hai người linh-canh mới vào bỗng tôi lên, trên đầu tôi vẫn đội cái mũ có gài hoa như vậy, mà đem tôi vào mãi trong buồng con hát, bảo tôi có thật chịu thôi không làm thế nữa, thì họ mới tha.

III

Thế là nhà bà đội « mũ vườn hoa » được.

Thế có khốn-nạn và thảm-thiết cho tôi chưa!

Bỗng đâu tôi thấy một chị con gái làm công đang đi ở từng trên gác, đầu đội cái mũ cỏn con, không đáng mấy tiền. Mũi mắt hếch đong-đưa, người trông xinh lắm.

Tôi mới gọi chị ta vào trong buồng và bảo rằng :

— Thưa cô, tôi muốn hiến cô cái mũ đẹp mới này, tôi vừa mua sáu mươi quan đó một khắc đồng hồ vừa rồi.

Rồi tôi giở cái mũ tướng-đại ra, cô kia trông thích mê.

Cô thẹn đỏ mặt hỏi tôi rằng :

— Thế nhưng phải làm thế nào thì ông mới cho.

— Chẳng phải làm gì cả : cô chỉ đội cái mũ này lên đầu đã ; rồi cô ra ngồi cái ghế số 48 mà xem hát.

Chỉ thoáng một lúc là cô ta bỏ cái mũ cũ ra, đội cái mũ của tôi lên đầu, đứng trước gương soi ngắm nghía một

---

(1) *Ca-tông* = carton. ta có thể dịch là *giấy bồi*, nhưng tiếng *ca-tông* dùng đã quen lắm rồi.

(2) Quả *bôm* = *bombe*.

(3) Chính chữ Pháp à « orchestre » nghĩa là chỗ nhà hát ở từng dưới gần chỗ đội nhạc, ở vào sân khấu và chỗ người ngồi xem.

tí, rồi bước nhanh nhẹ xuống chỗ ngồi, trông như thần-tiên giáng-thế vậy.

Úi chao ôi ! các người ngồi xem họ trông thấy cái mũ của tôi lại hiện ra ở trên đầu một người đàn bà thì họ vui-mừng biết : ao !

Thôi bận này các bác linh cũng chẳng làm gì được.

Tôi thì tôi lên mãi trên thượng từng để nhìn xuống cho nó sướng con mắt, và quả là phục-thù được ! Bà kia không còn trông thấy gì nữa và trong rạp bao nhiêu ống kính chỗ cả vào mà nhìn bà. Bà cũng muốn làm như tôi trước, ngoảnh bên nọ nghiêng bên kia, nhưng về sau bà phải chịu, đứng dậy về, cả rạp họ vỗ tay như sấm.

Nào xem thế có được không !

NGUYỄN VĂN-NGỌC *dịch Pháp-văn*

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN TRONG THẾ-GIỚI

(Tự 21 tháng 1 đến 20 tháng 2 năm 1919)

26 Janvier 1919. — Điện Paris : Hội-đồng nghị-hòa định lập năm tiểu-hội-đồng : — Tiểu-hội-đồng thứ nhất chủ xét về sự lập hội Vạn-quốc, mỗi nước lớn có hai người ủy-viên, còn các nước nhỏ gồm chung là năm người ủy-viên ; — Tiểu-hội-đồng thứ nhì chủ xét về cái vấn-đề các tiền bồi-khoản ; — Tiểu-hội-đồng thứ ba chủ xét về những người có trách-cứu trong việc chiến-tranh ; — Tiểu-hội-đồng thứ tư chủ xét về sự tổ-chức về lao-động-giới (1) chung cho cả các nước (*organisation internationale du travail*) ; — Tiểu-hội-đồng thứ năm chủ xét đặt một cái chế-độ chung cho vạn-quốc về các đường xe lửa và đường tàu bè.

— . — Điện Paris : Tiểu-hội-đồng của hội Nghị-hòa xét về hội Vạn-quốc (*Ligue des Nations*) có những quan đại-biểu các nước như sau này :

Nước Mĩ : quan Giám-quốc WILSON và quan đại-tá HOUSE.

Nước Anh : quan nguyên-lão (*lord*) ROBERT CECIL và quan F. E. SHMIT.

Nước Pháp : quan LÉON BOURGEOIS là người khởi-xướng ra cái phong-trào về hội Vạn-quốc ở nước Pháp ; và quan LARNAUDE, trưởng khoa Pháp-luật ở trường Đại-học Paris (*doyen de la Faculté de Droit*).

Nước Ý : quan tổng-lý Nội-các ORLANDO và quan thượng-nghị-viên SCIALOJO.

Nước Nhật : quan CHIUDA tử-tước (*Vicomte*) và quan OCHIAI.

29 Janvier. — Điện Paris : Hội Nghị-hòa xét về cái vấn-đề các thuộc-địa của Đức : nước Nhật-bản xin quần-đảo Carolines và Marshall, Úc (châu (Australie) thì xin đảo Nouvellé-Guinée, Nouvelle-Zélande và Samoa ; nước Tàu xin lại Giao-châu. — Quan SIMON tổng-trưởng bộ thuộc-địa nước Pháp, bày những sự yêu-cầu của nước Pháp ở Phi-châu, xin đặt đất Congo và đất Cameroun dưới quyền cai-trị nước Pháp. Các quan hội-đồng nghe lấy làm phải ; quan tổng-lý nội-các nước anh LLOYD GEORGE cũng ưng.

(Theo các nhật-báo thì nghe như nước Mĩ xin trao các thuộc-địa Đức cho hội Vạn-quốc. — Người Đức cũng phản-đối cái ý của Đồng-minh muốn chia thuộc-địa cuả Đức, nói rằng nếu làm như vậy thì trái cái tôn-chỉ của quan WILSON và gây ra một điểm không hay cho hội Vạn-quốc sau này).

— . — Điện Amsterdam : Có điện ở Berlin nói rằng bộ sứ Đức ở Hội Nghị-hòa có những viên-chức như sau

---

(1) Lao-động-giới 勞働界 = Gồm các đẳng thợ trong nước cùng những vấn-đề thuộc về các đẳng thợ, cách thợ giao-tiếp với chủ, giờ làm, tiền công, v. v. — LE TRAVAIL (tiếng mới nghĩa mới).

này : Scheidemann, bá-tước Rantzau, bá-tước Bernstorff, Erzberger, và Haussmann-Scheidemann và bá-tước Rantzau thì chỉ dự mấy kỳ mở Hội mà thôi, còn mọi việc thương-thuyết thì ủy cho bá-tước Bernstorff, Erzberger và Haussmann.

— . — Điện Paris : Năm nước Pháp, Anh, Ý, Mỹ và Ý sắp họp Hội-đồng mỗi nước năm người ủy-viên để bàn vô thể-lệ sự giao-thông bằng tàu bay trong các nước với nhau, thể-lệ ấy sẽ đệ trình hội Nghị-hòa.

— . — Điện Cavité : Ngày 28 janvier, quan Giám-quốc Wilson đọc một bài diễn-thuyết ở Hội-đồng Nghị-hòa, đại-lược như sau này :

« Quan chủ Hội-đồng đã cho tôi cái hân-hạnh được mời các ngài họp lại đây để mở cuộc bàn về hội Vạn-quốc (*Ligue des Nations*). Trước hết ta phải cố giải-quyết cho được hai cái vấn-đề như sau này : Thứ nhất là điều-đình cho xong việc chiến-tranh ; thứ nhì là giữ-gìn cho thế-giới được yên-ổn ; muốn giữ-gìn cho thế-giới được yên-ổn thì điều-đình việc hiện-tại còn chưa xong, phải dự-định việc tương-lai nữa. Muốn cho thỏa cả mọi đàng thì cứ như ngu-ý cần phải lập cho thành một hội Vạn-quốc mới được. Thuộc về sự điều-đình việc chiến-tranh thì có nhiều điều phiền-phức lắm, phải cố giải làm sao cho ổn-thỏa mới được. Cái phận sự của bọn ta không những là phải điều-đình những việc đó mà thôi đâu, cái phận-sự ta còn cao hơn nữa, vì ta họp nhau ở đây là vì những cơ-hội đặc-biệt vậy. *Tôi dám nói rằng bọn ta không những là người thay mặt của các chánh-phủ ta, mà thật là những người thay mặt của cả các dân-quốc ta, tôi nói thế không sợ rằng nói ngoa vậy.* Làm cho thỏa lòng các chánh-phủ chưa đủ, phải làm cho thỏa đáng với cái dư-luận của mọi người mới được. Cái gánh nặng sự chiến-tranh này đã làm khổ cả toàn-thể các dân đã dự vào cuộc chiến-đấu. Tôi không cần phải nói các ngài cũng biết rằng đến đàn bà con trẻ người già người yếu cũng phải chịu cái gánh nặng ê-chề ấy. Bây giờ vạn-quốc cử ta ra đây để kết cuộc hòa-bình thế nào cho muôn nước được yên-ổn từ đây, cho về sau khỏi cái tai-nạn như lần này nữa, vậy thì ta phải cố công gắng sức làm thế nào cho những sự khốn ách ấy khỏi trùng-lai được nữa, cho sinh-linh khỏi phải một lần lầm-than cực-khổ như thế này. Cái phận-sự, cái nghĩa-vụ của ta là phải kết cuộc hòa-bình này thế nào cho thế-giới được yên-ổn. Ta phải điều-đình thế nào cho mọi sự được công-bằng, cho cuộc hòa-bình được vững bền mãi mãi về sau này. Đó là cái mục-đích thứ nhất của hội này. Sự điều-đình có thể tạm-thời được mà cái mục-đích kia bao giờ cũng phải chú-ý mới được. Cái mục-đích đó ta có thể đạt tới được. Ta phải nhớ cái thế-giới ngày nay là cái thế-giới nào, ta phải biết rằng đời nay học-vấn thâm-thúy là dường nào, phát-minh rộng-rãi là bao nhiêu, mọi dường tiến-bộ cực mau, không nên để cho đem dùng những sự hay đó mà phá-hoại cuộc văn-minh trong thiên-hạ. »

31 Janvier . — Điện Cavité : Nước Mỹ đã công-nhận Chính-phủ lâm-thời (*Gouvernement provisoire*) của nước Pologne (tức là nước Ba-lan) ; quan Lansing, tổng-trưởng bộ ngoại-vụ nước Mỹ theo lệnh quan Giám-quốc Wilson ngày hôm nay gởi quốc-thư cho quan Paderewski là người đứng đầu chính-phủ mới của nước Pologne. Trong quốc-thư nói rằng : quan Giám-quốc nước Mỹ có lời báo-cáo với Chánh phủ lâm-thời nước Pologne rằng ngài hết lòng chúc mừng cho nước Dân-quốc Pologne (*République polonaise*) được thịnh-vượng. Nước Pologne nay đã được độc-lập, nước Mỹ lấy làm vui mừng sắp có dịp được giao-thiệp với quí-chính-phủ và giúp cho quí-quốc chóng được liệt vào hội Vạn-quốc.

3 Février . — Điện Cavité : Nước Mỹ mới xây xong cái cảng (*dock*) lớn nhất trong thế-giới, bề dài 1022 thước anh (*pieds anglais*), bề sâu 43 thước, có thể đựng được những tàu cực lớn, kinh-phí mất 4 triệu bạc (*dollars*) ; xây trong bảy tháng xong.

— . — Điện Lyon : Trưa hôm nay, quan Giám-quốc Wilson nước Mỹ tới thăm Hạ-nghị-viện (*Chambre des Députés*) nước Pháp. Quan Giám-quốc nước Pháp, quan Tổng-lý Nội-các, các quan Nội-các, các quan ngoại-giao-đoàn (*corps diplomatique*), các quan đại-biểu của liệt-cường ở Hội Nghị-hòa, cùng cả các nghị-viên hai viện làm lễ nghênh-tiếp ngài. Ông Deschanel, nghị-trưởng Hạ-nghị-viện đọc lời chúc mừng quan Giám-quốc. Quan Wilson đọc bài diễn-thuyết đáp lại, khen nước Pháp đã có công to trong cuộc chiến-tranh và mong rằng liệt-quốc từ nay sẽ cố gây lấy cuộc hòa-bình cho lâu bền vững-vàng.

7 Février. — Điện Paris: Ebert là thủ-tướng của Chánh-phủ lâm-thời Đức, họp Quốc-hội Đức ở thành Weimar, hôm khai-hội có diễn-thuyết công-kích cái chánh-sách bảo-thủ, cái chánh-sách bạo-động, cái chánh-sách muốn lấy cớ hòa-bình mà thi-hành sự cướp-lược; lại kháng-nghị cái điều-ước đình-chiến nặng quá, dọa Đồng-minh rằng nếu bắt ép quá như vậy thì có lẽ nước Đức không tham-dự vào việc nghị-hòa nữa; lại yêu-cầu rằng có lập hội Vạn-quốc thì phải để cho nước Đức vào bằng-đẳng với Liệt-cường mới được; sau hết chào mừng nước Áo đã quyết chí thực-hành việc thống-nhất trong nước. — Quốc-hội Đức đã bầu Edouard David, nguyên làm thứ-trưởng (*sous-secrétaire d'Etat*) ở bộ ngoại-vụ làm Chủ-hội.

— . — Điện Cavite: Các ủy-viên Nhật-bản ở Hội Nghị-hòa ngày 7 mới rồi thuật lại cho Hội-đồng nghe lịch-sử cái vấn-đề. Nhật-trung-Đại-lược nói rằng: Nước Nhật với nước Tàu từ xưa giao-thiệp vẫn tử-tế, kịp đến khi xảy ra trận Nhật-Thanh chiến-tranh, từ bấy giờ nước Đức hết sức dựng cơ-sở bên Á-đông này. Sau cái điều-ước Porstmouth, nước Đức lại tìm cách ngăn-trở sự buôn-bán trong hai nước. Kịp đến trận Nhật-Nga, nước Đức bây giờ chiếm-cứ hẳn Giao-châu cho đến tháng 8 năm 1914, không chịu trả lại. Nhật phải đề quân sang đánh. Nay chiến-tranh đã xong, Nhật xin trả lại đất ấy cho Tàu, nhưng xin Tàu biết cho rằng cái cửa bể Giao-châu ấy là tiền người Đức, công người Đức làm ra, và cứ lẽ thì trong 80 năm nữa mới hết hạn cho thuê, Tàu mới có quyền lấy lại được. Còn như điều-ước Trung-Nhật năm 1915 thì không phải là mật-ước chi, chỉ định cái cách nước Tàu nước Nhật giúp đỡ nhau ở đất Sơn-đông mà thôi. Các nước, cả nước Mĩ, cũng từng biết cái điều-ước đó. Nước Nhật chỉ tìm cách khoáng-trương về đường kinh-tế và giao-thông buôn-bán với liệt-cường. Nước Nhật thật không có cái chí muốn xâm chiếm gì đất Tàu cả.

12 Février. — Điện Paris: Quốc-hội nước Đức bầu Ebert làm Giám-quốc Đức.

14 Février. — Điện Paris: Hội nghị-hòa họp đại-hội đồng. Quan Giám-quốc Wilson đọc cái dự-án về hội vạn-quốc. Cái dự-án ấy có 14 nước ký tên ở dưới, quan Giám-quốc trình cho Hội-đồng xem rồi nói thêm mấy câu rằng: « Tờ công-văn này là kết-án sự chiến-tranh đây, tuy trong lời văn là nói chung cả mọi việc mà thực là chủ đảm-bảo cho cuộc hòa-bình vậy. Nay không phải là còn tìm cái tôn-chỉ ở đâu nữa, cái tôn-chỉ đã rõ ra đấy rồi, chỉ cần phải thực-hành mà thôi. Cái võ-lực đã bị thua. Các dân-tộc từ nay có thể họp nhau làm một nhà, sau này có ngày coi nhau như anh em được. »

. — Điện Paris: Scheideman diễn-thuyết cái chương-trình của chính-phủ Đức cho quốc-hội Đức họp ở Weimar. Chương-trình ấy chủ mấy điều như sau này: đặt một chính-phủ trung-ương mạnh để giữ cho thế nước được vững-vàng; giảng-hòa cho trọng xong, xin ưng-nhận cái chương-trình của quan Wilson; không chịu nhận sự hòa bắt ức; thuộc-địa Đức phải trả lại Đức; tù binh Đức phải cho về ngay; phải cho nước Đức vào hội Vạn-quốc, quyền-lợi ngang bằng liệt-cường; lập tòa tài-phán (*tribunaux d'arbitrage*) để tránh sự chiến-tranh; bỏ cái lối ngoại-ngao bí-mật.

15 Février. — Điện Paris: Fehrenbach thuộc đảng trung-ương (*le centre*) được bầu làm nghị-trưởng Quốc-Hội Đức ở Weimar, thay cho David có chân vào Nội-các.

. — Điện Paris: Hội Nghị-hòa nghe mấy bài diễn-thuyết của quan Wilson, Cecil, Orlando, Venizelos, rồi quyết-nhận cái dự-án về hội Vạn-quốc. Quan Bourgeois cũng ưng-nhận, nhưng ngài nói kỹ rằng cần phải đặt một cái cơ-quan để phòng-bị những sự nguy-hiểm cho nước Pháp, nước Tỉ (Belgique), nước Tắc (Serbie), cùng các dân-quốc mới thành.

Cái dự-án về hội Vạn-quốc định đặt một tòa « Thi-hành Hội-nghị » (*conseil exécutif*) gồm các ủy-viên của Liệt-cường, lại đặt một tòa « tài-phán » (*tribunal d'arbitrage*) thường-trực để có thể giải-quyết các việc phân-tranh trong các nước, lâm-thời có thể dùng những cách đàn-áp về đường tài-chính, kinh-tế, quân-sự; về đường quân-sự thì mỗi nước sẽ góp một phần lục-quân hải-quân mà lập thành một ngạch quân chung). Trong dự-án lại đảm-bảo cho sự « lĩnh-thổ hoàn-toàn » (*intégrité territoriale*) của các nước có chân Hội; hạn-chế sự chế-tạo các đồ dùng về chiến-tranh trong mỗi nước; bắt mỗi nước phải báo-cáo cho Hội biết

cái tình-hình những công-nghệ trong nước có thể giúp cho sự chiến-tranh, cùng cái chương-trình về lục-quân hải-quan trong nước. Trong dự-án lại định phàm những thuộc-địa của một cường-quốc nào đã thoát ra ngoài cơ-mi của nước ấy mà xét ra không đủ tư-cách tự-trị được thì liệt-cường phải đặt cách bảo-hộ cho ; sẽ cử một nước nào giữ quyền bảo-hộ, nhưng khi cử phải hỏi ý người đân bản-xứ.

16 Février. — Điện Paris : Quan Giám-quốc WILSON tạm trở về nước Mĩ.

18 Février. — Điện Singapore : Kỳ-hạn đình-chiến lại tăng thêm vô-hạn, mấy điều trước chưa thi-hạnh nay định nặng thêm lên.

20 Février. — Điện Lyon ; Sáng sớm ngày thứ ba 18 février, xe quan thủ-tướng CLÉMENCEAU vừa ở phố Delessert (Paris) đi xuống, thì có một tên cầm súng lục bắn mấy phát vào xe ngài. Tên ác-phạm bị bắt ngày lập-tức. Cứ lời quan thầy thuốc xét lúc mới đầu thì quan CLÉMENCEAU bị đạn vào dưới sương vai bên tả, qui-thể vẫn như thường.

— Theo điện mấy ngày sau thì nói đạn có chạm phổi, nhưng quan thầy thuốc mong rằng sẽ trích ra được, không lấy gì làm nguy lắm. Cứ tin-tức gần đây thì quan CLÉMENCEAU đã khỏi và đã dự việc Hội đồng nghị-hòa rồi.

— Tên ác-phạm là một tên COTTIN nghe đâu thuộc về đảng « vô-chánh-phủ » (*anarchiste*) và xem chừng không kết-liên với bọn phản-quốc nào.

VIỆC TRONG NƯỚC

Hội Khai-tri-tiến-đức. — Trong *Thời-đàm* kỳ trước, bản-báo đã nói ở Hà-nội đương sửa-soạn lập một Hội đặt tên là « Khai-tri tiến-đức hội » (tên tây là *Association pour la formation intellectuelle et morale des Annamites*, viết tắt là A. F. I. M. A.). Hội ấy nay đã được quan trên duyệt y các điều-lệ, và thành-lập từ ngày 5 février 1919. Lập-tức Hội đặt tạm một tòa Hội-đồng quản-trị gồm hai mươi ông hội-viên vào Hội trước nhất, cử quan Cai-trị L. MANTY làm chánh-chủ Hội tạm, và ông BÙI-ĐÌNH-TÁ làm phó-chủ-hội tạm ; rồi gửi một tờ đạt cho các hàng quan-lại cùng các bậc danh-giá trong toàn-hạt Bắc-kỳ để mời các ngài vào Hội cho đông. Hiện nay mới mời có các ngài ở Bắc-kỳ vì hội mới được phép quan Thống-sứ Bắc-kỳ mà thôi, nhưng mong rằng nay mai sẽ được phép quan Toàn-quyền thì bấy giờ có thể mời rộng cả về Trung-kỳ Nam-kỳ nữa, vì mục-đích Hội là gồm cả tam-kỳ vậy.

Nay xin lục tờ đạt của Hội như sau này :

« *Thưa ngài,*

« *Mới rồi chúng tôi mấy người họp nhau* « *dựng thành điều-lệ và xin phép quan trên* « *lập một hội đặt tên là* « Khai-trí-tiến-đức-« hội ». *Mục-đích hội là thừa cái chủ-nghĩa* « *khai-hóa của Nhà-nước mà dùng các cách* « *chánh-đáng để giúp cho sự mở-mang tri-* « *thức, gìn-giữ đạo-đức trong quốc-dân An-* « *nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-* « *Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng nước* « *Đại-Pháp, bảo-tồn cái quốc-túy của nước* « *Việt-Nam ta, cùng là bênh-vực cho quyền-* « *lợi người Pháp người Nam trong trường* « *kinh-tế. Muốn thực-hành cái mục-đích* « *đó, hội sẽ làm báo, làm sách, hoặc diễn-* « *thuyết để cho phổ-cập khắp mọi nơi. Hiện* « *xét báo* « Nam-phong tạp-chí » *xuất-bản tại* « *Hà-nội đã ngót hai năm nay cũng cùng* « *giữ một chủ-nghĩa như trên kia, nên Hội* « *đã điều-đình với các người chủ-trương* « *báo ấy xin công-nhận báo* « Nam-phong » « *làm cơ-quan của Hội và mượn một phần* « *trong báo ấy để biên-chép các công-việc* « *trong Hội.*

« *Hội lại định dựng một nhà* « *hội-quán* » « *tại Hà-nội để làm nơi công-sở của Hội.* « *Trong ý các nhà sáng-lập thì muốn sắp* « *đặt nơi* « *hội-quán* » *đó như sau này :*

« 1° *làm một chốn công-đồng để các* « *người có chân hội cùng những bậc thượng-* « *lưu trong nước : kẻ buôn bán, người học-* « *hành, kẻ làm nghề, người làm quan,*

« hằng ngày tới lui mà đọc sách, chuyện-
« trò, bàn-bạc, cho thêm cái tình thân-mật
« trong những hạng người tri-thức trong
« nước. Tức như các nhà « cercles » của
« người Tây vậy.

« 2· làm một nhà khách-sạn, vừa là nơi
« ở trọ, vừa là nhà hàng cơm, để các hội-
« viên ở các tỉnh qua-lại Hà-nội vào đấy
« mà ăn mà ngủ cho tiện. Hiện nay những
« khách qua lại Hà-nội thường phải vào
« trọ các nhà cao-lâu khách, vừa mất một
« mối lợi cho người mình mà lại vừa phải
« nhiều điều phiền-nhiễu.

« Hội có mấy hạng Hội-viên như sau
« này :

« 1· Sáng-lập hội-viên, (*Membres fondateurs*),
« là những người đứng ký tên điều-lệ, hay
« là Chủ-trì hội-viên, là những người khi
« hội đã thành-lập ra công giúp cho Hội
« được vững-vàng phát-đạt và có phần vào
« các công-việc của Hội. Khi vào Hội phải
« nộp 20 $ và mỗi năm phải mua báo của
« Hội.

« 2· Tán-trợ hội-viên, (*Membres bienfaiteurs*),
« là những bậc danh-giá trong nước, ưng
« cái chủ-nghĩa của Hội mà muốn giúp cho
« được rộng đường mở-mang, tư-cấp cho
« Hội tự một trăm đồng trở lên.

« Các ông sáng-lập-hội-viên hay là chủ-
« trì-hội-viên muốn kiêm cả tán-trợ-hội-
« viên cũng được.

« 3· Thường hội-viên (*Membres adhérents*),
« là những người ưng cái chủ-nghĩa của
« Hội có giấy xin vào chân Hội và được
« Hội công-nhận. Hạng này không phải
« đóng tiền, chỉ phải mua báo và các sách
« vở của Hội xuất-bản.

« Công việc quản-trị trong Hội thì có một
« Hội-đồng Trị-sự mười một người, do các
« sáng-lập và chủ-trì-hội-viên mỗi năm đặt
« Đại-hội đồng lận-cử.

« Nghĩa-vụ của các hội-viên là thứ nhất
« phải nhiệt-thành với cái chủ-nghĩa của
« Hội, thứ nhì là đối với người đồng-hội
« phải hết lòng thân-ái và hết sức giúp
« đỡ lẫn nhau. Còn các phận-sự khác thì
« sẽ nói tường trong điều-lệ Hội.

« Nay quan Thống-sứ đã y các chương-
« trình điều-lệ của Hội và đã cho phép hội
« được thành-lập, chúng tôi có lời trình
« ngài biết và xin ngài vào một chân chủ-trì
« hội-viên, hay là tán-trợ hội-viên, cùng với
« chúng tôi kết đoàn-thể và ra công thực-
« hành cái chủ-nghĩa như trên kia.

« Ngài xưa nay vốn có lòng nhiệt-thành
« về những việc công-ích, chúng tôi mong
« rằng ngài sẽ vui lòng phục thư nhận lời
« vào hội với chúng tôi.

« Xin liệt theo sau đây những tên các
« người sáng-lập hội-viên. Còn điều-lệ của
« hội thì đã in trong báo Nam-Phong kỳ
« tháng hai tây này. »

Thay ông Chánh-chủ Hội-đồng quản-trị tạm
Ông Phó Chủ-hội

BÙI ĐÌNH-TÁ

Hai mươi ông hội-viên vào Hội đầu và kiêm làm « Hội-đồng quản-trị » tạm, xin liệt tên như sau này :

Ông Louis Marty, quan cai-trị
Hoàng Trọng-Phu, tổng-đốc.
Thân Trọng-Huề, tổng-đốc.
Đoàn Triển, tổng-đốc hưu-trí.
Trần Văn-Thông, tuần-phủ.
Nguyễn Hữu-Thu, nghị-trưởng Hội Tư-vấn Bắc-kỳ (Chambre Consultative)
Nghiêm Xuân-Quảng, án-sát.
Bùi Đình-Tá, quản-lý hội Đồng-ích.
Trần Nhật-Tỉnh, tri-phủ.
Đào Huống-Mai, buôn bán.
Lê Văn-Phúc, chủ nhà in.
Phạm Quỳnh, làm báo.
Nguyễn Bá-Trác, làm báo.
Vũ Ngọc-Hoánh, án-sát.
Lê Bá-Tứ, buôn bán.
Nguyễn Quí-Toản, giáo học.
Đào Văn-Sử, tham-biện sở Hỏa-xa.
Nguyễn-Lễ, Hóa-học chuyên-môn.
Trịnh Văn-Hợi, Hóa-học chuyên-môn.
Đoàn Ký, giáo-học.

Điều-lệ Hội xin đăng như sau này :

THIÊN THỨ NHẤT

Mục-đích, sở-tại và cách tổ-chức Hội

Điều thứ nhất. — Lập ra ở Hà-nội một hội đặt tên là « Khai-trí tiến-đức hội », các nhà sáng-lập xin đặt theo pháp-luật Đại-Pháp. Mục-đích Hội là dùng các cách chánh-đáng và nhờ Chánh-phủ kiểm-đốc, truyền-bá trong quốc-dân An-nam các học-thuật của Thái-Tây và tư-tưởng của Đại-Pháp, khuyến-kích người dân làm việc đạo-đức cùng là bảo-trì cho lợi-quyền người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Hội chủ nhất phát-hành một tập nguyệt-báo để biên chép những công việc của Hội, ngoại-giả lại đăng những bài bằng chữ Pháp, chữ quốc-ngữ của các hội-viên soạn ra để giúp vào cái mục-đích của Hội. Hội lại định xuất-lãi xuất-lực giùm-giúp cho những nhà làm các sách-vở hợp với mục-đích Hội và quan trên không có lệnh cấm.

Hội sẽ đặt lớp dạy cho người lớn học thêm tiếng Pháp, và mở diễn-thuyết để giảng-giải về các môn khoa-học phổ-thông có ích-lợi cho đường sinh-hoạt trong quốc-dân An-nam.

Những khi nào có cuộc công-đồng như mở hội-nghị, mở đấu-sảo, v. v., Hội có thể xin phép Chánh-phủ đem công giùm-giúp vào được.

Muốn cho các hội-viên có tình liên-lạc với nhau, Hội sẽ tìm cách lập ra ở Hà-nội, là nơi sở-tại chánh, một nhà « hội-quán » (tức như các nhà *cercles* Tây) riêng cho quốc-dân An-nam, điều-lệ nhà « hội-quán » ấy khi nào biên-định xong sẽ đệ trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt-y. Lại định đặt những « hội-quán » ở các tỉnh nữa, hội chánh kiểm-đốc, mỗi khi đặt sẽ có xin phép chánh-phủ trước.

Hội không được vận-động gì về việc chánh-trị, cũng không được vận-động gì về việc tôn-giáo.

Điều thứ 2. — Nơi hội-sở chánh đặt ở Hà-nội.

Điều thứ 3. — Số Hội-viên không có hạn-định. Có ba hạng hội-viên : thường-hội-viên, sáng-lập-hội-viên hay là chủ-trì-hội-viên (1) và tán-trợ-hội-viên.

THIÊN THỨ NHÌ

Thể-thức vào Hội

Điều thứ 4. — Người nào xin vào Hội làm thường-hội-viên thì phải gởi giấy về ông Chủ Hội ở Hà-nội. Trong giấy phải biên rõ tên tuổi, chức-nghiệp và chỗ ở của người xin. Giấy ấy in vào trong nguyệt-báo của Hội. Hai tháng sau khi đăng báo, nếu Hội-đồng quản-trị của Hội không nhận được giấy phản-đối có chứng-cớ của một người hay là nhiều người hội-viên tại-chức, thì người đứng xin được nhận vào chân Hội.

Hoặc có người phản-đối, thì hẵng đình chưa nhận vào Hội vội, rồi hỏi người đứng xin có ưng xin nữa không, và xin nói mật cho Hội biết vì cớ gì mà có người phản-đối như thế.

Xong rồi, Hội-đồng quản-trị sẽ tùy-nghi quyết-định có nên cho vào Hội hay không.

Những người vị-thành-niên (nghĩa là chưa đến 21 tuổi) không được vào chân gì trong Hội.

Điều thứ 5. — Những sáng-lập hay là chủ-trì-hội-viên của Hội-đồng quản-trị phải nộp vào Hội hai-mươi đồng bạc, nộp làm một lần. Mỗi lần có hội-viên mới xin vào Hội-đồng quản-trị, thì Hội-đồng quản-trị phải quyết-định, trong bốn phần hội-viên tại-chức được ba phần ưng thì mới được vào; hỏi ý các hội-viên thì hoặc hỏi ở nhà, hoặc viết thư hỏi.

Những người dân Tây cũng được phép xin vào Hội-đồng quản-trị.

---

(1) Sáng-lập hay là chủ-trì-hội-viên cũng là một hạng, quyền-lợi cũng như nhau ; duy gọi sáng-lập là hai mươi người vào Hội đầu, đứng lập điều-lệ và đứng xin phép quan trên.

Điều thứ 6. — Người nào cấp cho Hội tự một trăm đồng trở lên thì được chức « tán-trợ-hội-viên ».

Điều thứ 7. — Sáng-lập hay là chủ-trì-hội-viên và thường-hội-viên khi vào Hội phải tự-nguyện cổ-động cho các sách-vở báo-chí của Hội đã được phép Chánh-phủ phát-hành được nhiều người đọc người xem, cổ-động cho những cuộc diễn-thuyết của hội mở ra được nhiều người đến nghe; lại tự-nguyện lấy tình thân-ái mà giúp đỡ lẫn nhau trong các cơ-hội không trái với pháp-luật và phong-tục trong nước.

Thường-hội-viên thì ngoài cái số tiền đồng-niên mua báo của Hội, không phải đóng tiền gì khác nữa. Số tiền mua báo ấy sẽ do Hội-đồng quản-trị định, nhưng không được hơn bốn đồng một năm.

Điều thứ 8. — Những khi như sau này thì mất chân hội-viên:

1° hoặc người hội-viên chẳng may chết đi, hoặc nửa chừng xin cáo-thoái, khi ấy thì phải có giấy xin thôi viết cho ông Chủ Hội và ông Chủ Hội nhận được phải trả lời;

2° hoặc không chịu nộp tiền đóng;

3° hoặc có cớ gì quan-trọng mà Hội-đồng quản-trị phải sóa tên đi, khi ấy thì Hội phải mời người hội-viên ấy đến mà thuyết-minh các lẽ.

Người nào phải án về trọng-tội thì tiện-thị là phải bãi ra ngoài Hội. Người nào phải án về tội trừng-trị thì nên bãi hay không sẽ do Hội-đồng quản-trị quyết-định.

THIÊN THỨ BA

Hội-đồng quản-trị và các hội nhánh

Điều thứ 9. — Hội-đồng quản-trị của Hội là gồm hai mươi người sáng-lập-hội-viên có tên ký tập Điều-lệ này trước nhất. Hội-đồng ấy sẽ tăng thêm những chủ-trì-hội-viên mới vào sau, theo như điều thứ 5 trên kia.

Điều thứ 10. — Hội-đồng quản-trị mỗi năm lận-cử một tòa trị-sự cho Hội, tòa trị-sự ấy có những viên-chức như sau này: bảy viên quản-lý, một viên tổng-thư-ký, một viên phó-thư-ký, một viên tổng-thủ-quĩ, một viên phó-thủ-quĩ. Bấy nhiêu viên-chức đều cử trong những người có chân Hội-đồng quản-trị.

Điều thứ 11. — Chức Chủ-hội và Phó Chủ-Hội do tòa trị-sự cử bằng phép bỏ thăm kín. Ông Chủ-hội có quyền họp các hội-viên Hội-đồng quản-trị làm đại-hội-đồng, để hỏi ý về việc lợi-hại trong Hội, hoặc để sửa đổi lại Điều-lệ này. Khi ông Chủ-hội có việc ngăn-trở thì ông Phó-Chủ-Hội thay trong các chức-quyền.

Điều thứ 12. — Tòa trị-sự của Hội-đồng-quản-trị được cất đặt các người làm việc cho Hội.

Tòa trị-sự lại phải trông nom về sự thi-hành các điều-lệ và sự tuân-theo các kỷ-luật trong Hội. Tòa trị-sự thay mặt Hội đối với quan trên và đối với người ngoài.

Tòa trị-sự lại phải thâu-nhận các giấy má về việc Hội rồi truyền giao ngay cho viên thư-ký, không được chậm trễ.

Điều thứ 13. — Hội-đồng quản-trị có phép cho đặt những hội nhánh ở các tỉnh, nhưng quyền-hạn của những hội nhánh đó thì do Hội chánh ủy cho bao nhiêu được bấy nhiêu mà thôi, các hội nhánh phải nhất-thiết tuân mệnh-lệnh của Hội chánh.

Nơi nào muốn đặt hội nhánh thì ít ra phải có được hai mươi người hội-viên ở nơi đó mới được.

Điều thứ 14. — Chức-vụ của viên thư-ký là phải chép biên-bản các kỳ hội-đồng, đăng-tả vào sổ nhật-ký hội. Những công-văn của Hội hoặc giấy nhận được, hoặc giấy gởi đi, phải cho vào sổ và đóng dấu.

Điều thứ 15. — Chức-vụ của viên tổng-thủ-quĩ là phải thâu-nhận các khoản tiền-bạc của Hội và làm giấy biên-lai bằng một quyển sổ răng-cưa.

Lại phải trả các tiền tiêu-phí của Hội và trình cho Hội biết những người nào chưa đóng tiền; ba tháng một, phải kê một cái tổng-biểu về việc tiền-bạc trong Hội.

Sổ sách về việc thủ-quĩ phải đệ trình cho các hội-viên Hội-đồng quản-trị xét, có duyệt rồi mới là sác-định.

Điều thứ 16. — Các sổ-sách và tiền-bạc thì do viên tổng-thủ-quĩ giữ, hoặc gởi ở nhà "băng" nào, đứng tên Hội.

Viên thủ-quĩ không được giữ trong quĩ hơn ai trăm bạc.

Hoặc khi nào viên thủ-quĩ phải đứng tên Hội mà vay nợ để chi việc Hội thì các Hội-viên Hội-đồng quản-trị có cái liên-đái-trách-nhiệm về những nợ đó.

Điều thứ 17. — Tiền thâu-nhập đồng-niên của Hội là những tiền của người ngoài cấp cho Hội, cùng những tiền đóng của các hạng sáng-lập hay là chủ-trì-hội-viên.

Điều thứ 18. — Tiền thâu-nhập được bao nhiêu chia hai-mươi phần để riêng ra một phần làm tiền « trử-kim » của Hội. Tiền « trử-kim » không thể truyền-dịch được.

Điều thứ 19. — Tiền chi-tiêu gì trong Hội phải có chữ ông Chủ-hội, hay là ông Chủ hội vắng phải có chữ ông Phó chủ-hội tại-chức ký nhận thì viên Thủ-quĩ mới được trả.

Điều thứ 20. — Tờ báo-cáo và sổ thâu-nhập chi-xuất đồng-niên, cứ đến cuối năm thì đệ trình cho Hội-đồng quản-trị duyệt, rồi đăng vào báo của Hội.

Điều thứ 21. — Những khi như sau này thì Hội giải-tán :

1· khi hội-đồng quản-trị bàn với đại-hội-đồng các hội-viên quyết-định nên giải-tán ;

2· khi Hội không đủ tiền chi-dụng.

Điều thứ 22. — Khi Hội giải-tán, thì hội-đồng quản-trị trước khi tan cử một người ủy-viên trao cho cả các tiền-bạc giấy-má của Hội để kết-toán mọi việc trong Hội.

Nếu kết-toán xong cả mọi việc mà còn lại bao nhiêu tiền thì tiền ấy sẽ phân-phát cho các hội khuyến-học trong bản-xứ.

Điều thứ 23. — Hội-đồng quản-trị họp những kỳ nào độ nào thì sẽ định trong tập « Qui-tắc » (Règlement intérieur) của Hội.

Mỗi lần Hội muốn họp công-đồng phải xin phép quan sở-tại trước (luật ngày 30 Juin 1881).

Khi nào trong Hội-đồng quản-trị có một hội-viên đứng xin và ít ra là chia ba hai phần hội-viên khác ký tên tán-thành vào, thì có thể họp đại-hội-đồng cả các hội-viên trong Hội. Hội-viên nào không đến dự-hội được thì có thể mượn một người thay, người ấy cũng phải có chân Hội mới được. Một người hội-viên có mặt không thể thay được hơn hai mươi người hội-viên vắng mặt. Thể-thức sự mượn thay ấy thế nào, sẽ do Hội-đồng-quản-trị dự-định.

Điều thứ 24. — Thuộc về các công-việc của Hội, thì hết thảy các Hội-viên trong Hội-đồng quản-trị đều có liên-đái-trách-nhiệm, trách-nhiệm ấy không ai từ-chối được và cũng không thể nặng nhẹ khác nhau được.

Điều thứ 25. — Các khoản trong điều-lệ này sẽ đệ-trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ và quan Toàn-quyền Đông-dương duyệt-y, khi duyệt rồi sẽ thi-hành được ngay.

Hội-đồng quản-trị sau này sẽ lập « Qui-tắc » để định các cách-thức về việc thi-hành điều-lệ này và nhất là về sự tổ-chức cùng cách hoạt-động của các hội nhánh.

Khi nào hội muốn cải lại điều-lệ thì lại phải xin phép Chánh-phủ theo như điều 291 trong Luật Hình Đại-Pháp.

Chủ Hội tạm-thời
Ký tên : L. MARTY

Đã duyệt-y để đính
vào tờ nghị-định số 304
ngày 5 février năm 1919
Quan Thống-sứ Bắc-kỳ :
Ký tên : BOURCIER SAINT-CHAFFRAY

NGHỊ-ĐỊNH QUAN THỐNG-SỨ BẮC-KỲ

cho phép lập hội như sau này :

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ,

Chiếu lời sắc-lệnh quan Giám-quốc Đại-Pháp ngày 20 tháng 10 năm 1911 định quyền-hạn của quan Thống-đốc Nam-kỳ và các quan Khâm-sứ Thống-sứ các xứ ;

Chiếu lời Thượng-Dụ của Đức Hoàng-Thượng Đại-Nam ngày 26 tháng 7 năm 1897, có nghị-định quan Toàn-quyền ngày 13 tháng 8 năm 1897 chuẩn thi-hành ;

Nghị-định như sau này :

Điều thứ 1. — Cho phép mở một hội An-nam ở Bắc-kỳ đặt tên là « Khai-trí tiến-đức hội », sở-tại ở Hà-nội.

Điều thứ 2. — Hội ấy đặt theo pháp-luật Đại-Pháp, Chánh-phủ có quyền kiểm-đốc theo như thể-thức trong tập Điều-lệ đính theo đây.

Phép này cho rồi có thể bãi đi được.

Điều thứ 3. — Quan Đồng-lý phủ Thống-sứ và quan Đốc-lý Hà-nội phải chiếu nghị thi-hành.

Hà-nội, ngày 5 tháng 2 năm 1919.
Quan Thống-sứ Bắc-kỳ
(*Nghị-định* Ký tên : BOURCIER SAINT-CHAFFRAY *số 304*)

Theo điều thứ 5 trong Điều-lệ thì các hội-viên mới xin vào Hội-đồng quản-trị, phải có các hội-viên cũ trong bốn phần ba phần người ưng-nhận mới được. Vậy ngày chủ-nhật 23 Février 1919, hai mươi ông Hội-viên kiêm hội-đồng quản-trị tạm có họp lại để nhận các hội-viên mới xin vào chân chủ-trì, cả thảy được 115 ông. Hội-đồng thuận-nhận hết, xin đăng tên chức các ngài như sau này, theo thứ-tự A B. (1).

Ông	Bùi Thiện-Căn,	tri-huyện Văn-giang.
	Bùi Mạnh-Hợp,	buôn bán ở Châu-cầu.
	Bùi Huy-Tiến.	án-sát Bắc-ninh.
	Bùi Đình-Thình,	tri-phủ Thuận-thành.
	Bùi Huy-Tín,	thầu khoán Hanoi.
	Cố Phương-Tập,	tham-biện tòa Công-chánh Haiphong.
	Chế Quang-Ẩn,	tuần-phủ Kiến-an.
	Đặng Đức-Cường,	Tổng-đốc Hải-dương.
	Đoàn Duy-Huyên,	tri-huyện Kim-anh.
	Đỗ Đức-Khôi,	tham-biện tòa Thương-chánh Hanoi.
	Đỗ Kiêm-Thiện,	tri-huyện Yên-hưng.
	Đặng Vũ-Trợ.	tri-huyện Phượng-nhỡn.
	Đào Trọng-Vận,	tri-phủ Ứng-hòa.
	Đặng Trần-Vĩ,	án-sát Lạng-sơn.
	Đỗ Uông,	thầy thuốc Thái-bình.
	Dương Bá-Trạc,	trợ-bút báo Nam-phong.
	Hoàng Kim-Bảng,	quản-lý hội Quảng-hưng-Long
	Hoàng Thụy-Chi,	tri-phủ Kiến-thụy.
	Hoàng Hữu-Đôn,	tri-huyện Phú-xuyên.
	Hoàng Quang-Hưng,	thầu khoán Hanoi.
	Hà Văn-Ngoạn,	tri-huyện Hoành-bồ.
	Hoàng Quang-Thịnh,	thầu khoán Hanoi.
	Hà Duy-Thành,	tri-huyện Chí-linh.
	Hà Duy-Thăng,	thông-phán tòa Sứ Nam-định.
	Hoàng Xuân,	tri huyện Thanh-trì.
	Hoàng Quang-Bình,	buôn bán ở Hanoi.
	Lê Cẩn,	tri-huyện Gia-lâm.
	Lê Thiện-Bảo,	đại-lý hiệu buôn.
	Lê Thanh-Giai,	đại-lý hiệu buôn.
	Lê Đức-Hoạt,	cử-nhân, ký lục tòa án Hanoi.
	Lê Nhiếp,	án-sát Phú-thọ.
	Lê Đình Lục,	tri-huyện Tiên-lữ.
	Lê Tụng	tri-huyện Võ-giàng.
	Lê Đình-Tĩnh,	buôn bán Hanoi.
	Lương Văn-Phúc,	tri-phủ Thường-tín.
	Lê Thế-Vĩ,	án-sát Quảng-yên.
	Mai Trung-Cát,	tổng-đốc Bắc-ninh.
	Mai Du-Lân,	làm sở Công-chánh Bắc-kỳ.
	Mạc Đình-Tư,	chủ nhà in Hanoi.
	Mai Toàn-Xuân,	tri-phủ Từ-sơn.
	Nguyễn Mạnh-Bồng	trợ-bút báo Nam-phong.
	Nguyễn Văn-Bân,	án-sát Tuyên-quang.
	Nguyễn Văn-Bùi,	buôn bán Quảng-yên.

(1) Đây toàn là các ngài gửi giấy trước ngày 23 Février cả; còn những ngài gửi về sau ngày ấy thì hội-đồng chưa xét, đăng báo không kịp, kỳ sau sẽ lần lượt đăng.

Ông	Nguyễn Tấn-Cảnh,	án-sát Nam-định.
	Nguyễn Đình-Chuẩn,	án-sát Thái-bình.
	Nguyễn Chước,	án-sát Kiến-an.
	Nguyễn Ý-Củ.	nghị-viên Hải-dương.
	Nguyễn Hữu-Cự,	thầu khoán Vĩnh-yên.
	Nguyễn Đình-Cường,	tham-biện sở xe lửa Vân-nam.
	Nguyễn Bá-Chính,	thông-sự Hanoi.
	Nguyễn Thừa-Đạt,	buôn bán Kiến-an.
	Nguyễn Hữu-Đản,	chánh-tổng An-lương.
	Nguyễn Văn-Diệm,	thầu khoán Hanoi
	Nguyễn Văn-Hội,	thông-phán phủ Toàn-quyền.
	Nguyễn Văn-Hoán,	thông-phán phủ Toàn-quyền.
	Nguyễn Gia-Huy,	chủ nhà tắm Phúc-lợi Hanoi.
	Nguyễn Văn-Hiếu,	làm việc nhà buôn Haiphong.
	Nguyễn Văn-Kính.	buôn bán (nhà Quảng-hưng-Long) Hanoi.
	Nguyễn Kỳ,	làm ruộng Hà-đông.
	Nguyễn Kim-Lân,	Buôn bán Hanoi.
	Nguyễn Kỳ-Nam,	cử-nhân Nam-định.
	Nguyễn-Phòng,	án-sát Thái-nguyên.
	Nguyễn Đình-Quì,	án-sát Ninh-bình.
	Nguyễn Năng-Quốc,	án-sát Hưng-yên.
	Nguyễn Nghi	tri-phủ Đa-phúc.
	Nguyễn Tất-Tế,	tri-phủ Mỹ-đức,
	Nguyễn Hòa-Tấn,	buôn bán Hải-phòng.
	Nguyễn Hữu-Thục,	thầy giáo dạy vẽ Hanoi.
	Nguyễn Ngọc-Xuân,	chủ nhà in Văn-minh Hanoi.
	Nguyễn Trọng-Hồ.	thầu khoán Nam-định.
	Nguyễn Văn-Chung,	buôn bán Bắc-ninh.
	Nguyễn Mạnh-Hướng,	trợ-tá phủ Phồ-yên.
	Nguyễn Xuân-Điều,	thông-phán sở Đốc-lý Hải-phòng.
	Năm-Sinh (Lê Văn-Thược)	thầu khoán Hải-phong.
	Nguyễn Đình-Kao,	chủ nhà hát Hải-phòng.
	Nguyễn Văn-Thịnh,	làm việc nhà buôn Hải-phòng.
	Phùng Huy-Bích,	thông-phán sở Thương-chánh.
	Phạm Diễm,	tri-huyện Cẩm-giàng.
	Phan Đình-Hòe,	tri-phủ Kinh-môn.
	Phạm Đức-Hinh,	buôn bán Hải-phòng.
	Phan Như-Khuê,	chủ hiệu đóng giầy Hanoi.
	Phạm Văn-Khoan,	chủ hiệu bán đồ thêu, Hanoi.
	Phạm Cao-Kương,	làm việc nhà buôn.
	Phạm Xuân-Sắc,	lý-trưởng Hải-xuyên.
	Phạm Duy-Tốn,	buôn bán Hanoi.
	Phạm Văn-Thụ,	tuần-phủ Thái-bình.
	Phạm Chu-Chinh,	tri-huyện Hoàn-long
	Phan Tất-Tạo,	Đội sở tầu bay.
	Phạm Bá-Rong,	tri-phủ Lý-nhân.
	Phạm Đình Công,	buôn bán ở Bần-yên-nhân
	Phùng Quốc-Chí,	tri-huyện Mỹ-lộc.
	Trịnh Quang-Du,	tri-huyện Động-hỉ.
	Trịnh Văn-Chinh,	buôn bán Hanoi.
	Trần Nhật-Dũng,	buôn bán Hanoi.
	Trương Công-Lập,	thông-phán phủ Toàn-quyền.
	Trịnh Duy-Huyến,	tri-huyện Yên-phong.
	Trần Nhật-Long,	buôn bán.

Ông Trần Mỹ,	tuần-phủ Hà-nam.
Từ Nguyên-Mạc,	tri-huyện (Vĩnh-yên).
Trần Viết-Soạn,	buôn bán Hanoi.
Tạ Duy-Tư.	thầy thuốc chữa răng.
Trần Lưu-Thứ,	tri-phủ Quốc-oai.
Trịnh Kế-Vinh,	tri-phủ Bình-giang.
Trần Trọng-Kim,	giáo-học Hanoi.
Trần Văn-Quả,	chủ hội Ích-nông (Thường tín).
Vũ Văn-Cung,	làm việc nhà buôn Hải-phòng.
Vi Văn-Định,	án-sát Cao-bằng.
Vũ Trung-Hòa,	buôn bán Nam-định.
Vũ Ngọc-Liễn,	tri-huyện Duyên-hà.
Vũ Huy-Thực,	tri-phủ Hoài-đức.
Vũ Công-Thiệu,	tri-huyện Trương-mỹ.
Vương Văn-Trọng,	chủ hiệu giầy Hanoi.
Vương Vĩnh-Tuy,	buôn bán, Hà-nội
Vương Khả-Nhật,	thạm-biện thương-chính.
Vũ Đăng-Minh (Minh-Ký)	buôn bán Hanoi.

Vào hạng tán-trợ-hội-viên là những ngài cấp cho Hội một trăm đồng thì hiện đã có hai ông :

Ông Bạch Thái Bưởi, chủ tàu thủy.

— Hoàng Quang-Hương, thàu-khoán

Theo điều thứ 4 trong Điều-lệ, ông nào xin vào chân Thường-hội-viên phải viết thơ cho Hội, Hội cho đăng báo, trong hai tháng không có ai dị-nghị thì được công-nhận vào Hội. Hiện nay có bảy ông viết thơ xin vào chân thường-hội-viên, xin kê tên chức như sau này :

Nguyễn Khắc-Nghị,	buôn bán Hải-dương.
Triệu Đức-Thu,	thư-ký đồn điền Thái-nguyên.
Lại Đức-Vị,	huấn-đạo Động-hỉ.
Ngô Trọng-Sủng	thư-ký sở tầu thủy.
Mai Văn-Tiên,	đốc-công sở Canh-nông Đáp-cầu.
Lê Thụy-Chân,	nghị-viên tỉnh Phúc-yên.
Trịnh-Văn-Minh	làm nhà Banque, Hanoi
Nguyễn Văn-Soạn	Giáo-học trường Thanh-trì

Các ông hội-viên họp hội đồng ngày 23 février 1919 nhân có xét đến một cái vấn-đề như sau này : là trong tờ đạt có phân-biệt ra hai hạng *sáng lập* và *chủ-trì hội-viên*, chính trong điều-lệ thì là một hạng, quyền-lợi cũng y như nhau, không khác gì ; có ông sợ rằng cùng một hạng mà gọi là hai tên như vậy hoặc có người hiểu lầm chăng. Vậy « Hội-đồng quản-trị tạm » định giải-thích như sau này cho rõ ràng và cho khỏi có người ngộ-nhận : Nguyên *sáng-lập* và *chủ-trì hội-viên* cũng là một hạng mà thôi, vả trong bản Điều-lệ chữ tây cùng gọi một tên là *fondateurs*, không có phân-biệt gì. Duy tiếng *sáng-lập* ta thì cái nghĩa hẹp hơn tiếng *fondateurs* ; *sáng-lập* là chỉ chỉ những người đứng tên xin phép với Nhà nước lập hội lúc ban đầu. Vậy muốn cho rõ nghĩa thì để riêng tên *sáng-lập* gọi những người đó, còn những người vào sau khi hội đã được phép thành-lập thì gọi là *chủ-trì*, nghĩa là những người ra công chủ-trương phủ trì cho Hội được phát-đạt. « Sáng-lập » hay là « chủ-trì », hai tên cũng trang-nhã như nhau, dùng để cho rõ nghĩa, chớ không có ý phân đẳng-cấp gì. Vậy « Hội-đồng quản-trị tạm » có lời thuyết-minh như vậy, để các ngài vào Hội khỏi nhận lầm.

Ngài nào muốn vào hội vào chân nào, xin viết thư để tên chức rõ ràng và gửi cho Ông Bùi Đình-Tá, quản-lý nhà Đông-ích-hội, Hanoi : — hoặc viết cho ông Lê Văn Phúc chủ nhà Đông-kinh-ấn-quán, hay là ông Phạm Quỳnh, chủ-bút *Nam-phong*, cũng được.

Hiệu in Đông kinh ấn quán

chủ nhân : LÊ-VĂN-PHÚC

Phố hàng bông, số 16 — Hà-nội

Hiệu có in sách, in sổ, thư từ, văn bằng, bao-bì, giấy việc quan, trương-trình, vân vân.

In chữ sắt, in thạch bản, in các mui, tranh vẽ.

Khắc triện, khắc gỗ, khắc đồng.

Bán sách học, truyện, nhật-trình, tạp chí, v. v.

Sở Đông-dương địa-đư có gửi bán **ĐỊA-ĐỒ CÁC HẠT**, để các quan, các điền- chủ, cùng các ngài đi du-lịch tiện dụng.